

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI**

**NGUYỄN THỊ MAI HÒA**

**HOÀN THIỆN HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN  
TẠI CÔNG TY CP ĐẦU TƯ KINH DOANH  
TỔNG HỢP D&C**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN**

HÀ NỘI - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO      BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI**

**NGUYỄN THỊ MAI HÒA**

**HOÀN THIỆN HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN  
TẠI CÔNG TY CP ĐẦU TƯ KINH DOANH  
TỔNG HỢP D&C**

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số : 60340301

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. PHẠM ĐỨC CƯỜNG

HÀ NỘI - 2016

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tôi xin cam đoan rằng các thông tin trích dẫn trong luận văn đã được ghi rõ nguồn gốc.

**Học viên thực hiện Luận văn**

## LỜI CẢM ƠN

Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới các thầy cô trường Đại học Lao Động Xã Hội đã giúp tôi trang bị tri thức, tạo môi trường thuận lợi nhất trong suốt quá trình học tập và thực hiện luận văn này.

Với lòng kính trọng và biết ơn, tôi xin được bày tỏ lời cảm ơn tiến sỹ Phạm Đức Cường đã hướng dẫn tận tình cho tôi thực hiện nghiên cứu.

Xin chân thành cảm ơn các cán bộ, nhân viên Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C đã chia sẻ thông tin, cung cấp cho tôi nguồn tư liệu hữu ích phục vụ cho luận văn. Đặc biệt xin được gửi lời cảm ơn tới ban lãnh đạo Công ty đã tạo điều kiện cho tôi được học tập và nghiên cứu.

Tôi xin gửi lời tri ân tới gia đình và bạn bè đã động viên và hỗ trợ tôi rất nhiều để tôi có thể hoàn thành khóa học.

Xin chân thành cảm ơn!

# MỤC LỤC

<b>LỜI CAM ĐOAN</b> .....	0
<b>DANH MỤC HÌNH</b> .....	7
<b>DANH MỤC SƠ ĐỒ</b> .....	9
<b>DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT</b> .....	10
<b>Chương 1: GIỚI THIỆU CHUNG</b> .....	11
1.1. Lý do chọn đề tài .....	11
1.2. Tổng quan các công trình nghiên cứu .....	12
1.3. Mục tiêu nghiên cứu .....	17
1.4. Câu hỏi nghiên cứu.....	18
1.5. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu.....	18
1.6. Phương pháp nghiên cứu .....	19
1.7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài.....	20
<b>CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP KINH DOANH THƯƠNG MẠI</b> .....	21
2.1. Khái quát chung về hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp .....	21
2.1.1. Các khái niệm.....	21
2.1.2 Phân loại hệ thống thông tin kế toán với doanh nghiệp.....	22
2.1.2.1 Phân loại hệ thống thông tin kế toán theo chức năng .....	22
2.1.2.2 Phân loại hệ thống thông tin kế toán theo phương thức xử lý:.....	22
2.1.3 Vai trò của hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp .....	23
2.1.4 Sự phát triển hệ thống thông tin kế toán.....	24
2.2 Nguyên tắc xây dựng hệ thống thông tin kế toán .....	24
2.3 Nội dung tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp kinh doanh thương mại .....	26
2.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	26
2.3.2. Tổ chức hệ thống thông tin kế toán theo các chu trình kinh doanh.....	27
2.3.2.1. Chu trình chi tiêu .....	27

2.3.2.2. Chu trình bán hàng .....	33
2.3.2.3. Chu trình cung cấp dịch vụ .....	37
2.3.3. Dữ liệu và phần mềm xử lý dữ liệu.....	43
2.3.3.1. Dữ liệu và cơ sở dữ liệu.....	43
2.3.3.2. Phần mềm xử lý dữ liệu .....	44
2.3.4. Hệ thống phần cứng sử dụng trong tổ chức AIS.....	48
2.3.5. Hệ thống kiểm soát nội bộ .....	49
2.3.5.1. Cấu trúc kiểm soát nội bộ .....	49
2.3.5.2. Kiểm soát hệ thống thông tin kế toán.....	51
2.3.5.3. Kiểm soát sự an toàn và trung thực của số liệu .....	52
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2 .....	52
<b>CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CP ĐẦU TƯ KINH DOANH TỔNG HỢP D&amp;C.....</b>	<b>54</b>
3.1. Giới thiệu chung về Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C ....	54
3.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển.....	54
3.1.2 Đặc điểm hoạt động kinh doanh.....	55
3.1.3 Đặc điểm cơ cấu tổ chức quản lý .....	57
3.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và hệ thống kế toán.....	58
3.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.....	58
3.1.4.2. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán .....	58
3.2. Nguyên tắc tổ chức hệ thống thông tin kế toán áp dụng tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C .....	60
3.3 Nội dung tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C .....	62
3.3.1 Tổ chức hệ thống thông tin kế toán tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C theo các chu trình kinh doanh .....	62
3.3.1.1 Chu trình chi tiêu tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C ..	62
3.3.1.2 Chu trình bán hàng tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C	74
3.3.1.3 Chu trình ghi sổ kế toán và báo cáo kế toán tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C.....	104

3.3.2	Dữ liệu và phần mềm xử lý dữ liệu.....	110
3.3.3	Hệ thống phần cứng sử dụng trong tổ chức AIS tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C .....	115
3.3.4	Hệ thống kiểm soát nội bộ tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C .....	115
3.4	Đánh giá hệ thống thông tin kế toán tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C .....	119
3.4.1	Ưu điểm.....	119
3.4.2	Hạn chế .....	120
	<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 3</b> .....	123
	<b>CHƯƠNG 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CP ĐẦU TƯ KINH DOANH TỔNG HỢP D&amp;C</b> .....	124
4.1.	Phương hướng hoàn thiện tổ chức hệ thống thông tin kế toán tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C .....	124
4.2.	Giải pháp hoàn thiện tổ chức AIS tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C .....	125
4.2.1	Hoàn thiện về tổ chức bộ máy kế toán.....	125
4.2.2	Hoàn thiện về tổ chức các chu trình kinh doanh .....	126
4.2.2.1	Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán chu trình chi tiêu .....	126
4.2.2.2	Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán chu trình bán hàng .....	128
4.2.2.3	Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán chu trình báo cáo kế toán .....	134
4.2.3	Hoàn thiện về tổ chức dữ liệu, phần mềm xử lý dữ liệu.....	134
4.2.4	Hoàn thiện về tổ chức sử dụng phần cứng .....	136
4.2.5	Hoàn thiện về kiểm soát nội bộ .....	136
	<b>KẾT LUẬN</b> .....	139
	<b>PHỤ LỤC</b> .....	141
	<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	141
	<b>BẢNG CÂU HỎI PHÒNG VẤN</b> .....	144

## DANH MỤC HÌNH

HÌNH	NỘI DUNG	TRANG
Hình 2.1	Lưu đồ chứng từ chu trình chi tiêu- mua hàng hóa nhập kho	30
Hình 2.2	Lưu đồ chứng từ chu trình chi tiêu- mua dịch vụ	32
Hình 2.3	Lưu đồ chứng từ chu trình bán hàng	36
Hình 2.4	Lưu đồ chứng từ chu trình cung cấp dịch vụ	39-40
Hình 2.5	Giao diện phần mềm kế toán Fast Accounting	44
Hình 2.6	Giao diện phần mềm kế toán Misa	46
Hình 2.7	Mô hình hệ thống ERP	47
Hình 3.1	Lưu đồ chứng từ chu trình chi tiêu-mua dịch vụ, hàng hóa không qua kho	64-65
Hình 3.2	Lưu đồ chứng từ chu trình chi tiêu-mua ô tô Honda	68
Hình 3.3	Lưu đồ chứng từ chu trình chi tiêu-mua phụ tùng Honda nhập kho	70
Hình 3.4	Lưu đồ chứng từ chu trình chi tiêu-mua phụ tùng khai thác nhập kho	73
Hình 3.5	Lưu đồ chứng từ chu trình kinh doanh xe	76-80
Hình 3.6	Lưu đồ chứng từ chu trình kinh doanh phụ tùng	89-91
Hình 3.7	Lưu đồ chứng từ chu trình kinh doanh dịch vụ	96-99
Hình 3.8	Lưu đồ chứng từ chu trình báo cáo của kế toán xe	105
Hình 3.9	Lưu đồ chứng từ chu trình báo cáo của kế toán dịch vụ	106
Hình 3.10	Lưu đồ chứng từ chu trình báo cáo của kế toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng	107
Hình 3.11	Lưu đồ chứng từ chu trình báo cáo của kế toán phụ tùng	108
Hình 3.12	Lưu đồ chứng từ chu trình báo cáo của kế toán tổng hợp	109
Hình 3.13	Giao diện phần mềm DTS	111



Hình 4.1	Quy trình nhập mua phụ tùng- phần mềm Cyber	127
Hình 4.2	Quy trình quản lý bán xe- phần mềm Cyber	128
Hình 4.3	Quy trình quản lý sửa chữa- phần mềm Cyber	131
Hình 4.4	Quy trình quản lý bán phụ tùng/phụ kiện- phần mềm Cyber	132
Hình 4.5	Phân hệ phần mềm quản lý tài chính kế toán của Cybersoft	135
Hình 4.6	Ví dụ Báo cáo vật tư đã xuất kho nhưng chưa viết hóa đơn trên Cyber soft	137

## DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ	Nội dung	Trang
Sơ đồ 3.1	Quy trình quản lý kinh doanh xe ô tô tại Công ty D&C	56
Sơ đồ 3.2	Quy trình quản lý kinh doanh dịch vụ tại Công ty D&C	56
Sơ đồ 3.3	Quy trình quản lý kinh doanh phụ tùng tại Công ty D&C	57
Sơ đồ 3.4	Cơ cấu tổ chức Công ty D&C	57
Sơ đồ 3.5	Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty D&C	58
Sơ đồ 4.1	Phương án hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty D&C	126

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Viết tắt	Tên đầy đủ
AIS	Hệ thống thông tin kế toán
Công ty D&C	Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C
DTS	Phần mềm hỗ trợ đại lý của Honda Việt Nam
ERP	Hệ thống hoạch định tài nguyên doanh nghiệp
GTGT	Giá trị gia tăng
TK	Tài khoản

## **Chương 1: GIỚI THIỆU CHUNG**

### **1.1. Lý do chọn đề tài**

Kế toán ngày nay không chỉ là người ghi chép các thông tin tài chính và lên báo cáo mà còn tham gia và có vai trò quan trọng trong quản trị doanh nghiệp. Một đơn vị muốn phát triển hay muốn tồn tại vững mạnh không thể thiếu một hệ thống tài chính hoạt động hiệu quả, kiểm soát được mọi hoạt động trong doanh nghiệp. Để làm được điều đó thông tin kế toán phải được luân chuyển đầy đủ, kịp thời. Hệ thống thông tin kế toán (AIS) chặt chẽ giúp ngăn chặn những gian lận và sai sót một cách hiệu quả, là một phần không thể thiếu trong quản trị nội bộ doanh nghiệp. Chính vì vậy, người làm công tác kế toán phải có sự am hiểu về quá trình thiết kế, phát triển ứng dụng và tổ chức AIS. Khả năng của kế toán viên được chứng tỏ khi họ làm gia tăng giá trị bản thân.

Cùng với sự phát triển của khoa học, tin học được áp dụng vào AIS. Nó không dừng ở phần mềm kế toán mà còn bao trùm tất cả hoạt động ở các phòng ban trong toàn doanh nghiệp. Từ các tập đoàn đa quốc gia đến các công ty có quy mô vừa và nhỏ, AIS giúp cho bộ máy được vận hành một cách trơn tru, tiết kiệm thời gian và tiền bạc. Các quy trình phức tạp, chồng chéo, sẽ gây mất thời gian hoặc thậm chí tạo điều kiện cho gian lận, thất thoát. Xây dựng AIS sẽ khắc phục được các nhược điểm này.

Tùy theo đặc thù mà mỗi doanh nghiệp có các quy trình hoạt động khác nhau: quy trình bán hàng, quy trình mua hàng, quy trình thanh toán.... Các quy trình thường hình thành do thói quen hoặc từ những quy định rời rạc. Một doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ thì đây không phải là vấn đề gây cản trở lớn. Tuy nhiên, khi doanh nghiệp phát triển hoặc với những đơn vị có quy mô vừa, quy mô lớn thì yêu cầu cần có AIS minh bạch, rõ ràng trở nên cấp thiết trong quản trị kinh doanh. Không có một AIS tối ưu cho tất cả các doanh nghiệp. Do đặc

thù kinh doanh khác nhau, không thể áp dụng AIS của đơn vị này cho đơn vị khác. Vì vậy, mỗi doanh nghiệp cần xây dựng cho mình một AIS riêng.

Trong AIS ở Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C đã và đang sử dụng hai phần mềm: một phần mềm kế toán phục vụ cho công việc kế toán, và một phần mềm khác cho bộ phận bán hàng - dịch vụ. Chính vì hai phần mềm độc lập nên số liệu không có sự liên kết, dẫn đến chông chéo công việc, tốn thời gian, nhân lực, vật lực, khó đối chiếu và dễ gian lận, sai sót. Công ty cấp thiết cần có các thay đổi trong AIS để thông tin cung cấp được thuận tiện, nhanh chóng, dễ hiểu, đầy đủ và kịp thời. Thông tin cung cấp phải hữu ích cho ra quyết định của nhà quản trị.

Do những lợi ích mà AIS đem lại cùng với thực trạng AIS của công ty, tác giả thực hiện luận văn đề tài: “Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C”.

## **1.2. Tổng quan các công trình nghiên cứu**

Trên thế giới đã có nhiều nghiên cứu liên quan đến AIS trong doanh nghiệp.

Mohamed H. Abdelazim (2005) với luận án “The role of Accounting Information in organizations’ Strategic management”. Luận án khẳng định: trong hai thập kỷ qua, đã có những thay đổi đáng kể trong môi trường kinh doanh do việc sử dụng các công nghệ thông tin, phương tiện truyền thông hiện đại và toàn cầu hóa thị trường. Do những thay đổi, sự cạnh tranh gia tăng và mỗi tổ chức bắt đầu tìm kiếm việc sử dụng hiệu quả nhất các nguồn lực để chiếm lĩnh thị trường hoặc ít nhất là để giữ thị phần. Để quản lý các tổ chức trong môi trường phức tạp như vậy, các nhà quản lý cần rất nhiều thông tin. Điều này thúc đẩy các nỗ lực nghiên cứu để cải thiện hệ thống kế toán và thông tin kế toán đáp ứng được yêu cầu quản lý mới. Như vậy, luận án đã đi sâu vào

phân tích vai trò kết hợp các nguồn lực trong quản trị kinh doanh của AIS. Tuy nhiên, các vai trò khác của AIS chưa được đề cập tới hoặc đề cập còn hạn chế.

ZSUZSANNA TÓTH (2012) với bài viết “The Current Role of accounting information systems”. Tác giả khẳng định: AIS là khung của các hoạt động kế toán trong thực tiễn. AIS có vai trò rất quan trọng trong sự ra quyết định của nhà quản lý, giúp nhà quản lý xây dựng hệ thống quản trị chi phí và báo cáo kiểm soát. Sự phát triển của tin học làm tăng khả năng cung cấp thông tin của AIS. Như một hệ quả của tự động hóa, phần mềm kế toán ra đời làm công tác kế toán xử lý dễ dàng hơn, nhanh hơn và đáp ứng được nhu cầu thông tin của nhà quản lý. Tuy nhiên, để đáp ứng được yêu cầu quản trị ở mức cao hơn, hệ thống phần mềm quản trị ERP ra đời, cung cấp một hệ thống cơ sở dữ liệu về thông tin rộng hơn cho kế toán, các nhà kiểm soát và nhà quản lý. Bài viết đã phân tích về vai trò của AIS đối với ra quyết định của nhà quản trị; vai trò của tin học trong sự phát triển của AIS. Tuy nhiên, còn rất nhiều vai trò khác của AIS mà bài viết chưa đề cập cũng như chưa có ví dụ thực tiễn để chứng minh cho luận điểm.

António Trigo, Fernando Belfo, Raquel Pérez Estébanez (2014) với báo cáo khoa học “Accounting Information Systems: The Challenge of the Real-Time Reporting” đã khẳng định sự thành công của AIS là phụ thuộc vào công nghệ. Ứng dụng khoa học công nghệ trong AIS đã giải quyết được thách thức về thời gian lập báo cáo kế toán. Trong một doanh nghiệp, các báo cáo kế toán tức thời cung cấp thông tin đầy đủ và nhanh chóng tình trạng của doanh nghiệp, cho phép nhà quản trị xác định phương hướng và ra quyết định hành động phải làm trong từng thời điểm tốt hơn. Với khả năng tính toán và lưu trữ lớn, cho phép việc lập báo cáo nhanh, góp phần tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Như vậy, phạm vi của bài viết khá hẹp, đi sâu phân tích vai trò của AIS với sự ứng dụng của công nghệ để lập các báo cáo kế toán nhanh, báo cáo tức thời, phục vụ cho nhu cầu quản trị.

Nzomo, Samuel (2013) với luận án: “Impact of accounting information systems on organizational effectiveness of automobile companies in Kenya”. Tác giả đo tính hiệu quả của AIS dựa vào các tiêu chí khác nhau, bao gồm cả chất lượng hệ thống, chất lượng thông tin, chất lượng dịch vụ, sự hài lòng của người sử dụng và lợi ích đem lại của AIS. Những phát hiện của nghiên cứu chỉ ra rằng AIS sử dụng trong ngành công nghiệp ô tô ở Kenya là những hệ thống chất lượng. AIS ở mỗi doanh nghiệp có các đặc điểm khác nhau, nhưng nhìn chung chúng đều mang đặc điểm: dễ sử dụng, hệ thống linh hoạt, độ tin cậy cao, dễ học, linh hoạt, và thời gian đáp ứng nhanh. Những phát hiện thêm cho thấy chất lượng của thông tin được đảm bảo, rõ ràng, chính xác và kịp thời. Nghiên cứu cho thấy AIS đóng góp vào sự thành công của các cá nhân, các nhóm, các tổ chức, các ngành công nghiệp, và các quốc gia. Lợi ích của AIS bao gồm cải thiện việc ra quyết định, cải thiện năng suất, tăng doanh thu, giảm chi phí, tăng lợi nhuận, hiệu quả thị trường tốt, tạo việc làm và phát triển kinh tế. Nghiên cứu cũng chỉ ra những thách thức phải đối mặt khi sử dụng AIS đó là thiếu đào tạo thích hợp và thiếu hệ thống tài liệu thích hợp. Hơn nữa, kết quả cho thấy một doanh nghiệp đông nhân viên là một thách thức lớn của việc sử dụng AIS. Khi doanh nghiệp có số lượng nhân viên cao, số lượng nhân viên không được đào tạo về AIS cao hơn. Bên cạnh đó, số lượng nhân viên cũng làm gia tăng gánh nặng về tài chính khi trang bị các thiết bị sử dụng trong AIS và từ đó rủi ro về sự lỗi thời của công nghệ cũng cao hơn. Những phát hiện của nghiên cứu này chỉ ra rằng AIS có ảnh hưởng quan trọng đến hiệu quả của các quyết định quản lý và hiệu quả tổ chức kiểm soát trong doanh nghiệp. Các kết quả này phù hợp với đánh giá thực nghiệm trong đó chỉ ra rằng có tồn tại một mối quan hệ giữa AIS và hiệu quả trong tổ chức doanh nghiệp. Luận án đã chứng minh các vai trò của AIS với doanh nghiệp bằng các con số thống kê dựa trên bảng hỏi tác giả xây dựng. Vì vậy, luận án có hạn chế là mang tính chủ quan nhiều.

Leslie W. Weisenfeld và Larry N. Killough (1998) với luận án “ One company’s experience with Accounting Information System changes- An analysis of managers’ satisfaction” đã chứng minh sự thay đổi AIS đã tác động như thế nào tới một công ty. Khác các luận án khác, tác giả thường phân tích thực trạng và đề ra giải pháp sau đó không có các đánh giá về hiệu quả biện pháp mình đưa ra. Leslie và Larry đã sử dụng các bảng hỏi cho công ty khi chưa có sự thay đổi của AIS, khi đang thay đổi AIS và một năm sau khi thay đổi AIS để so sánh phản ứng của các nhà quản lý đối với sự thay đổi của AIS. Các nhà quản lý đều cho biết họ hài lòng hơn với bộ phận kế toán và các dữ liệu được cung cấp. Đặc biệt, AIS mới đã giải quyết được thách thức số liệu thời gian thực (ngay khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh, số liệu đã được lên báo cáo). Các nhà quản lý có thể truy cập vào hệ thống và có được báo cáo vào bất kỳ thời điểm nào thay vì cuối tháng mới nhận được báo cáo như trước đây. Tác giả đã chỉ ra khi áp dụng AIS cũ, tiền thưởng của nhân viên trong công ty không dựa vào kết quả lao động của từng người mà được đánh giá trên kết quả kinh doanh của cả bộ phận, cả tập thể. Vì vậy, mặc dù có những nhân viên hoàn thành công việc rất xuất sắc nhưng mức thưởng không có sự phân biệt với những người khác. Khi áp dụng sự thay đổi của AIS mới, hiệu quả lao động của từng người được đánh giá một cách chính xác và dễ dàng. Từ đó, chế độ tiền thưởng của công ty thay đổi, người lao động được nhận mức thưởng xứng đáng với công sức họ bỏ ra. Như vậy AIS mới đã đem lại sự công bằng cho người lao động, tạo động lực nâng cao năng suất sản xuất. Bên cạnh đó, AIS mới có thể cung cấp báo cáo lợi nhuận theo bộ phận nên tạo động lực cho các bộ phận kiểm soát chi phí, tăng lợi nhuận bộ phận.

Vai trò của AIS đã được khẳng định. Tuy nhiên, số lượng nghiên cứu về đề tài này ở Việt Nam không nhiều.

Hồ Mỹ Hạnh (2014) với luận án “Tổ chức hệ thống thông tin kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp may Việt Nam”. Luận án trên cơ sở lý



thuyết về hệ thống thông tin quản trị doanh nghiệp, luận án khẳng định sự tồn tại mối quan hệ giữa AIS quản trị chi phí và hiệu quả quản trị doanh nghiệp. Luận án đã chứng minh rằng mục tiêu, chiến lược của doanh nghiệp và nhu cầu thông tin kế toán quản trị chi phí từ phía nhà quản trị doanh nghiệp là nhân tố quan trọng nhất trong việc thiết lập AIS quản trị chi phí. Luận án đã đưa ra các giải pháp trong tổ chức thông tin kế toán để tăng cao hiệu suất quản trị chi phí ở những doanh nghiệp dệt may. Các giải pháp thuộc ba nhóm: tổ chức hệ thống thông tin dự toán chi phí, tổ chức hệ thống thông tin chi phí thực hiện và tổ chức hệ thống thông tin kiểm soát chi phí - ra quyết định.

Nguyễn Hữu Đồng (2012) với luận án “Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán trong các trường đại học công lập Việt Nam”. Luận án đề xuất mô hình mối quan hệ giữa các yếu tố cấu thành AIS trong các đơn vị sự nghiệp có thu, theo đó việc xử lý các nghiệp vụ phát sinh trong các đơn vị sự nghiệp có thu tuân thủ bốn quá trình kế toán cơ bản: kế toán nguồn thu, kế toán các khoản chi, kế toán quá trình sản xuất và cung ứng dịch vụ, kế toán vốn đầu tư.

Nguyễn Đăng Huy (2011) đã bảo vệ luận án đề tài: “Tổ chức công tác kế toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin tại các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu Việt Nam”. Trên cơ sở hệ thống hóa những vấn đề chung về kế toán doanh nghiệp, tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp; luận án đưa ra các khái niệm và ứng dụng công nghệ thông tin vào tổ chức công tác kế toán của doanh nghiệp, khẳng định chính công nghệ thông tin giúp làm giảm nhẹ lao động thủ công trong kế toán, đặc biệt đảm bảo số liệu của kế toán được cập nhật kịp thời, khách quan và làm cơ sở phân tích lựa chọn thông tin chính xác cho các quyết định kinh tế phù hợp.

Như vậy, các nghiên cứu của các học giả trên thế giới đều chỉ ra tầm quan trọng của AIS trong quản trị doanh nghiệp. Tuy nhiên, ở Việt Nam, lý luận và các đề tài nghiên cứu về AIS còn rất hạn chế. AIS chính là cái khung của doanh

nghiệp, nó định hướng mọi hoạt động trong đơn vị và cung cấp thông tin là yếu tố cơ bản của tất cả các quyết định quản lý. Hầu hết các vấn đề tiêu cực trong nội tại doanh nghiệp đều phát sinh do AIS của doanh nghiệp không tốt. Một doanh nghiệp muốn phát triển và mở rộng quy mô phải có AIS khoa học nếu không sẽ mất kiểm soát, đây là vấn đề cực kỳ nghiêm trọng. Do đó, AIS cần được mở rộng nghiên cứu để đáp ứng cho nhu cầu phát triển của nền kinh tế.

Mặt khác, AIS ở Công ty D&C đang dần lộ rõ nhiều hạn chế do sự phát triển nhanh chóng của công ty. AIS của Công ty D&C đòi hỏi cần có sự thay đổi để tạo điều kiện cho những phát triển sau này. Hơn nữa, Việt Nam chưa có một nghiên cứu nào về AIS ở các đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực ô tô trong nước. Đây là loại hình kinh doanh thương mại có rất nhiều đặc thù khác với các đơn vị kinh doanh thông thường. Quy trình bán hàng đòi hỏi cần có sự kiểm soát chặt chẽ và hoạt động trong quy trình cũng có nhiều sự khác biệt.

Xuất phát từ sự cấp thiết của thực trạng đơn vị, từ sự thiếu vắng nghiên cứu trong tổng quan, tác giả chọn đề tài “Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C” để khóa lấp khoảng trống nghiên cứu này và đưa ra các đề xuất để hoàn thiện AIS của Công ty.

### **1.3. Mục tiêu nghiên cứu**

Luận văn hướng tới các mục tiêu:

Luận văn khái quát các nội dung cơ sở lý luận về hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp.

Luận văn đánh giá thực trạng AIS tại Công ty D&C qua đó phát hiện ra những điểm mạnh, điểm yếu của AIS tại Công ty.

Đề xuất các giải pháp hoàn thiện AIS tại Công ty D&C nhằm đáp ứng được nhu cầu thông tin kịp thời, nhanh chóng, chính xác cho kế toán, giúp cho quản trị tài chính được minh bạch và hiệu quả.

#### **1.4. Câu hỏi nghiên cứu**

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu của luận văn, luận văn cần phân tích các vấn đề liên quan tới hệ thống thông tin kế toán tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C nhằm trả lời các câu hỏi:

- 1- Cơ sở lý luận về hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp bao gồm những nội dung cơ bản gì?
- 2- AIS được áp dụng vào Công ty D&C như thế nào, những điểm mạnh, điểm yếu tại đơn vị?
- 3- Các giải pháp gì cần áp dụng để hoàn thiện AIS tại Công ty D&C?

#### **1.5. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu**

Công ty D&C là đại lý phân phối chính thức của Công ty Honda Việt Nam, kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, có mặt hàng kinh doanh chính là ô tô, phụ tùng ô tô và các dịch vụ đi kèm như sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành xe. Giá trị mặt hàng lớn, quy trình dịch vụ đặc thù cùng với điểm khác biệt của đại lý ô tô trong nước khiến cho chu trình chi tiêu và bán hàng của công ty có nhiều điểm khác biệt. Xuất phát từ nguyên nhân trên, luận văn xác định đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu sau:

- Đối tượng nghiên cứu: Hệ thống thông tin kế toán (AIS) trong doanh nghiệp.
- Phạm vi nghiên cứu: luận văn được thực hiện tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C.

Các công cụ kỹ thuật sử dụng trong AIS gồm: sơ đồ dòng dữ liệu và lưu đồ. Tuy nhiên, do giới hạn về thời gian nghiên cứu, người viết chỉ sử dụng lưu đồ chứng từ để mô tả AIS tại Công ty D&C.

- Thời gian nghiên cứu: hệ thống thông tin kế toán trong Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C năm 2014-2015.

## **1.6. Phương pháp nghiên cứu**

- Dữ liệu và nguồn dữ liệu:

Luận văn sử dụng nguồn dữ liệu thứ cấp và sơ cấp. Nguồn dữ liệu thứ cấp là các lý luận chung về AIS. Nguồn dữ liệu sơ cấp là các quy trình hiện đang áp dụng tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C như các quy định; các chứng từ; trình tự công việc, trình tự luân chuyển chứng từ và trình tự báo cáo.

- Phương pháp thu thập dữ liệu:

Tác giả tìm kiếm các cơ sở lý luận về hệ thống thông tin kế toán trong nước và quốc tế qua sách, thư viện, internet. Tìm kiếm các văn bản quy định về phân công nhiệm vụ, công việc; các mẫu văn bản; các quy định về trình tự công việc; các quy định về báo cáo; các quy định liên quan tới AIS của các phòng ban trong Công ty D&C.

Tác giả gặp trực tiếp phỏng vấn một số nhân viên trong công ty; các giám đốc- trưởng các bộ phận, nhân viên kế toán; kế toán trưởng và các lãnh đạo cấp cao Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C. Nội dung phỏng vấn xoay quanh việc đề nghị mô tả và đánh giá AIS tại bộ phận mình theo các chu trình kinh doanh. Tác giả đã tiến hành phỏng vấn tổng giám đốc, bốn giám đốc bộ phận, kế toán trưởng, năm nhân viên kế toán, bốn trưởng phòng, năm tổ trưởng, năm nhân viên phòng kinh doanh và năm nhân viên phòng dịch vụ, phụ tùng.

- Phương pháp xử lý dữ liệu: Phương pháp xử lý dữ liệu chủ yếu là phương pháp so sánh lý thuyết và thực tế, từ đó khái quát và kết luận vấn đề.
- Phương pháp trình bày kết quả nghiên cứu: Tác giả hệ thống hóa các quy định, cách thức tổ chức, trình tự thực hiện trong AIS tại Công ty D&C bằng lời văn, diễn giải và thông qua các bảng biểu, lưu đồ.

### **1.7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài**

Luận văn có đóng góp cả về tính lý luận và tính thực tiễn. Về mặt lý luận, luận văn đã xây dựng những lý thuyết cần thiết khi muốn xây dựng và hoàn thiện AIS cho các nhà quản trị.

Về mặt thực tiễn, luận văn đã hệ thống hóa và hình ảnh hóa các quy định rời rạc đang áp dụng ở các chu trình chi tiêu, chu trình bán hàng tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C. Luận văn đã sử dụng công cụ kỹ thuật của AIS như lưu đồ chứng từ để hình ảnh hóa các chu trình, giúp người đọc dễ hiểu và dễ nhớ. Với lưu đồ chứng từ này, nhân viên tại Công ty D&C thực hiện các quy định một cách thuận lợi hơn, giảm được các sai sót và thời gian thực hiện, tăng năng suất lao động, tăng tiến mối quan hệ giữa nhân viên và lãnh đạo. Cũng từ lưu đồ, nhà quản lý dễ dàng nhận ra các lỗ hổng trong quy trình, giúp ngăn ngừa các gian lận và tìm ra các nguyên nhân của những vấn đề đang tồn tại trong hoạt động, tăng khả năng kiểm soát của nhà quản lý.

Hơn thế nữa, luận văn đã đưa ra phương án để hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán tại Công ty D&C và đưa vào áp dụng. Hiệu quả của phương án bước đầu thu được nhiều đánh giá tốt từ ban lãnh đạo của doanh nghiệp, cũng như của nhân viên, đặc biệt là nhân viên phòng kế toán.

Như vậy, đề tài nghiên cứu của luận văn rất cần thiết trong môi trường thiếu vắng lý luận ở Việt Nam như hiện nay và sự cấp thiết của thực trạng Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C.

## **CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP KINH DOANH THƯỜNG MẠI**

### **2.1. Khái quát chung về hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp**

#### **2.1.1. Các khái niệm**

Một số khái niệm về hệ thống và hệ thống thông tin kế toán:

*Hệ thống:* Hệ thống là tập hợp các thành phần có liên hệ với nhau, hoạt động để hướng tới mục đích chung theo cách tiếp cận các yếu tố vào, sinh ra các yếu tố ra trong một quá trình xử lý có tổ chức.

Để cấu thành lên hệ thống có ba thành phần cơ bản: Các yếu tố đầu vào; Xử lý, chế biến và Các yếu tố đầu ra.

*Hệ thống thông tin:* Hệ thống thông tin là tập hợp các nguồn lực và phương thức để thu thập, xử lý và truyền tải thông tin trong một tổ chức.

*Hệ thống thông tin kế toán (AIS):* AIS là hệ thống thông tin thu thập, ghi chép, bảo quản, xử lý và cung cấp dữ liệu, thông tin liên quan đến kế toán, tài chính, chu trình hoạt động của doanh nghiệp.

AIS bao gồm sáu phần chính: con người, quy trình và hướng dẫn, dữ liệu, phần mềm, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và kiểm soát nội bộ.

AIS có các chức năng như ghi nhận, lưu trữ các dữ liệu của các hoạt động hàng ngày của doanh nghiệp; lập và cung cấp các báo cáo cho các đối tượng bên ngoài; hỗ trợ ra quyết định cho nhà quản lý doanh nghiệp; hoạch định và kiểm soát; thiết lập một hệ thống kiểm soát nội bộ.

Ta có thể hiểu thực chất của AIS là các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được AIS ghi nhận, phân tích, luân chuyển và lưu trữ. Khi người sử dụng thông tin có yêu cầu, AIS sẽ từ các ghi chép đã lưu trữ mà phân tích, tổng hợp và lập các báo cáo thích hợp cung cấp cho người sử dụng thông tin.

## ***2.1.2 Phân loại hệ thống thông tin kế toán với doanh nghiệp***

### *2.1.2.1 Phân loại hệ thống thông tin kế toán theo chức năng*

Hệ thống thông tin kế toán (AIS) có thể phân loại theo nhiều hình thức. Nếu phân loại theo chức năng, AIS được phân loại thành: bộ phận thu thập thông tin; bộ phận kết xuất thông tin; bộ phận xử lý; bộ phận lưu trữ; bộ phận truyền nhận tin.

AIS được phân loại theo mục tiêu là AIS tài chính và AIS quản trị. AIS tài chính cung cấp các thông tin tài chính chủ yếu cho các đối tượng bên ngoài. Những thông tin này phải tuân thủ các quy định, chế độ, các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán hiện hành. AIS quản trị cung cấp các thông tin nhằm mục đích quản trị trong nội bộ doanh nghiệp để dự báo các sự kiện sẽ xảy ra và dự đoán các ảnh hưởng về tài chính kinh tế của chúng đối với doanh nghiệp.

### *2.1.2.2 Phân loại hệ thống thông tin kế toán theo phương thức xử lý:*

AIS phân loại theo phương thức xử lý thủ công hoặc trên nền máy tính.

AIS thủ công là hệ thống mà trong những hệ thống này, nguồn lực chủ yếu là con người, cùng với các công cụ tính toán, con người thực hiện toàn bộ các công việc kế toán. Dữ liệu trong các hệ thống này được ghi chép thủ công và lưu trữ dưới hình thức chứng từ, sổ, thẻ, bảng...

AIS dựa trên nền máy tính là hệ thống mà nguồn lực bao gồm con người và máy tính. Trong đó, máy tính thực hiện toàn bộ các công việc kế toán dưới

sự điều khiển, kiểm soát của con người. Con người có nhiệm vụ nhập các dữ liệu mà hệ thống máy tính không tự động thu thập được. Sau đó, máy tính sẽ phân tích nghiệp vụ, luân chuyển thông tin, lập báo cáo và lưu trữ. Dữ liệu trong các hệ thống này được ghi chép và lưu trữ dưới hình thức các tập tin.

AIS bán thủ công: đây là hình thức kết hợp giữa AIS thủ công và AIS dựa trên nền máy tính.

### ***2.1.3 Vai trò của hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp***

Hệ thống thông tin kế toán (AIS) có vai trò quan trọng trong doanh nghiệp. Với một AIS được thiết kế tốt cho phép doanh nghiệp hoạt động một cách trơn chu. Với một AIS thiết kế kém sẽ cản trở hoạt động của doanh nghiệp. Khi một doanh nghiệp đang gặp khó khăn, các dữ liệu trong AIS có thể được sử dụng để phát hiện ra nguyên nhân của những vấn đề đang tồn tại, từ đó có các định hướng và quyết định trong quản trị doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, AIS có thể tự động hóa xử lý số lượng lớn dữ liệu, chia sẻ dữ liệu, thông tin trong phạm vi doanh nghiệp và cung cấp, truy vấn thông tin trực tuyến một cách nhanh chóng, tự động lập các báo cáo kế toán, báo cáo quản trị. Từ các tác dụng đó, AIS tác động vào hiệu quả quyết định của nhà quản lý, tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, giảm thiểu các gian lận và tăng cường khả năng kiểm soát của nhà quản lý.

AIS có thể tích hợp những quy trình kinh doanh, sản xuất chính trong đơn vị, từ đó kết hợp được các nguồn lực trong doanh nghiệp, góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Ngoài ra, một hệ AIS khoa học giúp mọi người thực hiện các quy định các quy trình được thuận lợi, công việc được thực hiện nhanh chóng, tránh những rắc rối, phức tạp, chông chéo trong quy trình, từ đó tạo điều kiện thuận



lợi trong vấn đề quản lý nhân sự, tăng sự hài lòng của nhân viên và tăng năng suất lao động.

Một vai trò rất lớn nữa là AIS cung cấp các báo cáo kế toán tức thời, giúp nhà quản trị xây dựng hệ thống quản trị doanh thu, chi phí, lợi nhuận và hệ thống kiểm soát trong doanh nghiệp.

Như vậy, trong quản trị kinh doanh, AIS có vai trò đặc biệt quan trọng.

#### ***2.1.4 Sự phát triển hệ thống thông tin kế toán***

Phát triển hệ thống thông tin kế toán (AIS) nhằm mục tiêu hướng tới sự hoàn hảo. AIS phải cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, đáng tin cậy; thời gian phát triển hợp lý; thỏa mãn nhu cầu thông tin của doanh nghiệp. Người dùng phải hài lòng về cả nhân viên kế toán. Bên cạnh đó, phát triển AIS còn phải đạt mục tiêu chi phí bỏ ra tương xứng với hiệu quả mang lại.

Trong tương lai, AIS sẽ không đơn thuần là hệ thống thông tin xử lý nghiệp vụ. Bên cạnh các dữ liệu tài chính, AIS còn thu thập thêm các dữ liệu phi tài chính. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kế toán ngày càng phổ biến. Và AIS kết hợp với các hệ thống chức năng khác trong hệ thống thông tin quản lý để kiến tạo toàn hệ thống thông tin toàn doanh nghiệp, phục vụ mục đích quản lý toàn diện toàn doanh nghiệp. Ngoài ra, AIS giúp đối phó được nhiều rủi ro tiềm tàng có khả năng phát sinh trong các quy trình của doanh nghiệp.

### **2.2 Nguyên tắc xây dựng hệ thống thông tin kế toán**

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường như hiện nay ta càng thấy rõ được vai trò quan trọng của tổ chức hệ thống thông tin kế toán (AIS). Để thực hiện tốt vai trò của mình, tổ chức AIS phải tuân thủ ba nguyên tắc cơ bản: nguyên tắc kiểm soát, nguyên tắc phù hợp, và nguyên tắc tiết kiệm- hiệu quả.

(Nguồn: <http://www.myaccountingcourse.com/accounting-dictionary>)

Thứ nhất, nguyên tắc kiểm soát: theo nguyên tắc này, hệ thống thông tin kế toán phải đảm bảo tính kiểm soát được. Các thủ tục và quy trình của AIS phải giúp các nhà quản lý theo dõi và điều khiển các hoạt động trong doanh nghiệp. Mục đích của nguyên tắc này là để đảm bảo hệ thống kế toán đang làm việc đúng và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi nhận một cách chính xác. Rõ ràng, các nhà quản lý không thể giám sát tất cả các nhân viên và sai sót cũng như gian lận có thể xảy ra. AIS giúp nâng cao tính năng kiểm soát nội bộ để đảm bảo các lỗi trong kế toán được giảm thiểu, tài sản của công ty được bảo vệ và nhân viên không thể gian lận. AIS được xây dựng tuân thủ theo nguyên tắc kiểm soát sẽ giúp các nhà quản lý không cần phải giám sát hoạt động mỗi nhân viên và tập trung vào việc quản lý các hoạt động kinh doanh.

Thứ hai, nguyên tắc phù hợp: theo nguyên tắc này, xây dựng AIS phải cung cấp thông tin hữu ích, dễ hiểu, kịp thời và cần thiết cho việc ra quyết định. Nếu không có sự phù hợp, thông tin không thể sử dụng và không thể tạo ra sự khác biệt trong các quyết định của nhà quản trị. Cũng theo nguyên tắc này, khi thiết kế AIS phải hài hòa với các yếu tố tổ chức và nhân lực của doanh nghiệp. Nó phải phù hợp với các đặc điểm đặc thù của doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp là một tổ chức độc lập với những đặc điểm và điều kiện riêng về mô hình tổ chức, về phương thức kinh doanh, mô hình quản lý... Khi xây dựng AIS phải chú ý đến đặc điểm, điều kiện riêng của doanh nghiệp, không áp dụng một cách rập khuôn, máy móc cùng một AIS cho tất cả các đơn vị mà phải triển khai tổ chức AIS phù hợp với từng điều kiện cụ thể. Xây dựng AIS phải phù hợp với quy mô sản xuất kinh doanh, với trình độ chuyên môn, trình độ trang bị công nghệ. Phải đảm bảo tính hiệu quả của AIS và phát huy đầy đủ vai trò của AIS trong quản lý doanh nghiệp. Bên cạnh đó, nguyên tắc này còn được hiểu rằng một AIS nên được xây dựng thích ứng với những thay đổi có khả năng phát sinh trong tương lai gần của doanh nghiệp. Theo thời gian, khi quy mô của doanh

nghiệp mở rộng, khối lượng giao dịch tăng lên, các yêu cầu kiểm soát mới phát sinh..., AIS vẫn phải đáp ứng được những thay đổi này.

Thứ ba, nguyên tắc tiết kiệm- hiệu quả: khi xây dựng AIS phải đảm bảo tính hiệu quả, lợi ích thu được phải lớn hơn chi phí của nó. Chi phí đó có thể là hữu hình hoặc vô hình. Trong điều kiện cạnh tranh như hiện nay, mọi hoạt động đều phải tiết kiệm, thiết thực và hiệu quả, có nghĩa là tổ chức một cách khoa học, hợp lý sao cho kết quả của AIS là tạo ra các thông tin hữu dụng mà chi phí bỏ ra là thấp nhất. AIS phải được xây dựng phù hợp với quy mô của doanh nghiệp trong một thời gian tương đối.

Trên đây là những nguyên tắc cơ bản khi xây dựng AIS. Trong quá trình triển khai tổ chức AIS, các doanh nghiệp phải tuân thủ và thực hiện một cách đầy đủ các nguyên tắc này nhằm tổ chức AIS khoa học, hợp lý và hiệu quả nhất. Tuy nhiên, tùy thuộc vào từng điều kiện cụ thể, các doanh nghiệp còn phải tuân theo những nguyên tắc cũng như dựa vào những căn cứ cụ thể trong từng nội dung tổ chức để đảm bảo tính khoa học của tất cả các nội dung trong tổ chức AIS.

## **2.3 Nội dung tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp kinh doanh thương mại**

### **2.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán**

Ở mỗi đơn vị được thành lập và đi vào sản xuất kinh doanh, có tư cách pháp nhân đầy đủ đều phải tổ chức công tác kế toán và tổ chức bộ máy kế toán để thực hiện toàn bộ công tác kế toán, tài chính, thống kê ở đơn vị. Theo đó, mỗi đơn vị phải tự xây dựng mô hình tổ chức bộ máy kế toán ở đơn vị. Tổ chức bộ máy kế toán là tổ chức liên kết nhưng kế toán viên có trình độ chuyên môn thích hợp để thực hiện được toàn bộ công tác kế toán tài chính, thống kê ở đơn vị. Để có thể xây dựng được mô hình bộ máy kế toán ở đơn vị được khoa học và hợp lý cần dựa vào lĩnh vực hoạt động, đặc điểm quy trình hoạt động, mức độ

phân cấp quản lý kinh tế tài chính ở đơn vị và khả năng, trình độ các kế toán viên, dựa vào trình độ trang bị và khả năng sử dụng các phương tiện tính toán ở đơn vị.

Tổ chức bộ máy kế toán ở đơn vị khoa học và hợp lý chẳng những đảm bảo được chất lượng của công tác kế toán, tài chính thống kê ở đơn vị mà còn tiết kiệm được chi phí hạch toán, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế tài chính ở đơn vị.

Hiện nay, tổ chức bộ máy kế toán có ba hình thức phổ biến sau đây:

Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung

Hình thức tổ chức bộ máy kế toán phân tán;

Hình thức tổ chức bộ máy kế toán vừa tập trung, vừa phân tán.

### ***2.3.2. Tổ chức hệ thống thông tin kế toán theo các chu trình kinh doanh***

#### ***2.3.2.1. Chu trình chi tiêu***

Chu trình chi tiêu hay còn gọi là chu trình chi phí. Trong chu trình này có các bước chính như: lập đơn đặt hàng gửi tới nhà cung cấp; nhận hàng hóa hoặc dịch vụ từ nhà cung cấp; xác nhận nghĩa vụ thanh toán và cuối cùng là thanh toán cho người bán.

Các chứng từ thường sử dụng trong chu trình chi tiêu như:

Phiếu yêu cầu mua hàng hóa/ Đề nghị mua hàng: đây là chứng từ được lập bởi bộ phận trong doanh nghiệp có nhu cầu về hàng hóa hoặc dịch vụ. Các thông tin cơ bản cần có như: Tên chứng từ, ngày tháng, số chứng từ, mục đích yêu cầu, mã hàng, tên hàng, quy cách, số lượng, yêu cầu thời gian nhận hàng.... Đề nghị mua hàng sau khi được xét duyệt của các cấp có thẩm quyền sẽ được chuyển tới bộ phận mua hàng.

Đơn đặt hàng: căn cứ trên đề nghị mua hàng, bộ phận chịu trách nhiệm mua hàng tìm kiếm nhà cung cấp và lập đơn đặt hàng. Trên đơn đặt hàng cần có các thông tin cơ bản như: Tên chứng từ, ngày và số chứng từ, thông tin khách hàng, thông tin về hàng hóa/dịch vụ yêu cầu: mã số hàng hóa, tên hàng hóa, quy cách, số lượng, thời hạn giao hàng, địa điểm giao hàng và các thông tin khác liên quan.

Hợp đồng kinh tế: với các đơn hàng lớn, nhân viên kinh doanh lập hợp đồng kinh tế. Trên hợp đồng ghi rõ thông tin người mua- người bán, thông tin về mặt hàng/ dịch vụ: mã hàng, tên hàng, quy cách, số lượng, đơn giá, giá trị, thông tin về giao hàng: thời gian, địa điểm giao hàng; thông tin về trách nhiệm của bên mua, bên bán; thỏa thuận về bảo hành, trả lại hàng; thỏa thuận về giải quyết tranh chấp.....

Phiếu nhập kho/ Thẻ kho: căn cứ hàng hóa thực nhập vào kho và hóa đơn từ nhà cung cấp, kế toán kho lập phiếu nhập kho. Các thông tin cơ bản trên Phiếu nhập kho như: Tên chứng từ, ngày, số chứng từ, mã hàng, tên hàng, quy cách, số lượng và giá trị hàng nhập kho. Trên phiếu nhập kho có xác nhận số lượng thực nhập của thủ kho.

Đề nghị thanh toán: căn cứ đề nghị mua hàng, đơn đặt hàng, hóa đơn, phiếu xuất kho của nhà cung cấp (nếu có) và phiếu nhập kho, bộ phận mua hàng lập đề nghị thanh toán. Trên đề nghị thanh toán cần có các thông tin: Tên chứng từ, số, ngày chứng từ, lý do đề nghị, mã hàng, tên hàng, giá trị đề nghị thanh toán và thông tin về người được nhận tiền. Phiếu đề nghị thanh toán sau khi được phê duyệt của các cấp có thẩm quyền được chuyển cho bộ phận kế toán để làm chứng từ chi.

Phiếu chi/ Ủy nhiệm chi/ Séc: đây là chứng từ yêu cầu thủ quỹ chi tiền/ ngân hàng chuyển tiền cho người nhận. Trên Phiếu chi/ ủy nhiệm chi/ séc cần có các thông tin: tên chứng từ, số, ngày chứng từ; tên, địa chỉ của khách hàng/

tên khách hàng, thông tin ngân hàng thụ hưởng; nội dung thanh toán, số tiền thanh toán...

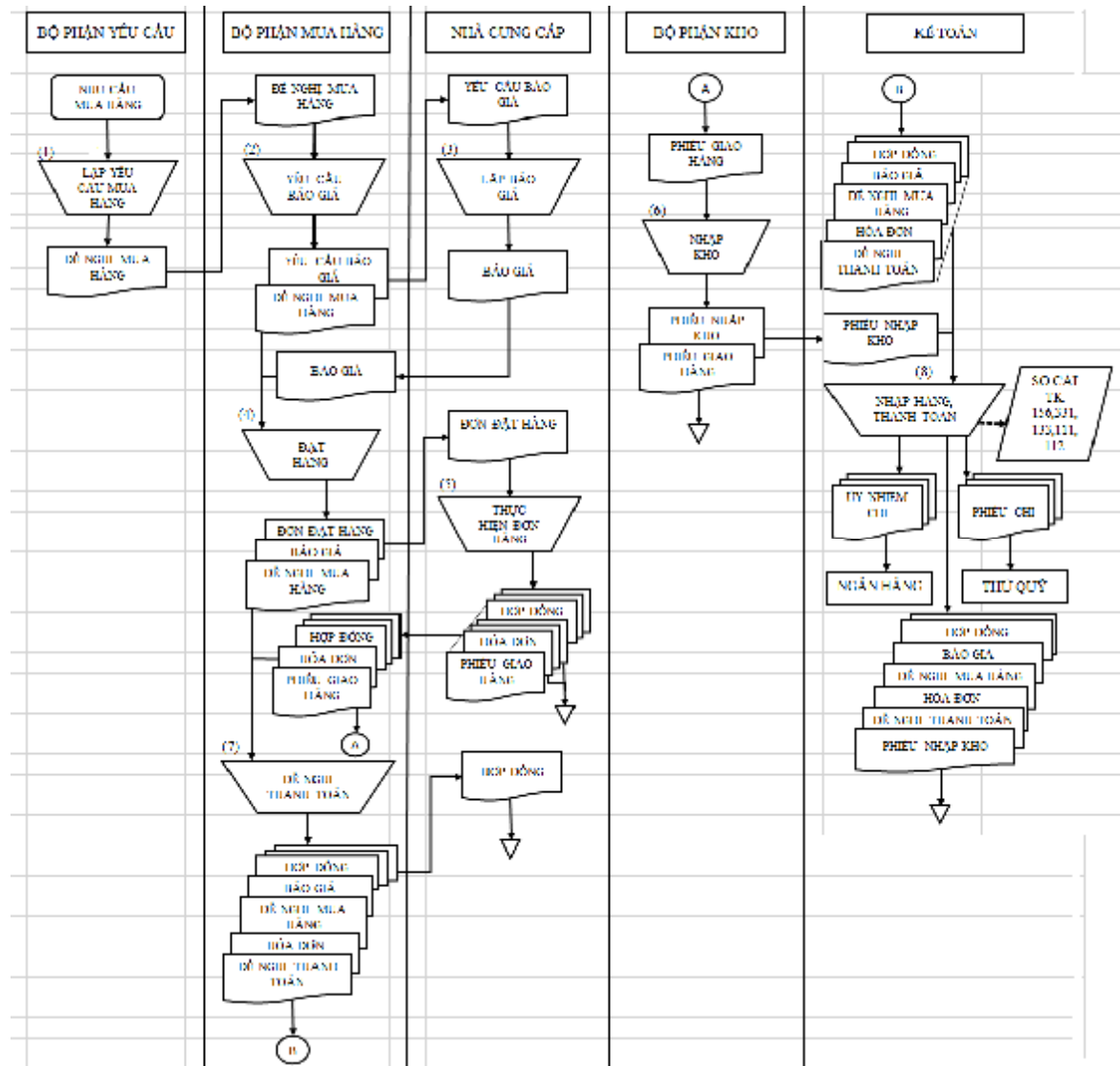
Phiếu xuất kho trả lại nhà cung cấp: phiếu này sử dụng khi hàng đã nhập kho nhưng trả lại hàng và được nhà cung cấp chấp nhận. Các thông tin trên phiếu xuất kho giống phiếu nhập kho.

Sổ kế toán là các sổ chi tiết tài khoản thường sử dụng trong chu trình chi tiêu như: sổ chi tiết tài khoản chi phí (TK 641; TK 642; TK 621; TK 622; TK 627); tài khoản thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (TK 133); Tài khoản hàng hóa (TK 156); Tài khoản hàng mua đang đi đường (TK 151); tài khoản phải trả khách hàng (TK 331); tài khoản chi phí phải trả (TK 335); tài khoản tiền mặt (TK 111); Tài khoản tiền gửi ngân hàng (TK 112)...

Báo cáo kế toán sử dụng trong chu trình chi tiêu được phân thành ba loại theo mục tiêu cung cấp thông tin cho việc kiểm soát hoạt động xử lý của chu trình; thông tin liên quan tới việc xử lý các nghiệp vụ kế toán cụ thể trong chu trình và thông tin theo nhu cầu người sử dụng nhằm phục vụ các quyết định điều hành hoạt động. Đây có thể là báo cáo dưới dạng liệt kê các nghiệp vụ như: Bảng kê hóa đơn mua hàng; Bảng kê phiếu nhập kho; Bảng kê chi tiền.... Hoặc báo cáo dưới dạng kiểm soát như: Báo cáo tổng hợp chi phí; Báo cáo tổng hợp phiếu nhập kho... Hay như báo cáo đặc biệt: Báo cáo công nợ phải trả; Báo cáo công nợ khách hàng theo mã khách hàng; Báo cáo nhập kho của một mã khách hàng; Báo cáo nhập kho của một mã hàng hóa.....

Trong chu trình chi tiêu thường phát sinh các nghiệp vụ như: Mua hàng hóa, dịch vụ không qua kho, Mua hàng hóa nhập kho, mua hàng trả tiền ngay; Mua chịu; Thanh toán công nợ phải trả; Trả lại hàng.

Với quy trình chi tiêu mua hàng hóa nhập kho và cần có duyệt báo giá trước khi ký kết hợp đồng, chu trình mua hàng được khái quát qua lưu đồ chứng từ sau:



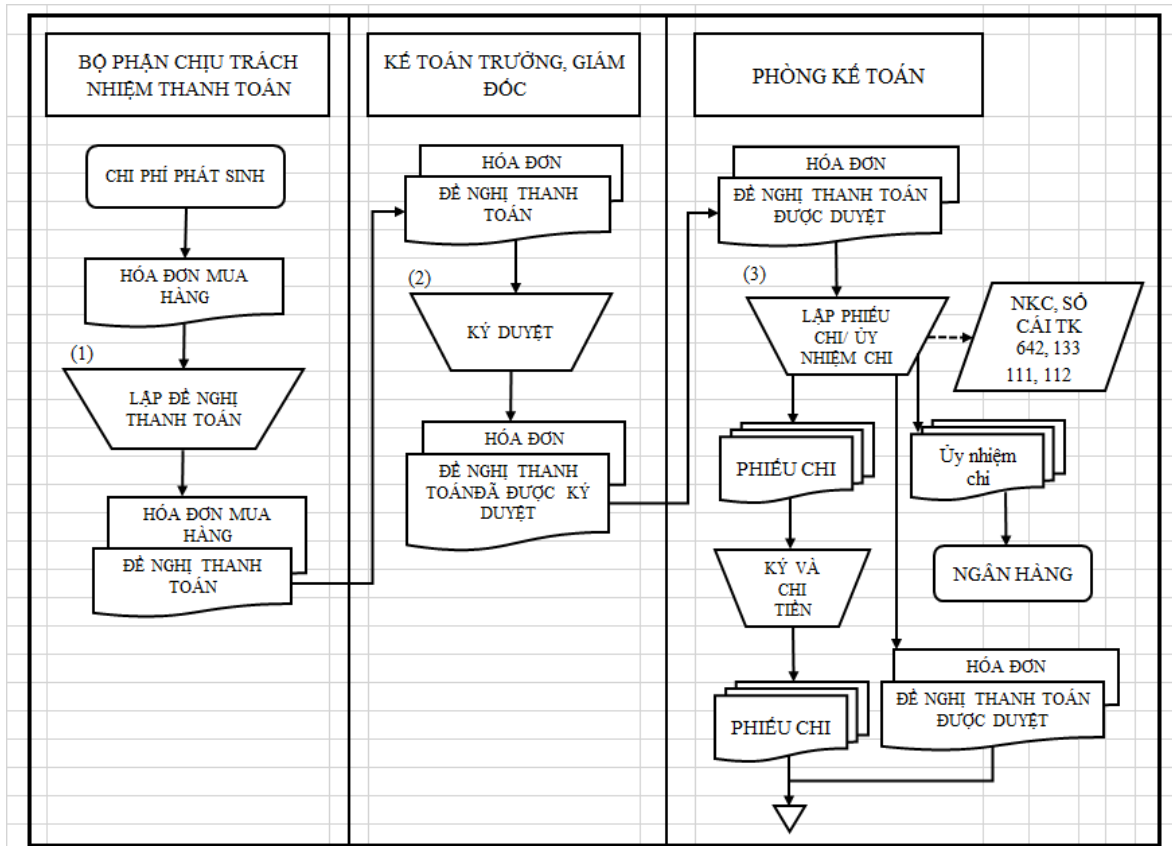
Hình 2.1: Lưu đồ chứng từ từ chu trình chi tiêu- mua hàng hóa nhập kho

- (1) Bộ phận có nhu cầu mua hàng hóa lập yêu cầu mua hàng (một liên), gửi tới bộ phận chịu trách nhiệm mua hàng trong đơn vị.
- (2) Bộ phận mua hàng sau khi nhận được yêu cầu mua hàng, có ký duyệt của cấp có thẩm quyền sẽ tìm kiếm nhà cung cấp, gửi yêu cầu báo giá (một liên) cho nhà cung cấp.

- (3) Nhà cung cấp sau khi nhận được yêu cầu báo giá của khách hàng, lập báo giá một liên và gửi tới khách hàng.
- (4) Nếu chấp nhận báo giá của nhà cung cấp, bộ phận mua hàng lập đơn hàng mua (một liên), xin phê duyệt của cấp có thẩm quyền và gửi đơn đặt hàng một liên đến nhà cung cấp.
- (5) Nhà cung cấp nhận được đơn đặt hàng sẽ làm hợp đồng (ba liên), tiến hành giao hàng cùng với phiếu giao hàng và xuất hóa đơn cho khách hàng.
- (6) Bộ phận mua hàng sau khi nhận được hàng mua cùng với giấy tờ liên quan: Phiếu giao hàng một liên, Hợp đồng ba liên, Hóa đơn một liên... sẽ tiến hành kiểm tra hàng, sau đó sẽ giao hàng cho bộ phận yêu cầu hoặc chuyển hàng vào nhập kho. Ở bộ phận kho, sau khi nhận được hàng cùng với phiếu giao hàng của nhà cung cấp, nhân viên kho sẽ lập phiếu nhập kho (hai liên), trên phiếu ghi số lượng thực nhập. Một liên phiếu nhập kho lưu tại kho, Phiếu nhập kho này sẽ được chuyển cho kế toán để ghi giá trị nhập kho.
- (7) Căn cứ vào yêu cầu mua hàng, phiếu giao hàng, hợp đồng, hóa đơn, bộ phận mua hàng làm đề nghị thanh toán. Sau khi đề nghị thanh toán được ký duyệt, bộ phận mua hàng chuyển đề nghị thanh toán, hóa đơn, hợp đồng sang kế toán để thanh toán cho nhà cung cấp.
- (8) Kế toán nhập kho và tiến hành thanh toán. Kế toán ghi sổ tài khoản hàng hóa (TK 156), tài khoản thuế giá trị gia tăng (TK 133), tài khoản phải trả cho người bán (TK 331) và lập phiếu chi (hai liên) nếu thanh toán bằng tiền mặt hoặc lập ủy nhiệm chi (ba liên), séc nếu thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Các chứng từ này là căn cứ ghi sổ tài khoản tiền mặt (TK 111), tài khoản tiền gửi ngân hàng (TK 112). Phiếu chi được chuyển cho thủ quỹ để chi tiền. Ủy nhiệm chi được chuyển tới ngân hàng để ngân hàng chuyển tiền cho nhà cung cấp.



Với quy trình chi tiêu mua dịch vụ như thanh toán tiền điện, nước sinh hoạt, cước điện thoại văn phòng... là những chi phí thường xuyên, hoạt động thanh toán được khái quát theo lưu đồ chứng từ sau:



Hình 2.2: Lưu đồ chứng từ chu trình chi tiêu- mua dịch vụ

- (1) Lập đề nghị thanh toán (một liên) kèm theo hóa đơn, chứng từ mua hàng trình giám đốc ký duyệt.
- (2) Kế toán trưởng, giám đốc ký duyệt đề nghị thanh toán. Chuyển chứng từ sang kế toán để tiến hành thanh toán.
- (3) Kế toán thanh toán căn cứ đề nghị thanh toán đã được ký duyệt lập phiếu chi/ ủy nhiệm chi (ba liên). Đây là chứng từ để ghi sổ tài khoản chi phí (TK 641, 642, 622, 627), sổ cái tài khoản thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ (TK 133), sổ tài khoản tiền mặt (TK 111), sổ tài khoản tiền

gửi ngân hàng (TK 112). Phiếu chi/ ủy nhiệm chi chuyển sang bộ phận thủ quỹ để chi tiền hoặc mang đến ngân hàng để tiến hành chuyển tiền.

#### 2.3.2.2. Chu trình bán hàng

Chu trình bán hàng hay còn gọi là chu trình doanh thu. Chu trình bán hàng bao gồm các nghiệp vụ kế toán ghi nhận các nghiệp vụ phát sinh liên quan tới việc tạo doanh thu và ghi nhận công nợ khách hàng.

Các bước chính trong chu trình doanh thu gồm có:

- (1) nhận đơn đặt hàng của khách hàng;
- (2) Giao hàng, thực hiện dịch vụ cho khách hàng;
- (3) Yêu cầu khách hàng thanh toán;
- (4) Nhận tiền thanh toán.

Các chứng từ thường sử dụng trong chu trình bán hàng:

Đơn đặt hàng của khách hàng: Đơn đặt hàng do người mua lập và gửi cho doanh nghiệp. Các thông tin cơ bản cần có như: Tên chứng từ, ngày và số chứng từ, thông tin khách hàng, thông tin về hàng hóa/dịch vụ yêu cầu: mã số hàng hóa, tên hàng hóa, quy cách, số lượng, thời hạn giao hàng, địa điểm giao hàng và các thông tin khác liên quan.

Lệnh bán hàng: do bộ phận lập lệnh bán trong doanh nghiệp lập, căn cứ vào đơn đặt hàng của khách hàng. Lệnh bán hàng thường do nhân viên bán hàng, nhân viên kinh doanh trong doanh nghiệp lập. Trên lệnh bán hàng ngoài các thông tin đã đề cập tới trong đơn đặt hàng sẽ có đơn giá bán, thành tiền.

Hợp đồng kinh tế: tương tự trong chu trình chi tiêu.

Phiếu đóng gói hàng, phiếu xuất kho: Các chứng từ này do bộ phận kho và kế toán kho lập, dựa trên thực tế hàng xuất và lệnh bán hàng đã được phê duyệt.

Phiếu vận chuyển, phiếu giao hàng: Bộ phận giao nhận hàng hóa sẽ lập các chứng từ này, gửi kèm với hàng hóa đi giao cho khách hàng. Sau khi đã nhận hàng, khách hàng ký vào chứng từ này là cơ sở xác nhận khách hàng đã nhận hàng, chấp nhận thanh toán.

Hóa đơn vận chuyển: trong trường hợp thuê vận chuyển thì sẽ có hóa đơn vận chuyển của đơn vị vận chuyển.

Hóa đơn bán hàng: hóa đơn được lập căn cứ trên đơn đặt hàng của khách hàng, lệnh bán hàng, phiếu xuất kho, phiếu giao hàng. Hóa đơn bán hàng xác lập quyền sở hữu hàng hóa đã chuyển giao cho người mua hoặc dịch vụ đã được thực hiện hoàn thành cho khách hàng. Đây cũng chính là chứng từ để ghi nhận doanh thu và xác định nghĩa vụ thuế doanh nghiệp phải nộp cho nhà nước.

Giấy đề nghị thanh toán: Đây là chứng từ người bán gửi cho người mua để yêu cầu người mua thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Trên giấy báo thanh toán sẽ có thêm thông tin về thời hạn thanh toán.

Phiếu thu; Giấy Báo Có; Séc thanh toán; Biên lai... : đây là chứng từ xác nhận việc khách hàng đã thanh toán cho doanh nghiệp.

Báo cáo phải thu khách hàng: đây là báo cáo tổng hợp công nợ của khách hàng, đồng thời là căn cứ để xác lập các khoản nợ khó đòi.

Phiếu nhập kho (hàng bán bị trả lại): trong trường hợp hàng đã giao cho khách hàng nhưng hàng hóa bị trả lại do lỗi hàng, sản phẩm không đúng quy cách.... hàng bị trả lại kho và kế toán, thủ kho lập phiếu nhập kho, ghi rõ hàng bán bị trả lại.

Sổ kế toán và báo cáo kế toán thường sử dụng trong chu trình bán hàng, bao gồm:

Sổ chi tiết tài khoản phải thu khách hàng (TK 131); tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK 511); tài khoản doanh thu chưa thực hiện (TK 3387); tài khoản thuế và các khoản phải nộp nhà nước (TK 333); Tài khoản thành phẩm (TK 155); Tài khoản hàng hóa (TK 156); Tài khoản tiền mặt (TK 111); Tài khoản tiền gửi ngân hàng (TK 112)...

Trong chu trình bán hàng, báo cáo kế toán được phân thành ba loại theo mục tiêu cung cấp thông tin cho việc kiểm soát hoạt động xử lý của chu trình; thông tin liên quan tới việc xử lý các nghiệp vụ kế toán cụ thể trong chu trình và thông tin theo nhu cầu người sử dụng nhằm phục vụ các quyết định điều hành hoạt động.

Báo cáo dưới dạng liệt kê các nghiệp vụ: Bảng kê hóa đơn bán hàng; Bảng kê phiếu xuất kho; Bảng kê thu tiền....

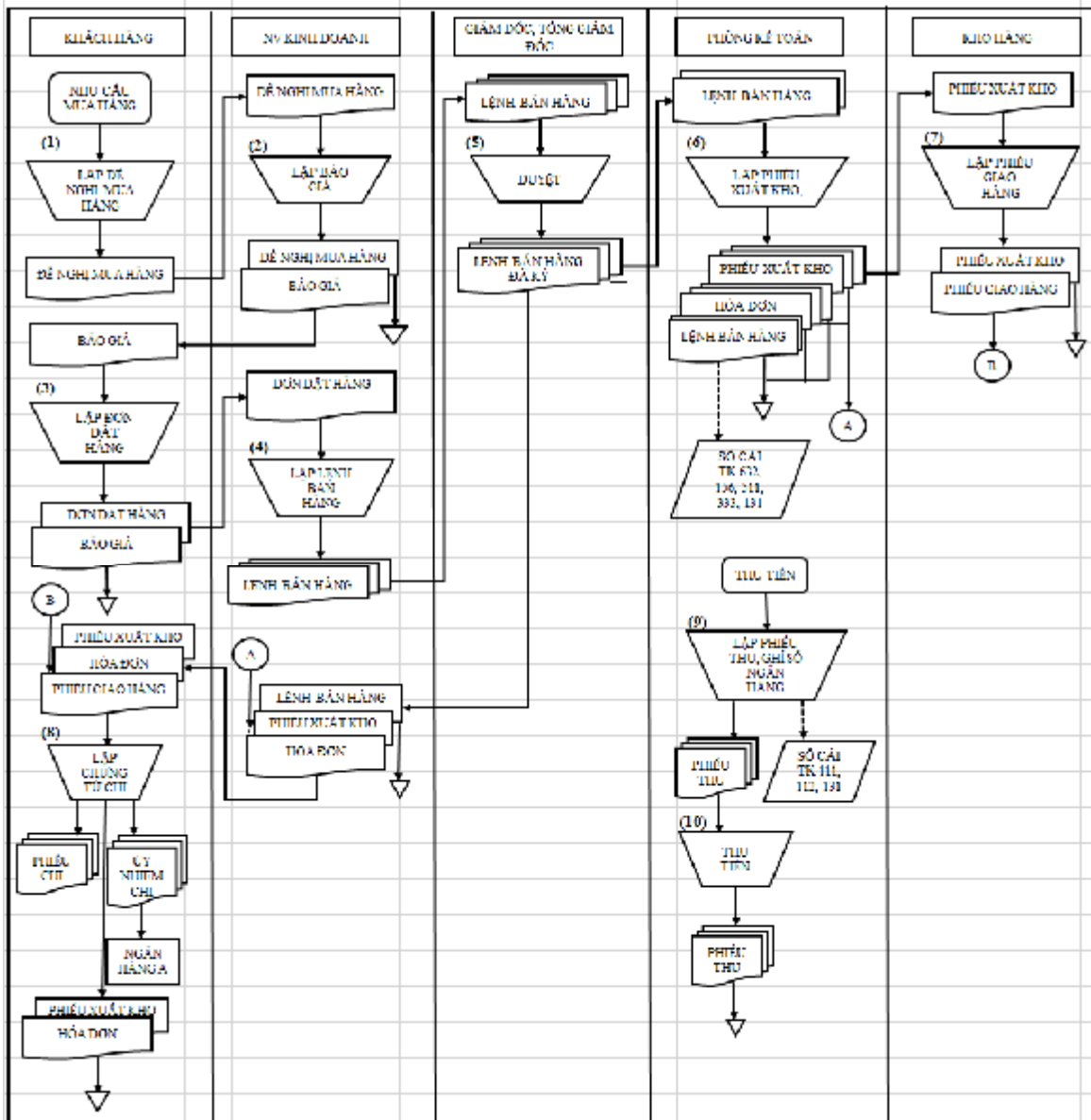
Báo cáo dưới dạng kiểm soát: Báo cáo tổng hợp doanh thu bán hàng; Báo cáo tổng hợp phiếu xuất kho...

Báo cáo đặc biệt: Báo cáo công nợ khách hàng theo hạn thanh toán; Báo cáo công nợ khách hàng theo mã khách hàng; Báo cáo xuất kho của một mã khách hàng; Báo cáo lãi lỗ theo lệnh bán hàng...

Các nghiệp vụ thường gặp trong chu trình bán hàng:

Trong chu trình bán hàng thường phát sinh các nghiệp vụ như: Bán hàng thu tiền ngay; Bán chịu; Thu công nợ khách hàng; Hàng bán bị trả lại; Giảm giá hàng bán; Xóa nợ khó đòi.

Với quy trình bán hàng thông thường, quá trình bán hàng được khái quát bằng sơ đồ chứng từ sau:



Hình 2.3: Lưu đồ chứng từ chu trình bán hàng

- (1) Khách hàng có nhu cầu mua hàng, lập đề nghị mua hàng (một liên) gửi đến bộ phận kinh doanh của doanh nghiệp.
- (2) Căn cứ vào đề nghị mua hàng của khách hàng, nhân viên kinh doanh lập báo giá (một liên), gửi báo giá cho khách hàng.
- (3) Nếu chấp nhận báo giá, khách hàng lập đơn đặt hàng (một liên) và gửi cho nhà cung cấp.

- (4) Sau khi nhận được đơn đặt hàng của khách hàng, nhân viên kinh doanh lập lệnh bán hàng thành ba liên, trình giám đốc ký duyệt.
- (5) Giám đốc ký duyệt lệnh bán hàng. Hai liên của lệnh bán hàng chuyển cho bộ phận kế toán, một liên nhân viên kinh doanh giữ suốt quá trình bán hàng.
- (6) Căn cứ lệnh bán hàng, kế toán lập phiếu xuất kho (ba liên) và xuất hóa đơn bán hàng ba liên. Đây là chứng từ làm căn cứ ghi sổ tài khoản hàng hóa (TK 156), tài khoản giá vốn (TK 632), tài khoản doanh thu (TK 511), tài khoản thuế và các khoản phải nộp nhà nước (TK 333), tài khoản phải thu khách hàng (TK 131). Một liên của phiếu xuất kho chuyển cho bộ phận kho hàng để xuất hàng. Một liên của phiếu xuất kho và liên hai của hóa đơn bán hàng chuyển tới khách hàng, lệnh bán hàng và các liên còn lại của hóa đơn, phiếu xuất kho lưu tại phòng kế toán.
- (7) Bộ phận kho căn cứ vào phiếu xuất kho để xuất hàng, lập phiếu giao hàng (hai liên). Phiếu xuất kho lưu tại kho, phiếu giao hàng đi kèm hàng hóa chuyển tới khách hàng.
- (8) Khi nhận được các chứng từ bán hàng của nhà cung cấp: phiếu xuất kho, hóa đơn, khách hàng kiểm tra hàng thực nhận, đối chiếu với phiếu giao hàng và tiến hành thanh toán, lập chứng từ chi: phiếu chi hoặc ủy nhiệm chi (ba liên).
- (9) Khi nhận được tiền, trường hợp người mua trả tiền mặt, kế toán bán hàng lập phiếu thu (ba liên), ghi sổ tài khoản tiền mặt (TK 111), tài khoản phải thu của khách hàng (TK 131). Trường hợp người mua trả tiền qua ngân hàng, khi nhận được báo Có của ngân hàng, kế toán bán hàng ghi sổ tài khoản tiền gửi ngân hàng (TK 112), tài khoản phải thu khách hàng (TK 131).
- (10) Kế toán chuyển phiếu thu cho thủ quỹ để thu tiền.

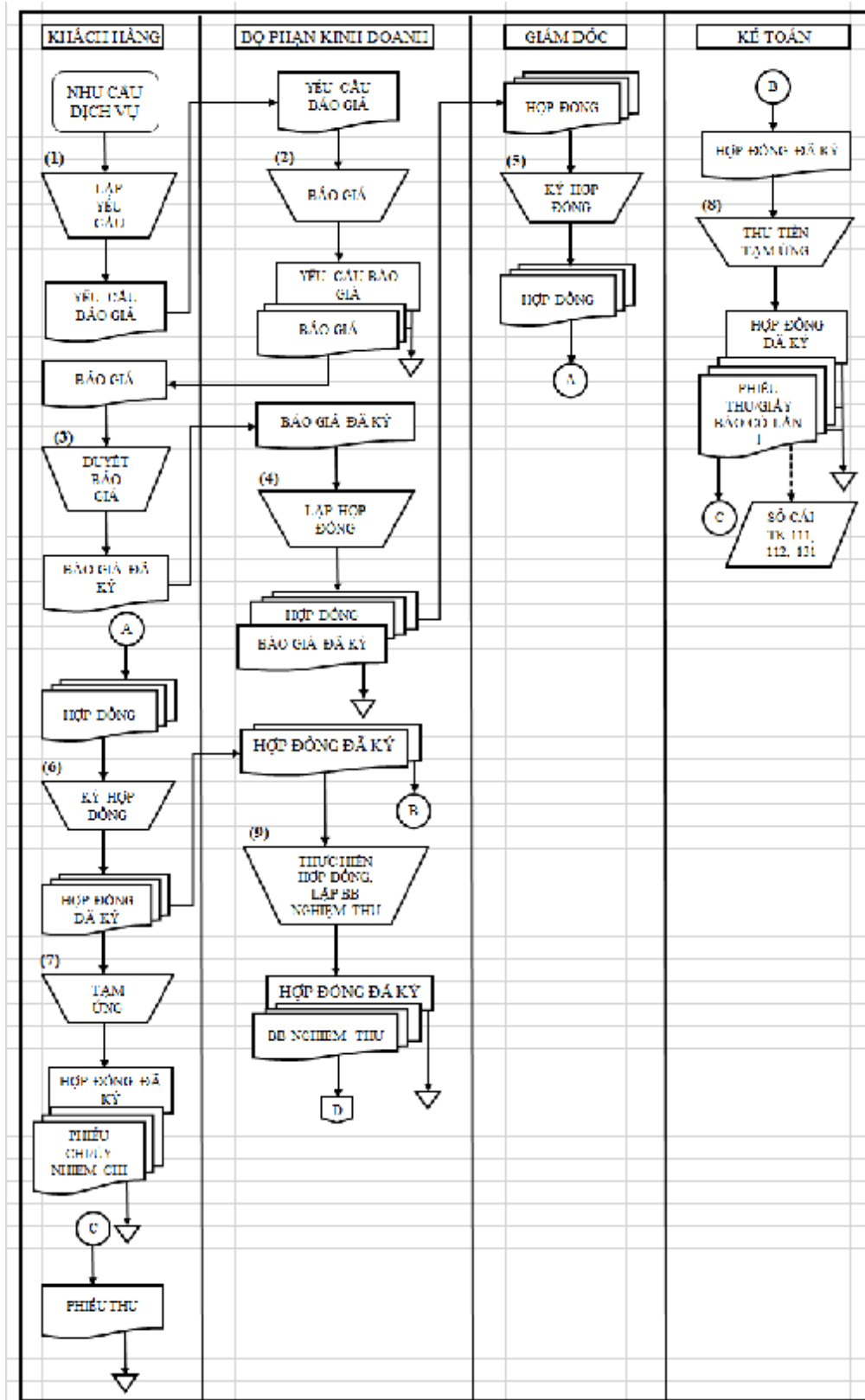
#### 2.3.2.3. Chu trình cung cấp dịch vụ

Chu trình cung cấp dịch vụ khá giống với chu trình bán hàng ở khâu tiếp nhận yêu cầu, lập hợp đồng và thanh toán. Tuy nhiên, khác với chu trình bán hàng, chu trình cung cấp dịch vụ không bán hàng hóa mà chủ yếu là cung cấp sức lao động, trí tuệ, không có mặt hàng cụ thể nên không có kho hàng và không có hoạt động nhập xuất hàng, cũng như không phải quản lý hàng tồn kho.

Các hoạt động cung cấp dịch vụ thường thấy như: dịch vụ bảo vệ, dịch vụ vệ sinh, dịch vụ giao hàng, dịch vụ thiết kế, dịch vụ gia công, dịch vụ du lịch...

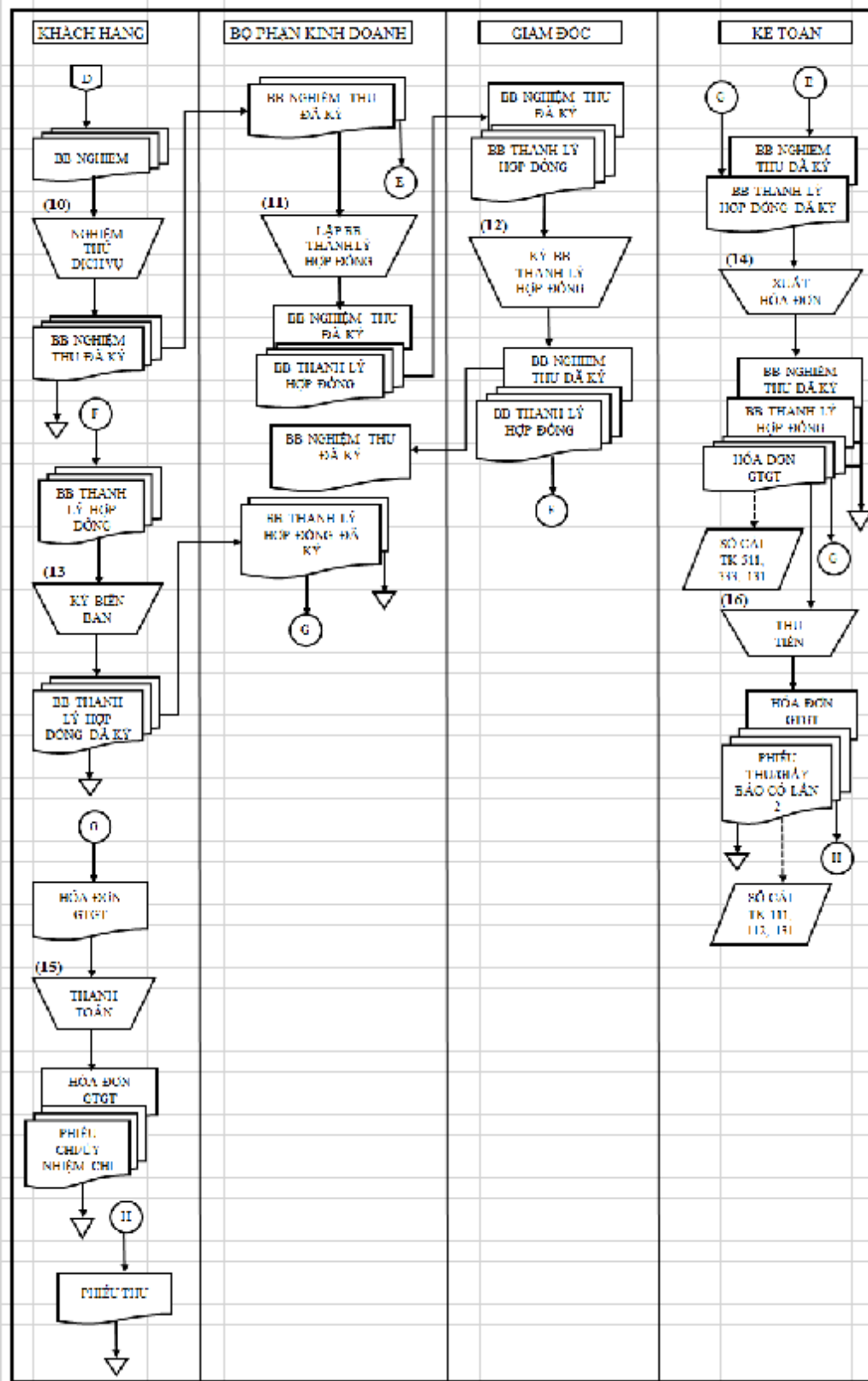
Các chứng từ thường sử dụng trong chu trình cung cấp dịch vụ như: Báo giá, hợp đồng kinh tế, Biên bản nghiệm thu, Biên bản thanh lý hợp đồng, Đề nghị thanh toán, phiếu thu....

Với hoạt động cung cấp dịch vụ ở công ty kinh doanh thương mại, chu trình cung cấp dịch vụ được khái quát bằng lưu đồ chứng từ sau:



Hình 2.4: Lưu đồ chứng từ chu trình cung cấp dịch vụ (1/2)





Hình 2.4: Lưu đồ chứng từ chu trình cung cấp dịch vụ (2/2)

- (1) Khách hàng có nhu cầu cung cấp dịch vụ lập yêu cầu báo giá (một liên), gửi cho bộ phận kinh doanh.
- (2) Bộ phận kinh doanh sau khi nhận được yêu cầu báo giá dịch vụ của khách hàng, lập báo giá (hai liên), một liên lưu, một liên chuyển cho khách hàng.
- (3) Khách hàng nhận được báo giá của nhà cung cấp, duyệt báo giá. Nếu đồng ý với báo giá dịch vụ thì ký đồng ý vào báo giá và chuyển lại nhà cung cấp.
- (4) Bộ phận kinh doanh lập hợp đồng thành ba liên, trình ký giám đốc. Báo giá đã có xác nhận của khách hàng lưu tại bộ phận.
- (5) Giám đốc ký hợp đồng và chuyển cho khách hàng.
- (6) Khách hàng sau khi nhận được hợp đồng và ký, một liên lưu, hai liên còn lại chuyển cho nhà cung cấp. Hai liên hợp đồng này khi bộ phận kinh doanh nhận được, một liên lưu, một liên chuyển cho kế toán để theo dõi.
- (7) Khách hàng căn cứ vào điều khoản thanh toán trên hợp đồng để tiến hành thanh toán. Thông thường, khách hàng sẽ ứng trước một phần hợp đồng. Khách hàng lập phiếu chi hoặc nhiệm chi thành ba liên để thanh toán.
- (8) Bộ phận kế toán căn cứ vào hợp đồng, thu tiền tạm ứng lần 1 của khách hàng. Nếu thu bằng tiền mặt thì lập phiếu thu thành ba liên. Nếu khách hàng chuyển khoản tới sẽ có Giấy Báo Có của ngân hàng. Phiếu thu/ Giấy báo có là chứng từ ghi sổ cái tài khoản tiền mặt/ tiền gửi ngân hàng (TK 111/ TK 112) và sổ cái tài khoản phải thu khách hàng (TK 131). Nếu thu bằng tiền mặt, một liên phiếu thu trả cho khách hàng, hai liên còn lại lưu tại phòng kế toán. Đồng thời, thông báo cho bộ phận kinh doanh biết tiến độ thanh toán của khách hàng.
- (9) Bộ phận kinh doanh thực hiện dịch vụ cho khách hàng. Sau khi hoàn thành công việc, lập biên bản nghiệm thu thành ba liên, ký và chuyển cho khách hàng.

- (10) Khách hàng kiểm tra dịch vụ và ký biên bản nghiệm thu công việc. Một liên của biên bản nghiệm thu khách hàng lưu, hai liên còn lại trả lại nhà cung cấp.
- (11) Bộ phận kinh doanh sau khi nhận lại hai liên biên bản nghiệm thu công việc, một liên chuyển cho bộ phận kế toán để theo dõi, một liên lưu, làm căn cứ lập Biên bản thanh lý hợp đồng ba liên, trình ký giám đốc.
- (12) Giám đốc căn cứ Biên bản nghiệm thu công việc, ký biên bản thanh lý hợp đồng, chuyển cho khách hàng.
- (13) Khách hàng sau khi nhận được Biên bản thanh lý hợp đồng, ký, một liên lưu, hai liên còn lại trả lại nhà cung cấp. Bộ phận kinh doanh khi nhận được, một liên lưu, một liên chuyển cho kế toán.
- (14) Bộ phận kế toán căn cứ vào hợp đồng, biên bản nghiệm thu công việc, Biên bản thanh lý hợp đồng, lập hóa đơn giá trị gia tăng thành ba liên, liên một và liên ba lưu, liên hai chuyển cho khách hàng. Hóa đơn là chứng từ làm căn cứ ghi sổ cái tài khoản doanh thu (TK 511), tài khoản thuế và các khoản phải nộp nhà nước (TK 333), tài khoản phải thu khách hàng (TK 131).
- (15) Khách hàng sau khi nhận được hóa đơn, tiến hành thanh toán nốt số tiền còn lại theo hợp đồng. Nếu thanh toán bằng tiền mặt, khách hàng lập phiếu chi ba liên. Nếu thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng, khách hàng lập ủy nhiệm chi.
- (16) Căn cứ vào hóa đơn và tình hình thanh toán của khách hàng, kế toán thu nốt số tiền khách hàng còn phải thanh toán. Nếu thu bằng tiền mặt, kế toán lập phiếu thu thành ba liên, một liên phiếu thu trả lại khách hàng. Nếu thu bằng tiền gửi ngân hàng, kế toán in và lưu giấy báo có. Phiếu thu/ giấy báo có là chứng từ làm căn cứ ghi sổ cái tài khoản tiền mặt (TK 111)/ tiền gửi ngân hàng (TK 112), tài khoản phải thu khách hàng (TK 131).

Trên đây là các chu trình cơ bản của doanh nghiệp kinh doanh thương mại: chu trình chi tiêu, chu trình bán hàng, chu trình cung cấp dịch vụ. Tác giả đã khái quát các chu trình qua các lưu đồ chứng từ. Qua đó, ta thấy được hệ thống thông tin kế toán (AIS) đã cung cấp thông tin về bức tranh toàn cảnh hoạt động chi tiêu, quá trình tạo ra doanh thu trong doanh nghiệp, trình tự các bước thực hiện, các cấp và thẩm quyền phê duyệt chứng từ, trình tự luân chuyển chứng từ....

### **2.3.3. Dữ liệu và phần mềm xử lý dữ liệu**

#### **2.3.3.1. Dữ liệu và cơ sở dữ liệu**

Cơ sở dữ liệu là tập hợp nhiều dữ liệu liên quan và được lưu trữ vật lý trong máy tính. Nó liên kết các tập tin và được quản lý bởi một phần mềm gọi là hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu. Vai trò của cơ sở dữ liệu:

*Thứ nhất*, cơ sở dữ liệu giúp tiết kiệm thời gian nhập liệu. Ví dụ khi một khách hàng đã được mã hóa bằng một mã khách hàng, các thông tin về khách hàng chỉ cần nhập liệu một lần vào hệ thống. Các lần sau khi cần nhắc lại khách hàng đó chỉ việc nhập mã khách hàng, các thông tin về khách hàng sẽ hiển thị không cần nhập lại.

*Thứ hai*, cơ sở dữ liệu giúp tránh lưu trữ trùng lặp dữ liệu. Ví dụ, dữ liệu về một mặt hàng lưu trữ trong tệp danh mục hàng hóa, khi tiến hành đặt hàng, khi nhập kho, khi xuất kho chỉ cần nhập mã hàng là thông tin từ danh mục hàng hóa sẽ tự động truyền cho các phân hệ đặt hàng, nhập kho, xuất kho mà không cần lưu trữ cùng lúc ở tất cả các phân hệ.

*Thứ ba*, cơ sở dữ liệu giúp tăng cường khả năng kiểm soát dữ liệu. Ví dụ, chỉ có thể bán hàng hóa có trong danh mục hàng, nếu nhập không đúng mã hàng, chương trình sẽ báo lỗi.

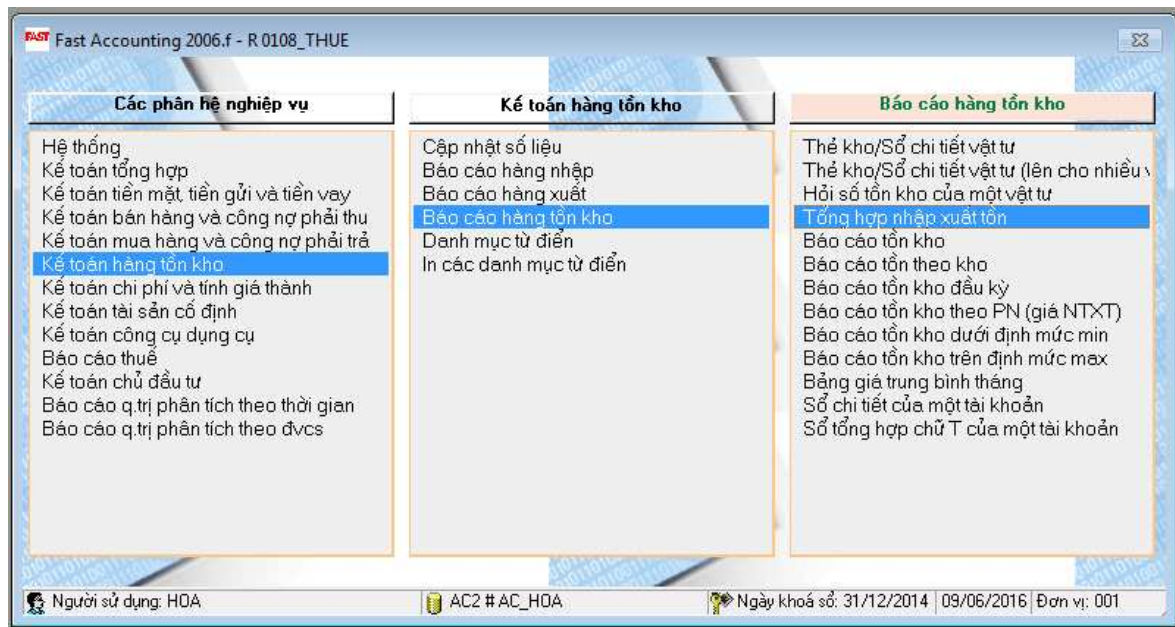
Thứ tư, có thể tiện lợi trong các thao tác với dữ liệu: thay đổi, thêm, xóa dữ liệu...

### 2.3.3.2. Phần mềm xử lý dữ liệu

Phần mềm thiết kế để xử lý dữ liệu trong AIS phải đảm bảo các yêu cầu sau: nhận diện được thông tin đầu ra của hệ thống; tìm được giải pháp phần cứng và phần mềm; quản lý được, không quá phức tạp; đảm bảo bí mật. Hiện nay, một số phần mềm kế toán phổ biến và thông dụng đang được sử dụng như Phần mềm kế toán Fast; Phần mềm kế toán Misa.

Với phần mềm kế toán Fast hiện đang có các phiên bản cho doanh nghiệp quy mô vừa và lớn như: Fast Business Online, Fast Business (ERP), Fast Financial, Fast HRM Online, Fast CRM Online, Fast DMS Online; phiên bản cho doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ có: Fast Accounting Online và Fast Accounting.

Giao diện của phần mềm Fast Accounting:



Hình 2.5: Giao diện phần mềm kế toán Fast Accounting

Ưu điểm của phần mềm kế toán Fast Accounting có thể kể tới như: Giao diện đơn giản, dễ sử dụng, sổ sách kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành, hệ thống báo cáo đa dạng; tốc độ xử lý nhanh; cho phép kết xuất báo cáo ra Excel với mẫu biểu sắp xếp đẹp; sử dụng làm việc mọi lúc, mọi nơi trên mọi thiết bị; không cần cài đặt phần mềm trên máy chủ hay các phần mềm hỗ trợ khác; dễ dàng truy xuất thông tin, đảm bảo tính chính xác.

Bên cạnh các ưu điểm trên, phần mềm kế toán Fast Accounting có các nhược điểm như: tính bảo mật chưa cao; chỉ sử dụng được cho kế toán làm báo cáo tài chính, khả năng đáp ứng cho nhu cầu quản trị chưa cao; không sử dụng được cho các phòng chức năng khác trong doanh nghiệp để quản trị mang tính hệ thống.

Phần mềm kế toán Misa cũng được sử dụng khá thông dụng trong kế toán. Với doanh nghiệp, phần mềm Misa có các phiên bản: AMIS.VN, MISA SME.NET 2015, MTAX.VN. Với đơn vị hành chính sự nghiệp, phần mềm Misa có các phiên bản: MISA Bamboo.NET 2015, MISA Bamboo. NET X1 2015, MISA Mimosa.NET 2014, MISA Panda.NET 2011, Phần mềm quản lý hộ tịch (HOTICH.VN), QLTH.VN, QLTS.VN. Với hộ kinh doanh cá thể và cá nhân, phần mềm Misa có các phiên bản: Quản lý nhà hàng, Sổ thu chi MISA, MISA Golf HCP.

Giao diện của phần mềm kế toán MISA dành cho doanh nghiệp- MISA SME.NET 2015:



Hình 2.6: Giao diện phần mềm kế toán Misa

Phần mềm Misa có ưu điểm như: giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt. Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đa dạng, đáp ứng được nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị. Đặc biệt, phần mềm cho phép tạo nhiều cơ sở dữ liệu; cho phép lưu và ghi sổ dữ liệu; Số liệu tính toán chính xác, ít xảy ra sai sót bất thường; Phần mềm Misa chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao.

Phần mềm kế toán Misa có các nhược điểm như: Phần mềm Misa đòi hỏi cấu hình máy tính tương đối cao, nếu máy tính có cấu hình thấp thì chạy khá chậm chạp; Tốc độ xử lý dữ liệu khi tính giá xuất kho hay bảo trì dữ liệu chậm; Phân hệ tính giá thành chưa được nhà sản xuất phát triển; Chưa đáp ứng được nhu cầu quản trị ở cấp độ cao mang tính hệ thống toàn doanh nghiệp, chỉ sử dụng được cho kế toán.

Như vậy, cả hai phần mềm kế toán Fast và Misa đều là các phần mềm đóng gói, mang tính phổ biến, phù hợp cho kế toán làm báo cáo tài chính, không sử dụng được cho các bộ phận khác trong doanh nghiệp nên không có tính hệ thống và không đáp ứng được hoàn toàn nhu cầu kiểm soát của doanh nghiệp.

Cùng với sự phát triển của ngành khoa học công nghệ thông tin, hệ thống ERP (Enterprise Resource Planning) ra đời đã khắc phục những nhược điểm trên.

Hệ thống ERP là hệ thống hoạch định tài nguyên doanh nghiệp. Hệ thống ERP tích hợp các chức năng xử lý nghiệp vụ của tất cả các bộ phận trong một phần mềm máy tính duy nhất mà có thể đáp ứng tất cả nhu cầu đặc thù của các bộ phận khác nhau.



Hình 2.7: Mô hình hệ thống ERP

Bản chất ERP là một hệ thống tích hợp các phần mềm ứng dụng đa phân hệ nhằm giúp tổ chức, doanh nghiệp quản lý các nguồn lực và tác nghiệp. Giải pháp ERP cung cấp cho các nhà quản lý doanh nghiệp khả năng quản lý và điều hành tài chính – kế toán, quản lý vật tư, quản lý sản xuất, quản lý kinh doanh và phân phối sản phẩm, quản lý dự án, quản lý dịch vụ, quản lý khách hàng, quản



lý nhân sự, các công cụ dự báo và lập kế hoạch, phân tích, báo cáo, .v.v. Thêm vào đó, như một đặc điểm rất quan trọng mà các giải pháp ERP cung cấp cho các doanh nghiệp, là một hệ thống quản lý với quy trình hiện đại theo chuẩn quốc tế, nhằm nâng cao khả năng quản lý điều hành doanh nghiệp cho lãnh đạo cũng như tác nghiệp của các nhân viên.

Như vậy, đặc trưng của phần mềm ERP là có cấu trúc phân hệ. Phần mềm có cấu trúc phân hệ là một tập hợp gồm nhiều phần mềm riêng lẻ, mỗi phần mềm có một chức năng riêng. Các phân hệ cơ bản của một phần mềm ERP điển hình gồm: phân hệ kế toán, phân hệ mua hàng, phân hệ hàng tồn kho, phân hệ sản xuất, phân hệ tính giá thành, phân hệ bán hàng, phân hệ quản lý nhân sự, phân hệ tài sản...

Sử dụng ERP đem lại nhiều lợi ích cho doanh nghiệp. Hệ thống ERP tạo ra nền tảng bền vững cho sự phát triển của doanh nghiệp trong tương lai. ERP giúp tối ưu hóa các nguồn lực, tăng hiệu quả sản xuất, kinh doanh. ERP đã giải quyết bài toán tích hợp, liên kết mà các hệ thống rời rạc không thể thực hiện. ERP giúp thông tin AIS được tập trung, chính xác và kịp thời. Bên cạnh đó, ERP còn giúp chuẩn hóa quy trình hoạt động; kiểm soát và ngăn chặn rủi ro xảy ra sai sót cũng như gian lận; hỗ trợ hoạch định kế hoạch. Giải pháp ERP không giới hạn về quy mô doanh nghiệp, loại hình sản xuất kinh doanh, không giới hạn vị trí địa lý.

Hệ thống ERP có rất nhiều ưu điểm. Tuy nhiên, chi phí để triển khai ERP là tương đối lớn. Vì vậy, các doanh nghiệp cần phải cân nhắc giữa lợi ích và chi phí khi quyết định sử dụng giải pháp này.

#### ***2.3.4. Hệ thống phần cứng sử dụng trong tổ chức AIS***

Phần cứng sử dụng trong AIS có thể kể đến như bàn tính cầm tay, chứng từ, sổ sách bằng giấy hay sử dụng công nghệ như máy tính điện tử, mạng máy tính.

Máy tính cầm tay, chứng từ, sổ sách giấy là công cụ được sử dụng trong thời kỳ kế toán còn sơ khai và nền khoa học công nghệ chưa phát triển. Từ khi có máy tính điện tử, công tác kế toán đã được sử dụng trên nền Excel, và sau đó là ứng dụng các phần mềm để xử lý số liệu và ghi sổ.

Máy tính điện tử được phân loại thành: siêu máy tính, máy tính lớn, máy tính cỡ vừa và máy vi tính.

Mạng máy tính gồm mạng LAN, mạng WAN và mạng internet. Mạng LAN là mạng nội bộ. Thành phần mạng LAN gồm: máy chủ tập, máy chủ in ấn, máy chủ truyền thông, máy trạm, dây cáp, các giao diện mạng và hệ điều hành mạng. Cấu hình mạng LAN gồm mạng hình sao, mạng đường trục, mạng vòng, mạng hỗn hợp và mạng xương sống.

Mạng WAN là mạng diện rộng, có thành phần: máy chủ, máy tiền xử lý, Modem, thiết bị đầu cuối, bộ tập trung, giao thức truyền thông, phần mềm mạng.

Mạng internet là mạng toàn cầu, có thành phần: mạng con, đầu cuối, hệ thống trung gian, cầu nối, bộ dọn đường, giao thức internet.

### ***2.3.5. Hệ thống kiểm soát nội bộ***

#### ***2.3.5.1. Cấu trúc kiểm soát nội bộ***

Hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm các chính sách và các thủ tục thực hiện chính sách được thiết lập bởi các cấp lãnh đạo và được toàn thể doanh nghiệp tuân thủ nhằm cung cấp một sự đảm bảo hợp lý để đạt được ba mục tiêu:

báo cáo tài chính đáng tin cậy; các quy định và luật lệ hiện có được tuân thủ và các hoạt động kiểm soát là hữu hiệu và hiệu quả.

Có hai dạng kiểm soát nội bộ là kiểm soát quản lý và kiểm soát kế toán. Kiểm soát quản lý nhằm đạt các mục tiêu: thúc đẩy hiệu quả sản xuất kinh doanh và kiểm soát sự tuân thủ của nhân viên với các chính sách quản lý.

Kiểm soát kế toán nhằm đạt các mục tiêu: bảo vệ tài sản của doanh nghiệp; thẩm định tính chính xác và độ tin cậy của thông tin kế toán.

Môi trường kiểm soát là thành phần nền tảng của hệ thống kiểm soát nội bộ, bao gồm các nhân tố sau: triết lý quản lý và phong cách điều hành hoạt động của lãnh đạo doanh nghiệp; cơ cấu tổ chức quản lý của doanh nghiệp; trách nhiệm và quyền của nhà quản lý; hội đồng quản trị, ban kiểm soát; trình độ và phẩm chất của nhân viên; chính sách nhân sự; tính trung thực và các giá trị đạo đức.

Kiểm soát nội bộ bao gồm hoạt động giám sát và đánh giá rủi ro. Giám sát bao gồm giám sát thường xuyên, thường là ở các hoạt động có mức độ rủi ro cao và giám sát định kỳ các hoạt động. Đánh giá rủi ro bao gồm: nhận dạng các sự kiện trong và ngoài doanh nghiệp có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động đạt được mục tiêu hệ thống và đánh giá mức độ ảnh hưởng của các rủi ro đã nhận dạng được lên thông tin kế toán.

Sử dụng hệ thống thông tin và truyền thông trong công tác kiểm soát nội bộ được thể hiện ở hệ thống ghi nhận, phân loại, phân tích, tổng hợp, lập báo cáo kế toán, báo cáo tài chính cho người sử dụng bên trong và bên ngoài doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, kiểm soát nội bộ qua hệ thống chứng từ, sổ sách, báo cáo và qua chính sách kế toán.

### 2.3.5.2. Kiểm soát hệ thống thông tin kế toán

Kiểm soát AIS bao gồm các dạng kiểm soát: kiểm soát ngăn ngừa, kiểm soát phát hiện và kiểm soát sửa sai.

Kiểm soát ngăn ngừa nhằm để phòng sai sót và gian lận. Sai sót có thể là do không cẩn thận hay có thể do thiếu kiến thức. Sai sót đa phần là không cố ý. Có hai dạng gian lận thường thấy là gian lận quản lý và tham ô, biển thủ tài sản công ty. Gian lận quản lý là người quản lý cấp cao lạm dụng quyền hành chỉ đạo sai lệch thông tin tài chính như báo cáo doanh thu hoặc báo cáo lợi nhuận cao hơn thực tế nhằm hưởng thêm tiền thưởng cho cá nhân hay làm gia tăng ảo giá trị cổ phiếu mà họ đang nắm giữ. Tham ô, biển thủ là tài sản của doanh nghiệp bị lấy một cách bất hợp pháp vì mục đích cá nhân. Tham ô, biển thủ thường sẽ che đậy bằng cách làm sai lệch các số liệu kế toán.

Kiểm soát phát hiện: là kiểm soát tìm ra các sai sót và gian lận đã xảy ra hoặc đã được thực hiện. Thủ tục đối chiếu các sổ chi tiết và sổ cái giữa các bộ phận kế toán chi tiết và bộ phận kế toán tổng hợp; đối chiếu các sổ chi tiết, sổ nhật ký với sổ phụ ngân hàng; đối chiếu các sổ chi tiết hàng tồn kho với thẻ kho của thủ kho, các hoạt động kiểm kê... là các ví dụ về kiểm soát phát hiện.

Kiểm soát sửa sai: là kiểm soát các sai sót và gian lận đã phát hiện nhằm sửa chữa, giới hạn các ảnh hưởng sai lệch của các gian lận và sai sót này đối với mức độ chính xác và đáng tin cậy của thông tin kế toán.

Trong doanh nghiệp, kiểm soát AIS còn qua việc phân chia trách nhiệm tuân thủ theo các nguyên tắc như: người ghi chép sổ sách không kiêm nhiệm việc giữ tài sản; người ghi sổ chi tiết phải khác với người ghi sổ tổng hợp. Sự phân chia trách nhiệm cũng tuân theo nguyên tắc không để một người xử lý toàn bộ một chu trình nghiệp vụ. Bên cạnh đó, các thủ tục kiểm soát được thực hiện trên cơ sở: việc lập xét duyệt, lưu chuyển, lưu trữ chứng từ, báo cáo kế

toán, ghi chép, bảo quản, kiểm tra sổ, thẻ... và qua kiểm kê tiền, hàng tồn kho, tài sản cố định...

### *2.3.5.3. Kiểm soát sự an toàn và trung thực của số liệu*

Các nguyên nhân gây mất an toàn của số liệu có thể xuất phát từ trong nội bộ doanh nghiệp hoặc từ bên ngoài, có thể do vô ý hoặc cố ý, có thể tiến hành độc lập hoặc có sự thông đồng.

Các hình thức mất an toàn có thể xảy ra do phá hủy, do các yếu tố vật lý tác động, do đánh cắp hoặc gian lận.

Nhằm ngăn chặn các rủi ro gây mất an toàn dữ liệu, người ta dùng các kỹ thuật như: thiết lập mật khẩu, nhận dạng; hệ thống đa quản gia; hệ thống mã hóa; hệ thống tự động phát hiện xâm nhập bất hợp lệ; hệ thống lưu trữ có theo vết mọi thâm nhập hệ thống và thay đổi hệ thống.

Đánh giá sự an toàn và trung thực của dữ liệu là trách nhiệm của kiểm toán viên và kiểm soát viên nội bộ. Phải xem xét và đánh giá các chính sách, thủ tục của doanh nghiệp với các thủ tục kiểm soát nội bộ trong hệ thống; lập báo cáo về hệ thống và xây dựng trình tự kiểm toán.

Các phương pháp xem xét và đánh giá tính an toàn và trung thực của dữ liệu có thể thực hiện: qua phỏng vấn, qua kiểm tra xuyên suốt, qua thử nghiệm kiểm soát.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

Trong chương 2, luận văn đã xây dựng cơ sở lý luận về tổ chức hệ thống thông tin kế toán ở các doanh nghiệp một cách khá toàn diện. Người viết đã chỉ ra vai trò quan trọng của AIS đối với sự phát triển của doanh nghiệp, mối quan hệ với quản trị và sự phát triển của AIS trong thời đại ngày nay. Bên cạnh đó, luận văn đã phân tích một cách dễ hiểu các nguyên tắc tổ chức hệ thống thông

tin kế toán. Đây là một nội dung rất thiết thực đối với nhà quản trị khi muốn thay đổi hay xây dựng một AIS. Luận văn cũng đã mô tả và khái quát hóa các chu trình cơ bản của AIS ở doanh nghiệp kinh doanh thương mại: chu trình chi tiêu, chu trình bán hàng và chu trình cung cấp dịch vụ. Cùng với sự phát triển của AIS, phần mềm máy tính ngày càng thông minh, giúp cho quá trình xử lý dữ liệu ngày càng nhanh chóng, kịp thời, chính xác. Cũng nhờ đó, AIS ngày càng đóng vai trò quan trọng trong hoạt động kiểm soát và ra quyết định.

## **CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CP ĐẦU TƯ KINH DOANH TỔNG HỢP D&C**

### **3.1. Giới thiệu chung về Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C**

#### ***3.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển***

Công ty CP đầu tư kinh doanh tổng hợp D&C là đại lý chính hãng của Honda Ôtô Việt Nam, được Honda Ôtô Việt Nam ủy quyền làm đại lý với tên gọi Đại lý Honda ô tô Mỹ Đình.

- Địa chỉ: Số 02 Lê Đức Thọ, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội.

- Mã số thuế : 0102159310

- Website : [www.hondaotomydinh.vn](http://www.hondaotomydinh.vn)

Công ty được cấp giấy phép kinh doanh từ tháng 9 năm 2007 và bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 3/2008, với vai trò là đại lý phân phối chính thức khu vực phía Bắc cho thương hiệu ô tô Honda. Cũng giống như tất cả các đại lý ô tô khác của Honda, Đại lý Honda Ôtô Mỹ Đình được trang bị đầy đủ các trang thiết bị tiên tiến hiện đại nhất, phù hợp với những yêu cầu và tiêu chuẩn của Honda toàn cầu.

Honda Ôtô Mỹ Đình tọa lạc tại khu vực Mỹ Đình, với tổng diện tích trên 6.000 m<sup>2</sup> – gồm các khu vực dịch vụ sửa chữa ô tô, phòng trưng bày, kho xe, văn phòng , với đội ngũ nhân viên khoảng 200 người.

Đại lý Honda ô tô Mỹ Đình cung cấp tới khách hàng các dịch vụ đạt tiêu chuẩn 5S của Honda Việt Nam bao gồm Bán hàng (Sales), Bảo hành bảo dưỡng (Service), Cung cấp phụ tùng Honda chính hiệu (genuine Spare-parts), Hướng dẫn lái xe an toàn (Safety Driving) và Hoạt động đóng góp xã hội (Social contributions). Thấu hiểu chất lượng phục vụ của đại lý là yếu tố quyết định sự

hài lòng của khách hàng, đại lý luôn chú trọng tới việc nâng cao chất lượng bán hàng, dịch vụ bán hàng và sau bán hàng, cùng rất nhiều dịch vụ tiêu chuẩn cao để phục vụ khách hàng. Cùng với hoạt động kinh doanh, Honda ô tô Mỹ Đình luôn dành sự quan tâm đặc biệt đến các hoạt động đóng góp cộng đồng, chú trọng vào hoạt động an toàn giao thông, giáo dục và bảo vệ môi trường, đạt chứng chỉ an toàn môi trường ISO 14001.

Honda ô tô Việt Nam bắt đầu hoạt động kinh doanh ô tô từ năm 2006. Sau 3 năm, Honda ô tô Mỹ Đình là đại lý thứ 3 của Honda ô tô tại thị trường Việt Nam. Đến nay, Honda Việt Nam đã có 13 đại lý trải dài khắp ba miền Bắc-Trung- Nam. Tuy được thành lập sau nhưng Honda ô tô Mỹ Đình đã nhanh chóng khẳng định được chất lượng dịch vụ. Từ năm 2008 đến nay, Công ty CP Đầu tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C đã đạt được các danh hiệu:

+ Danh hiệu đại lý số 1 toàn quốc các năm 2009, 2010, 2011.

+ Danh hiệu đại lý có doanh số bán xe cao nhất toàn quốc năm 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015.

+ Giải nhất cuộc thi Sửa chữa chung toàn quốc năm 2015 .

+ Giải nhất cuộc thi Sửa chữa nhanh toàn quốc năm 2015.

+ Giải nhì cuộc thi Sửa chữa sơn toàn quốc năm 2015.

+ Giải nhất cuộc thi Tư vấn sản phẩm xuất sắc toàn quốc năm 2015.

Và nhiều danh hiệu khác...

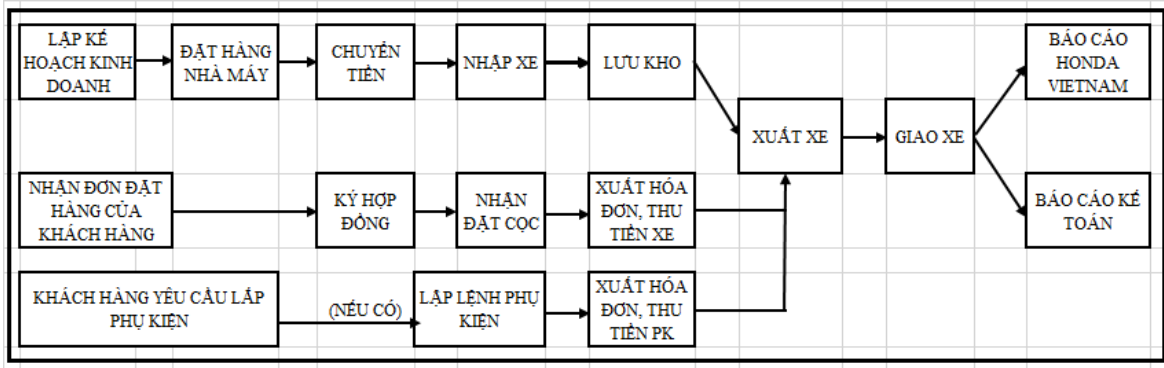
### ***3.1.2 Đặc điểm hoạt động kinh doanh***

Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C là doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, kinh doanh trong lĩnh vực thương mại. Hiện nay, công ty có hai



lĩnh vực kinh doanh chính là kinh doanh ô tô (phòng kinh doanh) và dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành ô tô, bán phụ tùng ô tô (phòng dịch vụ).

Hoạt động kinh doanh ô tô gồm:

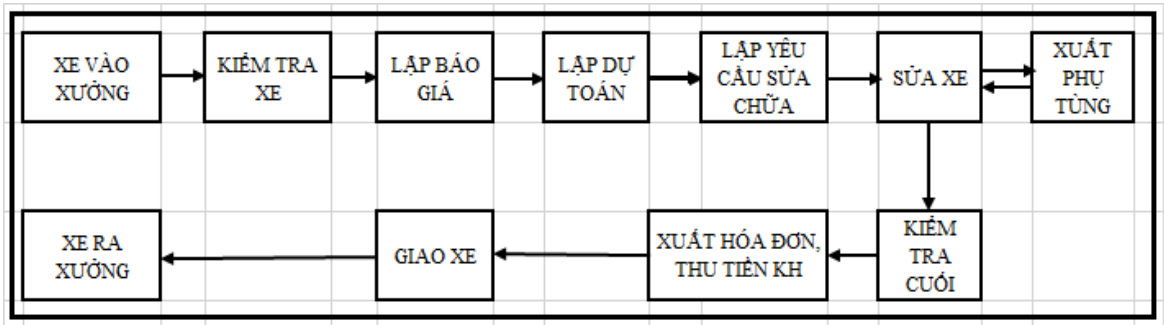


Sơ đồ 3.1: Quy trình quản lý kinh doanh xe ô tô tại Công ty D&C

(Nguồn: quy trình quản lý kinh doanh xe- Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C)

Hoạt động dịch vụ gồm các hoạt động chính:

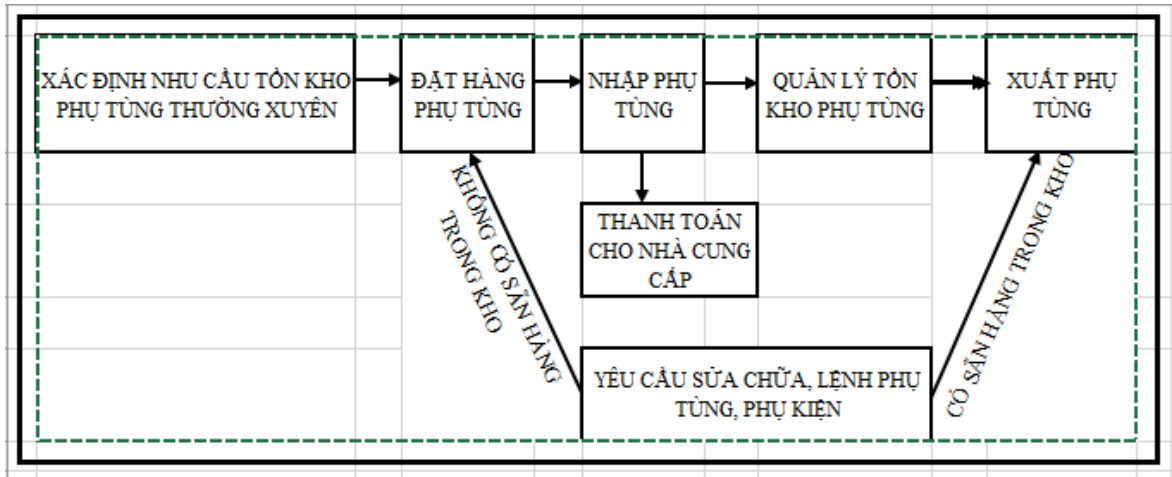
Hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng xe:



Sơ đồ 3.2: Quy trình quản lý kinh doanh dịch vụ tại Công ty D&C

(Nguồn: quy trình quản lý kinh doanh dịch vụ- Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C)

Hoạt động kinh doanh phụ tùng:

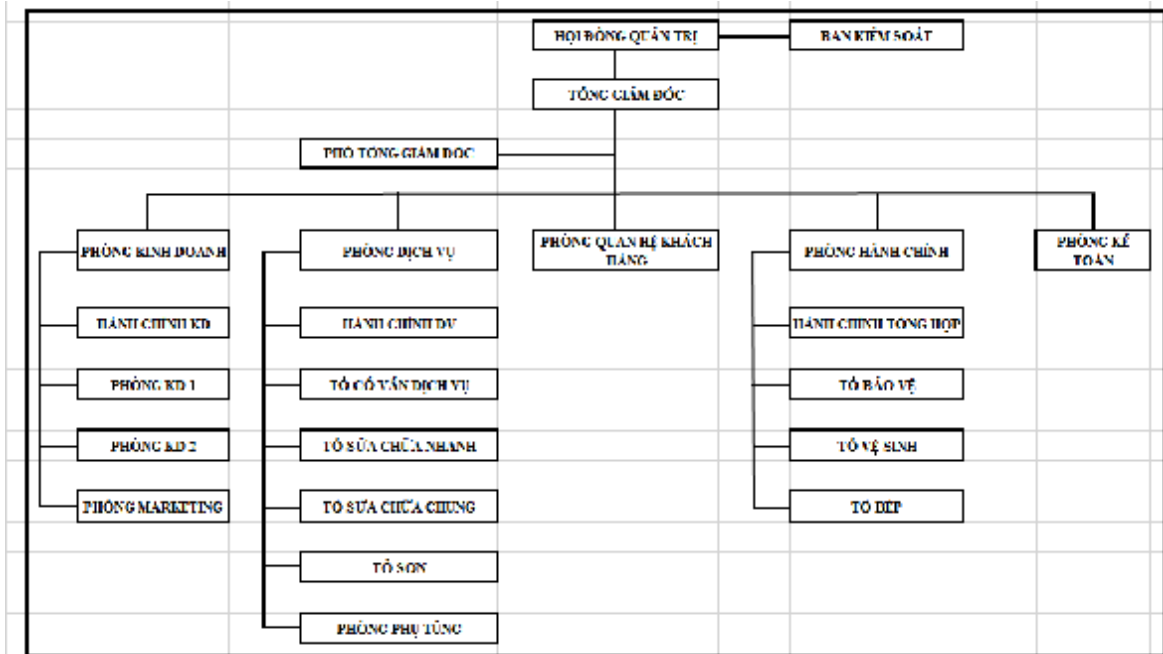


Sơ đồ 3.3: Quy trình quản lý kinh doanh phụ tùng tại Công ty D&C

(Nguồn: quy trình quản lý kinh doanh phụ tùng- Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C)

### 3.1.3 Đặc điểm cơ cấu tổ chức quản lý

Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C



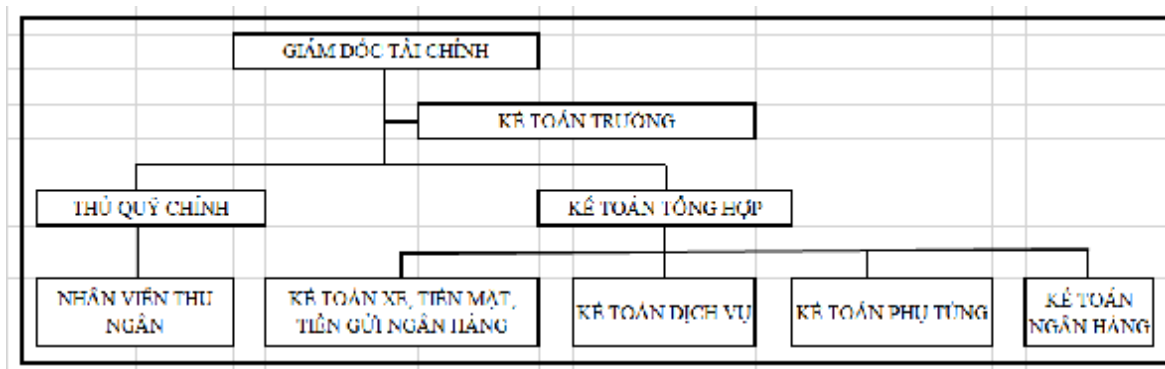
Sơ đồ 3.4: Cơ cấu tổ chức Công ty D&C

Nguồn: Phòng Hành chính Công ty D&C

### 3.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và hệ thống kế toán

#### 3.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán

Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C có quy mô vừa, có một trụ sở và cùng trên một vị trí địa lý nên tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán như sau:



Sơ đồ 3.5: Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty D&C

Nguồn: phòng kế toán Công ty D&C

#### 3.1.4.2. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán

Từ năm 2015 trở về trước, Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C sử dụng phần mềm kế toán Fast Accounting 2006 cho công tác ghi sổ và hạch toán kế toán, các bảng kê chi tiết và bảng tổng hợp toàn bộ thực hiện trên nền Excel (bảng kê doanh thu, bảng kê thu tiền, bảng kê nhập kho, bảng kê xuất kho....). Mọi công việc kế toán như cập nhật chứng từ, ghi sổ, hạch toán kế toán... đều thực hiện tập trung tại phòng kế toán Công ty, các bộ phận khác chỉ thực hiện lập chứng từ sau đó chuyển đến phòng kế toán để kế toán viên ghi sổ. Do đó, công tác kế toán khá thủ công, thiếu sự liên kết giữa các bộ phận và khó khăn thậm chí không thể kiểm soát, đối chiếu do lượng thông tin quá lớn, các báo cáo của các phòng khác trong công ty chỉ mang tính chất thống kê rời rạc.

Hệ thống chứng từ kế toán tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C được tổ chức như sau: mọi nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp đều phải lập chứng từ kế toán. Chứng từ kế toán là bằng cứ (thường là các mẫu giấy tờ) xác minh nội dung các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh và thực sự hoàn thành theo địa điểm và thời gian phát sinh chúng, làm căn cứ để kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phản ánh trong chứng từ và là căn cứ ghi sổ kế toán. Chứng từ kế toán chỉ lập một lần cho một nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh.

Trình tự luân chuyển chứng từ kế toán khái quát bao gồm các bước sau:

- Bước 1: Lập, tiếp nhận, xử lý chứng từ kế toán;
- Bước 2: Kế toán viên, kế toán trưởng, giám đốc tài chính kiểm tra và ký chứng từ kế toán, trình tổng giám đốc ký duyệt;
- Bước 3: Phân loại, sắp xếp chứng từ kế toán, định khoản và ghi sổ kế toán;
- Bước 4: Lưu trữ, bảo quản chứng từ kế toán.

Tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán được xây dựng phù hợp với hệ thống tài khoản kế toán quy định trong Chế độ kế toán tại thời điểm đơn vị áp dụng. Cụ thể:

Từ năm 2014 trở về trước: hệ thống tài khoản kế toán được quy định trong chế độ kế toán theo QĐ/2006-BTC ngày 14/9/2006;

Từ năm 2015 trở đi hệ thống tài khoản kế toán được quy định trong chế độ kế toán theo TT200/2014-BTC ngày 22/12/2014.

Trong đó, doanh nghiệp mở thêm các tài khoản cấp 2, cấp 3 để phục vụ cho nhu cầu quản lý. Ví dụ:

Tài khoản 112: Tiền gửi ngân hàng

Tài khoản 1121: Tiền VND gửi ngân hàng

Tài khoản 112101: Tiền VND gửi ngân hàng MB Bank

Tài khoản 112102: Tiền VND gửi ngân hàng Vietcombank

Tài khoản 112103: Tiền VND gửi ngân hàng Agribank

Tài khoản 112104: Tiền VND gửi ngân hàng Eximbank

### **3.2. Nguyên tắc tổ chức hệ thống thông tin kế toán áp dụng tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C**

AIS có vai trò quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp tới các hoạt động của doanh nghiệp. Vì vậy, tổ chức AIS ở Công ty D&C tuân theo các yêu cầu và nguyên tắc:

*Thứ nhất*, nguyên tắc kiểm soát. Theo nguyên tắc này, cách bố trí nhân sự, phân công công tác, trình tự luân chuyển chứng từ cũng như trình tự báo cáo được lập ra đảm bảo nhà quản lý có thể kiểm soát được, giảm thiểu các gian lận và sai sót có thể xảy ra. Ví dụ như trong quy trình bán hàng, khi giám đốc ký giấy đồng ý giao xe cho khách hàng, giám đốc phải có đầy đủ thông tin liên quan tới hợp đồng như chính sách bán hàng, tình trạng thanh toán để đảm bảo bảo toàn cho tài sản của công ty. Hay như khi kế toán dịch vụ xuất hóa đơn sửa xe cho khách hàng, kế toán phải kiểm tra toàn bộ hồ sơ sửa xe như: phiếu tiếp nhận, báo giá, lệnh sửa chữa, phiếu xuất kho (nếu có), dự toán, bảo lãnh thanh toán (nếu có), biên bản kiểm tra cuối để tránh tình trạng gian lận có thể xảy ra.

*Thứ hai*, nguyên tắc phù hợp: Thông tin được cung cấp phù hợp theo yêu cầu quản lý và phục vụ cho ra quyết định. Ví dụ, trong chu trình chi tiêu, khi đề nghị thanh toán cho nhà cung cấp: để nhà quản lý ký chấp thuận cho thanh toán

thì người đề nghị phải cung cấp bộ chứng từ chứng minh được việc mua hàng đã được phê duyệt, giá đã được duyệt và chứng minh hàng đã được mua về kho. Bộ chứng từ gồm có: đề nghị mua hàng hóa được ký duyệt, báo giá đã duyệt, phiếu giao hàng của nhà cung cấp, phiếu nhập hàng thủ kho đã ký, hóa đơn hợp lệ, hợp đồng kinh tế (nếu có)...

Cũng theo nguyên tắc này, tổ chức AIS phù hợp với trình độ khoa học kỹ thuật, cơ sở vật chất. Trong chu trình cung cấp dịch vụ, hệ thống phần mềm hỗ trợ đại lý của Honda Việt Nam (phần mềm DTS) tham gia vào toàn bộ hoạt động sửa chữa xe của phòng dịch vụ, từ khâu tiếp nhận, báo giá, lập lệnh, xuất kho, đến cuối cùng là nghiệm thu công việc. Hiệu quả hoạt động của phần mềm DTS cho thấy sự tân tiến trong AIS ở Công ty D&C. Tuy nhiên, việc tồn tại ba phần mềm trong AIS: phần mềm DTS ở phòng dịch vụ, phần mềm Fast ở kế toán và phần mềm excel dẫn tới thông tin không đồng bộ, gây ảnh hưởng không nhỏ tới đà tăng trưởng của công ty. Vì vậy, cùng với sự phát triển của doanh nghiệp, theo nguyên tắc phù hợp, Công ty D&C cần phải xây dựng một hệ thống phần mềm xử lý dữ liệu thống nhất, xuyên suốt, đảm bảo sự an toàn và chính xác của thông tin, phù hợp với khả năng mở rộng quy mô của doanh nghiệp.

*Thứ ba*, tổ chức AIS ở Công ty D&C tuân theo nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả. Các nhân viên trong công ty được phân công công việc cụ thể, hợp lý, đảm bảo về thời gian và chất lượng hoàn thành công việc. Các nhân viên trong cùng một bộ phận được luân chuyển các vị trí để đảm bảo có thể thay thế nhau khi có người nghỉ. Các chi phí chung được theo dõi chặt chẽ và có định mức nhằm kiểm soát chi phí và chống lãng phí. Ví dụ: khi thanh toán xăng xe, nhân viên lái xe phải ghi được số kilomet đã sử dụng, số lượng xăng tiêu hao. Hay chi phí ở bộ phận bếp ăn, kế toán phải kiểm tra giá mua thực phẩm tương đương với giá thị trường... Ngoài ra, theo nguyên tắc này, chi phí để xây dựng AIS phải bỏ ra thấp hơn lợi ích nó mang lại. Chi phí cho xây dựng phần mềm để hỗ

trợ công việc và xử lý dữ liệu phải phù hợp với hiệu quả từ nó. Khi doanh nghiệp mới thành lập, dữ liệu chưa lớn, doanh nghiệp có thể sử dụng các sản phẩm phần mềm sẵn có: phần mềm DTS, phần mềm Fast, excel... để tiết kiệm chi phí mà vẫn đảm bảo kiểm soát được.

### **3.3 Nội dung tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C**

#### ***3.3.1 Tổ chức hệ thống thông tin kế toán tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C theo các chu trình kinh doanh***

##### ***3.3.1.1 Chu trình chi tiêu tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C***

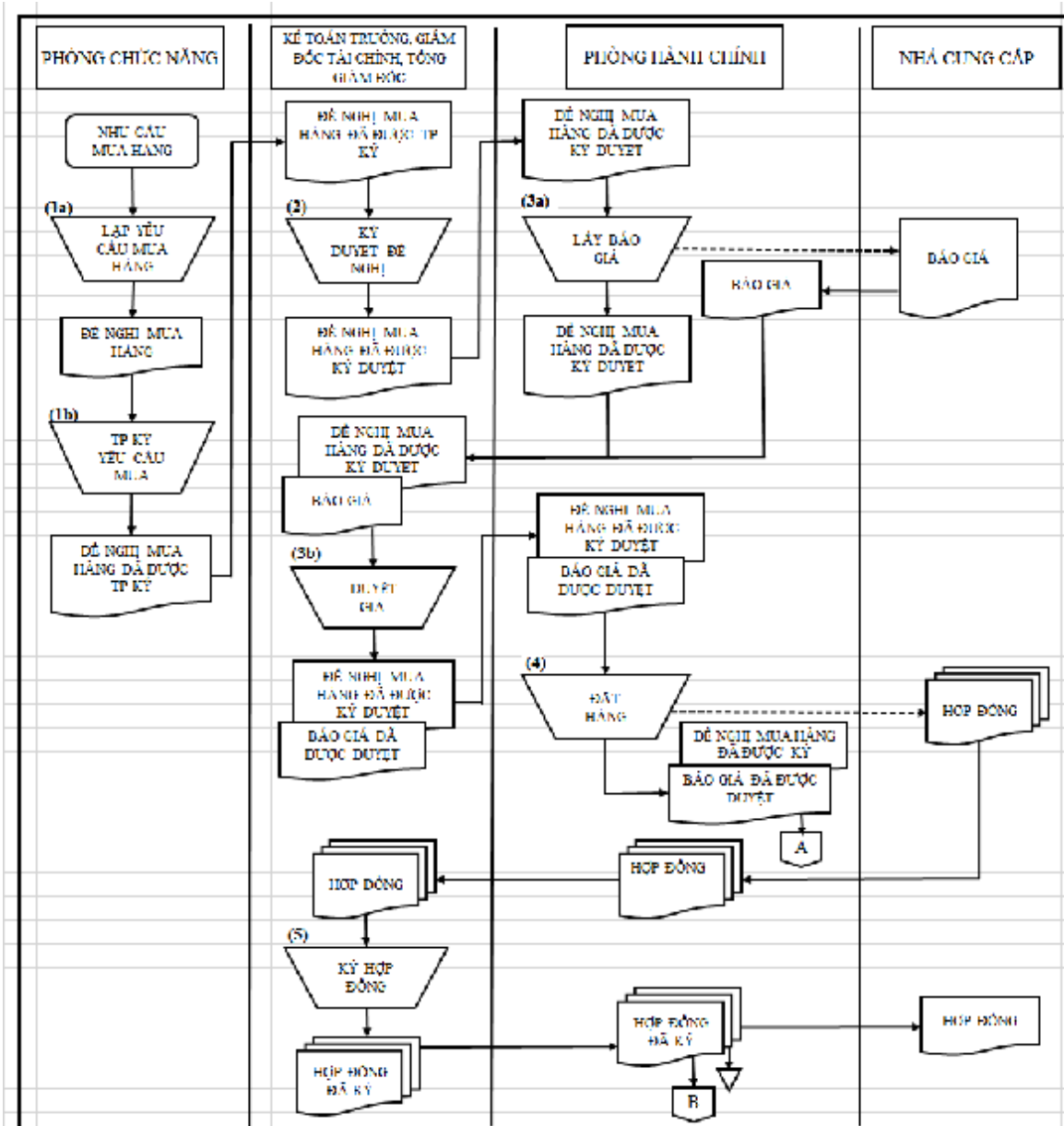
Chu trình chi tiêu ở Công ty D&C được khái quát qua các bước: Đề nghị mua hàng, duyệt đề nghị mua, duyệt nhà cung cấp, tiến hàng mua hàng và cuối cùng là thanh toán. Tuy nhiên, do đặc thù của mặt hàng khác nhau, chu trình chi tiêu cũng khác nhau. Có thể phân thành ba nhóm chi tiêu chính là:

Thứ nhất, chu trình chi tiêu cho mua dịch vụ, hàng hóa tính trực tiếp vào chi phí công ty, không qua kho, như: mua văn phòng phẩm chung cho công ty, mua thực phẩm phục vụ cho bếp ăn, mua hàng hóa, bánh kẹo, đồ dùng phục vụ quây nước, mua đồ dùng phục vụ cho công tác vệ sinh.... Chu trình chi tiêu diễn ra như sau:

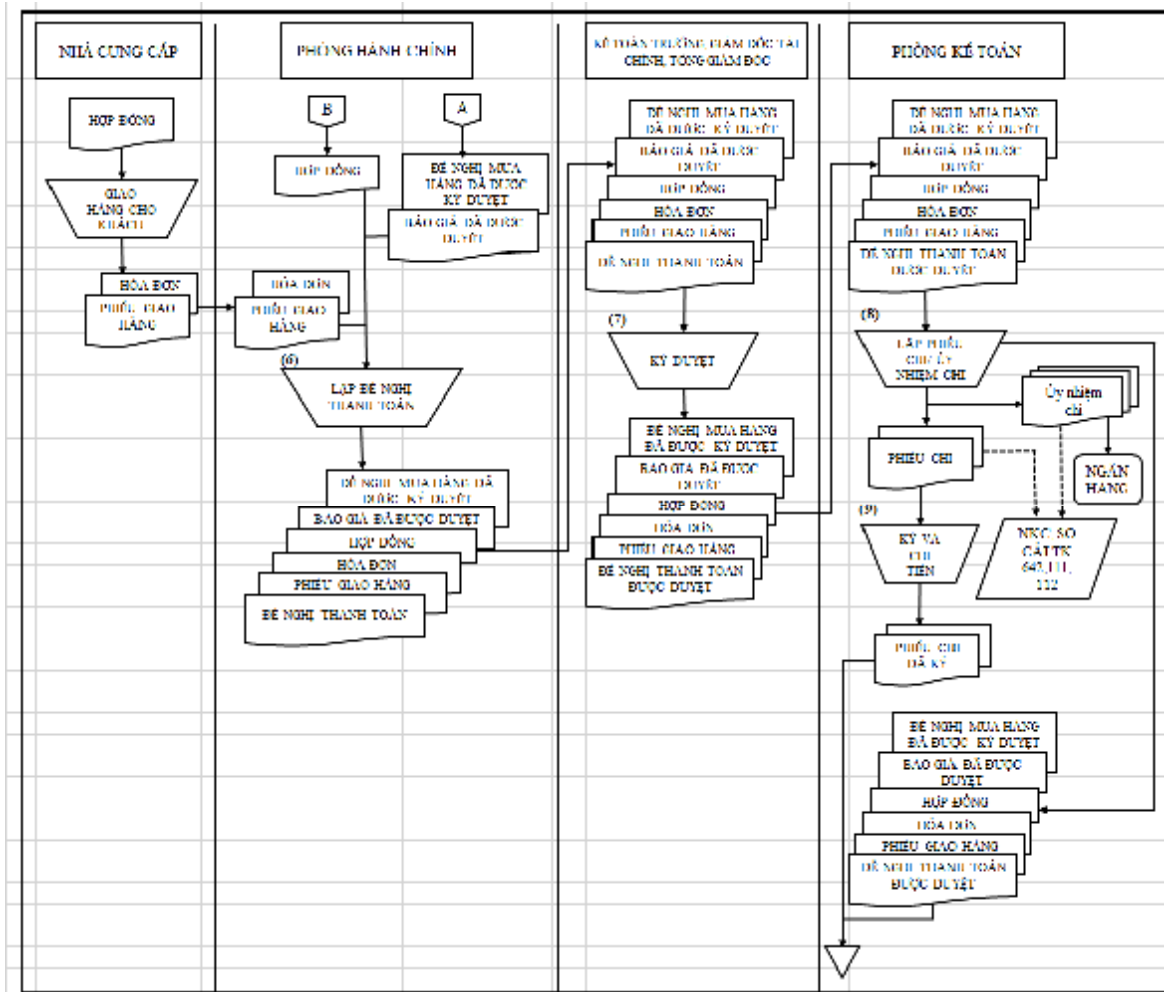
- (1) Các phòng có nhu cầu mua hàng lập đề nghị mua hàng (một liên), ký trưởng bộ phận và trình kế toán trưởng, giám đốc tài chính, tổng giám đốc ký.
- (2) Đề nghị mua hàng sau khi được ký duyệt chuyển sang bộ phận hành chính để tiến hành lấy báo giá, đặt và mua hàng.
- (3) Phòng hành chính tìm kiếm, lựa chọn nhà cung cấp, lấy báo giá và trình giám đốc ký duyệt báo giá (một liên).

- (4) Sau khi báo giá đã được duyệt, phòng hành chính tiến hành đặt mua hàng, ký hợp đồng (ba liên, nếu giá trị hàng hóa lớn).
- (5) Trình giám đốc ký hợp đồng (nếu có).
- (6) Khi nhà cung cấp giao hàng kèm theo chứng từ bán hàng như hóa đơn liên hai, phiếu giao hàng liên hai... phòng hành chính làm đề nghị thanh toán (một liên).
- (7) Đề nghị thanh toán cùng với đề nghị mua hàng đã được duyệt, báo giá được duyệt, hợp đồng (nếu có), hóa đơn, phiếu giao hàng trình kế toán trưởng, giám đốc tài chính, tổng giám đốc ký duyệt.
- (8) Đề nghị thanh toán đã được ký duyệt cùng với bộ chứng từ mua hàng chuyển cho kế toán thanh toán để lập phiếu chi/ủy nhiệm chi (ba liên). Phiếu chi/ ủy nhiệm chi là chứng từ làm căn cứ ghi sổ chi tiết tài khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp (TK 641, 642), tài khoản tiền mặt (TK 111), tài khoản tiền gửi ngân hàng (TK 112).
- (9) Phiếu chi được chuyển cho thủ quỹ để chi tiền.  
Chu trình chi tiêu trên được khái quát qua lưu đồ chứng từ như sau:





Hình 3.1: Lưu đồ chứng từ chu trình chi tiêu-mua dịch vụ, hàng hóa không qua kho (1/2)



Hình 3.1: Lưu đồ chứng từ chu trình chi tiêu-mua dịch vụ, hàng hóa không qua kho (2/2)

AIS chu trình chi tiêu trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ không qua kho ở trên cung cấp thông tin cho kế toán tài chính về chi phí hàng hóa, dịch vụ và thanh toán. Các thông tin này được sử dụng để lập báo cáo tài chính: trên Bảng cân đối kế toán, mục tài sản ngắn hạn: chỉ tiêu tiền và các khoản đang đương tiền, thuế giá trị gia tăng được khấu trừ; mục nợ phải trả: chỉ tiêu phải trả người bán; mục nguồn vốn: chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối. Trên Báo cáo kết quả kinh doanh, là căn cứ lập chỉ tiêu chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp, chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, AIS cung cấp thông tin cho kế toán quản trị về mức độ tin cậy của giá trị hàng hóa, dịch vụ qua sự chặt chẽ của trình tự mua hàng, duyệt mua, duyệt thanh toán. Bộ phận có nhu cầu tách biệt với bộ phận mua hàng và tách biệt với bộ phận thanh toán đã giảm thiểu gian lận về giá. Các đề nghị mua hàng, đề nghị thanh toán đều được duyệt qua bộ phận tài chính: kế toán trưởng, giám đốc tài chính và được duyệt bởi tổng giám đốc. Bộ đề nghị thanh toán khá đầy đủ các chứng từ: đề nghị mua hàng, báo giá, hợp đồng, hóa đơn, phiếu giao hàng (nếu có), đề nghị thanh toán. Mỗi chứng từ đều được duyệt qua nhiều cấp có thể gây chậm trễ về mặt thời gian. Tuy nhiên, trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ không qua kho thường là các mặt hàng, dịch vụ không phát sinh thường xuyên và khó kiểm soát về giá nên doanh nghiệp thực hiện AIS như trên là hợp lý và cần thiết. Bên cạnh đó, với các chi phí phát sinh thường xuyên như: chi phí điện, nước, xăng xe, văn phòng phẩm... , qua phân tích số liệu về các khoản mục phí, kế toán quản trị có thể lập được dự toán chi phí cho doanh nghiệp, lập định mức sử dụng, từ đó có các biện pháp tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

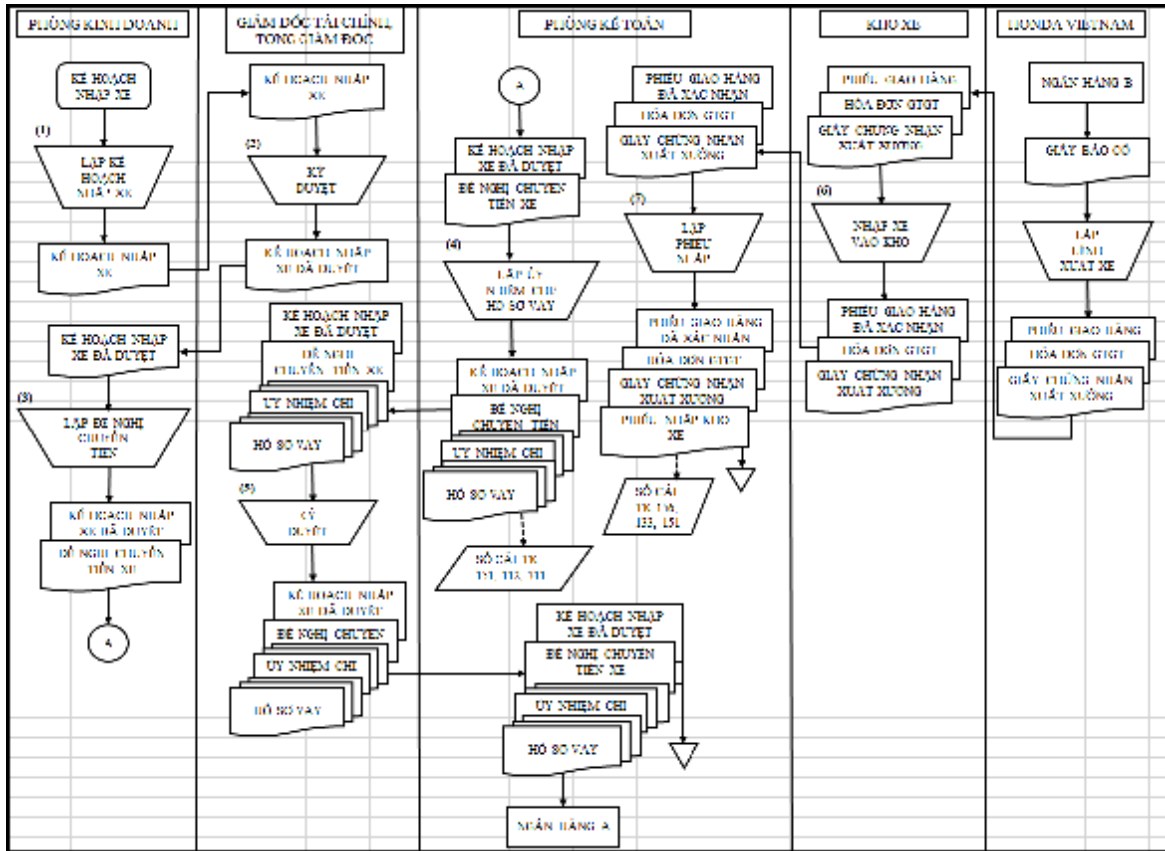
Thứ hai, chu trình chi tiêu đối với hoạt động mua xe ô tô Honda Việt Nam, quy trình như sau:

- (1) Phòng kinh doanh lập kế hoạch nhập xe theo năm, quý, tháng và theo ngày (một liên), trình giám đốc tài chính và tổng giám đốc ký duyệt.
- (2) Giám đốc tài chính và tổng giám đốc xem xét kế hoạch nhập xe của phòng kinh doanh, cân đối về mặt tài chính và duyệt kế hoạch nhập xe.
- (3) Căn cứ kế hoạch nhập xe được ký duyệt, phòng kinh doanh lập đề nghị chuyển tiền xe (một liên) gửi sang phòng kế toán.
- (4) Phòng kế toán căn cứ đề nghị chuyển tiền xe và kế hoạch nhập xe lập ủy nhiệm chi (ba liên) hoặc hồ sơ vay ngân hàng để thanh toán tiền hàng cho Honda Việt Nam. Khác với phụ tùng có thể thanh toán sau, với mặt hàng là xe ô tô, đại lý phải chuyển tiền trước cho Honda Việt Nam mới được

chuyển xe về. Ủy nhiệm chi/ hồ sơ vay ngân hàng là chứng từ làm căn cứ ghi sổ tài khoản hàng mua đang đi đường (TK 151), tài khoản tiền gửi ngân hàng (TK 112), tài khoản vay ngắn hạn (TK 311).

- (5) Ủy nhiệm chi/ Hồ sơ vay ngân hàng được trình kế toán trưởng và giám đốc ký duyệt, sau đó được chuyển đến ngân hàng để tiến hành chuyển tiền cho nhà cung cấp.
- (6) Honda Việt Nam giao xe về đại lý cùng với hồ sơ xe: hóa đơn giá trị gia tăng (liên hai), phiếu giao hàng (một liên), giấy chứng nhận xuất xưởng của xe ô tô (một liên). Thủ kho xe nhận xe và chuyển hồ sơ xe sang phòng kế toán.
- (7) Kế toán xe khi nhận được đủ hồ sơ xe sẽ tiến hành lập phiếu nhập kho (một liên). Đây là chứng từ làm căn cứ ghi sổ tài khoản hàng hóa (TK 156), tài khoản hàng mua đang đi đường (TK 151), và tài khoản thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (TK 133).

Chu trình chi tiêu mua xe ô tô trên được khái quát qua lưu đồ chứng từ:



Hình 3.2: Lưu đồ chứng từ chu trình chi tiêu- mua ô tô Honda

AIS chu trình mua ô tô Honda ở trên cung cấp thông tin cho kế toán tài chính về giá trị hàng hóa và thanh toán. Đây là thông tin để lập báo cáo tài chính: Mục tài sản ngắn hạn: chỉ tiêu tiền và các khoản tương đương tiền, thuế giá trị gia tăng, hàng hóa; Mục nợ phải trả: chỉ tiêu vay ngắn hạn, phải trả cho người bán.

Với kế toán quản trị, AIS cung cấp thông tin về quản lý hoạt động nhập xe, lập dự toán chi phí, dự toán hàng tồn kho, kế hoạch tài chính về nguồn tiền. Xe ô tô là mặt hàng có giá trị lớn, một đơn hàng giá trị thường lên tới vài tỷ đồng. Vì vậy, nhu cầu về nguồn tài chính cho nhập hàng là rất lớn. Từ kế hoạch nhập hàng của phòng kinh doanh, kế toán quản trị phải lập được kế hoạch về dòng tiền. Khi dòng tiền ra lớn hơn dòng tiền vào, phải có phương hướng để tìm kiếm nguồn bù đắp. Việc lập kế hoạch này là vô cùng quan trọng bởi nếu không có kế hoạch về nguồn tiền có thể dẫn đến tình trạng công ty thiếu vốn lưu động- đây

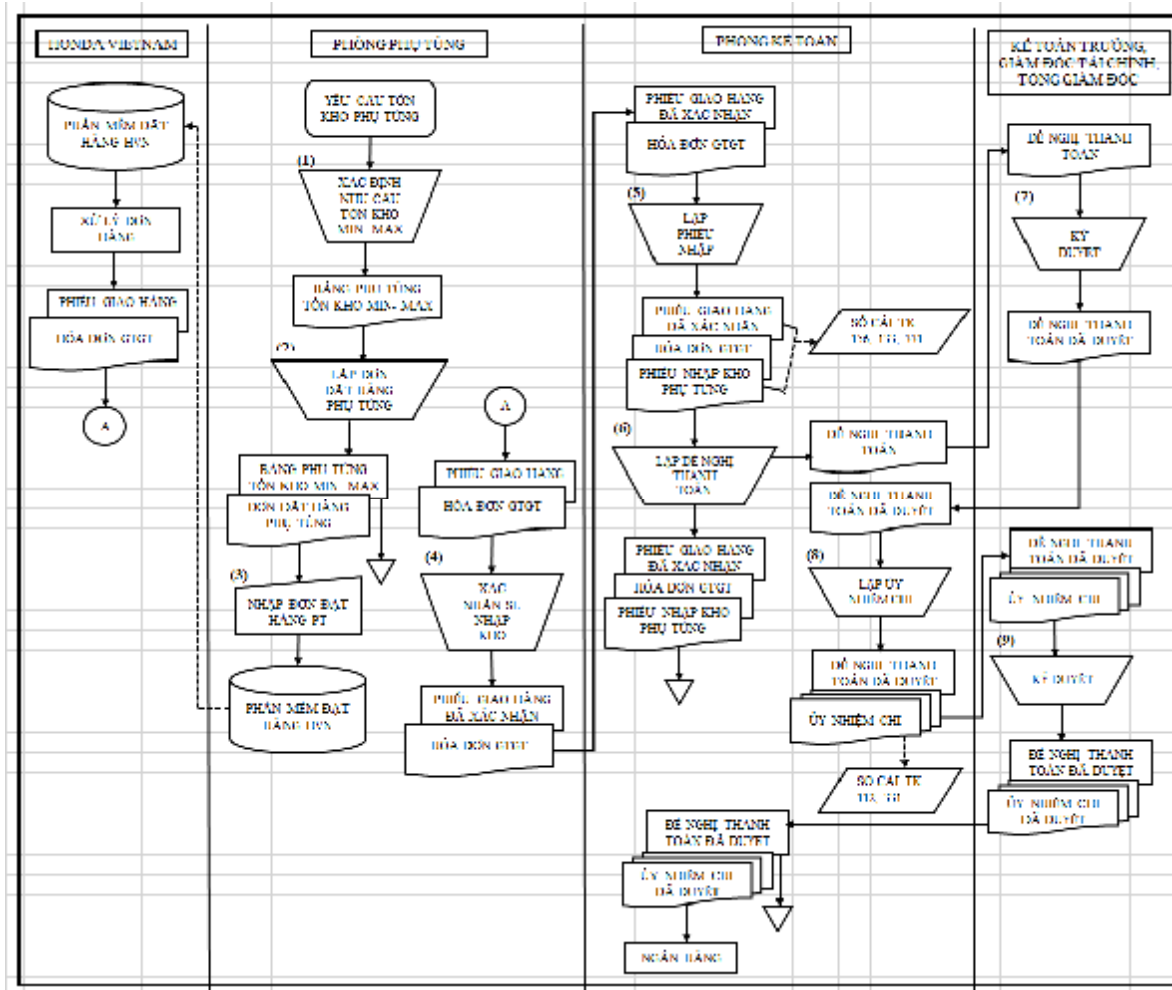
là nguyên nhân chính thường dẫn đến tình trạng phá sản của nhiều công ty. Do đó, quản lý hoạt động nhập xe rất quan trọng.

Thứ ba, chu trình chi tiêu đối với hoạt động mua phụ tùng của Honda Việt Nam nhập kho, chu trình diễn ra như sau:

- (1) Phòng phụ tùng xác định định mức tồn kho thấp nhất và cao nhất cho từng nhóm phụ tùng, lập “bảng phụ tùng tồn kho tối thiểu- tối đa” một liên.
- (2) Với những phụ tùng có tồn kho thấp hơn định mức tồn kho tối thiểu, phòng phụ tùng tiến hành đặt mua hàng, lập đơn đặt hàng một liên.
- (3) Đối với phụ tùng Honda, việc đặt hàng được tiến hành trên một phần mềm kết nối chung giữa nhà cung cấp và đại lý, tên gọi là phần mềm DTS. Phòng phụ tùng lập đơn hàng trên hệ thống DTS. Dữ liệu đặt hàng sẽ được chuyển trực tiếp đến Honda Việt Nam.
- (4) Khi phụ tùng được chuyển đến, kèm theo là hóa đơn liên hai và phiếu giao hàng, nhân viên kho xác nhận số lượng thực tế nhập kho trên phiếu giao hàng của Honda.
- (5) Phiếu giao hàng cùng với hóa đơn được chuyển cho kế toán phụ tùng để lập phiếu nhập kho một liên. Phiếu nhập kho là chứng từ đề ghi sổ tài khoản hàng hóa (TK 156), tài khoản phải trả người bán (TK 331) và tài khoản thuế phải nộp nhà nước (TK 333).
- (6) Định kỳ, kế toán làm đề nghị thanh toán một liên để thanh toán cho nhà cung cấp.
- (7) Đề nghị thanh toán được trình kế toán trưởng, giám đốc tài chính và tổng giám đốc ký duyệt.
- (8) Căn cứ vào đề nghị thanh toán đã được ký duyệt, kế toán tiền gửi ngân hàng lập ủy nhiệm chi ba liên. Đây là chứng từ làm căn cứ ghi sổ tài khoản tiền gửi ngân hàng (TK 112) và tài khoản phải trả người bán (TK 331).

(9) Ủy nhiệm chi được trình kế toán trưởng và giám đốc ký duyệt. Ủy nhiệm chi sau khi ký và đóng dấu được đưa tới ngân hàng để tiến hành chuyển tiền cho nhà cung cấp.

Chu trình mua phụ tùng Honda trên được khái quát qua lưu đồ chứng từ sau:



Hình 3.3: Lưu đồ chứng từ chu trình chi tiêu- mua phụ tùng Honda nhập kho

Với AIS chu trình mua phụ tùng Honda nhập kho như trên, thông tin cung cấp cho kế toán tài chính là giá trị hàng hóa nhập kho và thanh toán. Các thông tin này sẽ được sử dụng để đưa lên báo cáo tài chính các chỉ tiêu: Mục tài sản ngắn hạn: chỉ tiêu tiền và các khoản tương đương tiền, thuế giá trị gia tăng được khấu trừ, hàng hóa; Mục nợ phải trả: chỉ tiêu phải trả cho người bán.

Bên cạnh đó, AIS cung cấp thông tin cho kế toán quản trị về quản lý hoạt động mua phụ tùng, xây dựng định mức tồn kho, lập dự toán tồn kho, kiểm soát chi phí. Với số lượng nhập hàng, tần suất nhập hàng, thời gian đặt hàng... kế toán phân tích được lượng tồn kho tối thiểu- tối đa, từ đó xác định được thời điểm cần thiết để đặt hàng, số lượng phụ tùng cần đặt, nhu cầu tiền dự trữ để đặt hàng... Các thông tin này giúp cho kế toán quản trị chủ động được trong kế hoạch tài chính. Tuy nhiên, qua mô tả lưu đồ chứng từ chu trình mua phụ tùng Honda ở trên, ta thấy điểm yếu trong AIS ở Công ty D&C là trình tự đặt mua phụ tùng Honda khá lỏng lẻo. Nhân viên kho trực tiếp đặt nhà máy không qua khâu đề nghị mua, không cần duyệt mua hàng của cấp quản lý. Điều đó cho thấy AIS tại khâu đặt mua phụ tùng Honda không đảm bảo yêu cầu kiểm soát. Sự thiếu kiểm soát này có thể dẫn tới hậu quả tồn kho phụ tùng chậm luân chuyển cao do sự sai sót trong quá trình đặt hàng. Tồn kho cao dẫn tới chi phí lưu kho cao và ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh. Với giá trị phụ tùng đặt và nhập mỗi tháng trung bình từ bốn đến sáu tỷ như hiện nay thì đây là một gánh nặng lớn trong bài toán tài chính. Có tình trạng trên xảy ra là do giá phụ tùng Honda là giá chung trên toàn quốc nên không thể gian lận về giá. Mặt khác, tần suất đặt hàng phụ tùng Honda lớn, trung bình mười đến hai mươi lệnh đặt hàng mỗi ngày. Nếu mỗi lệnh đặt hàng đều phải qua các cấp phê duyệt: trưởng phòng- kế toán trưởng- giám đốc tài chính- tổng giám đốc thì thời gian phê duyệt quá lâu. Vì vậy, không thể áp dụng theo quy trình đặt hàng không qua kho. Nhận thấy điểm yếu của AIS chu trình nhập mua phụ tùng Honda kể trên, để khắc phục, kế toán quản trị phải kiểm tra thời gian tồn kho phụ tùng để đánh giá hoạt động đặt mua phụ tùng. Với báo cáo phụ tùng tồn kho lâu ngày của kế toán quản trị, nhà quản lý có thể đưa ra các quyết định về chính sách bán hàng để giảm chi phí tồn kho cho doanh nghiệp.

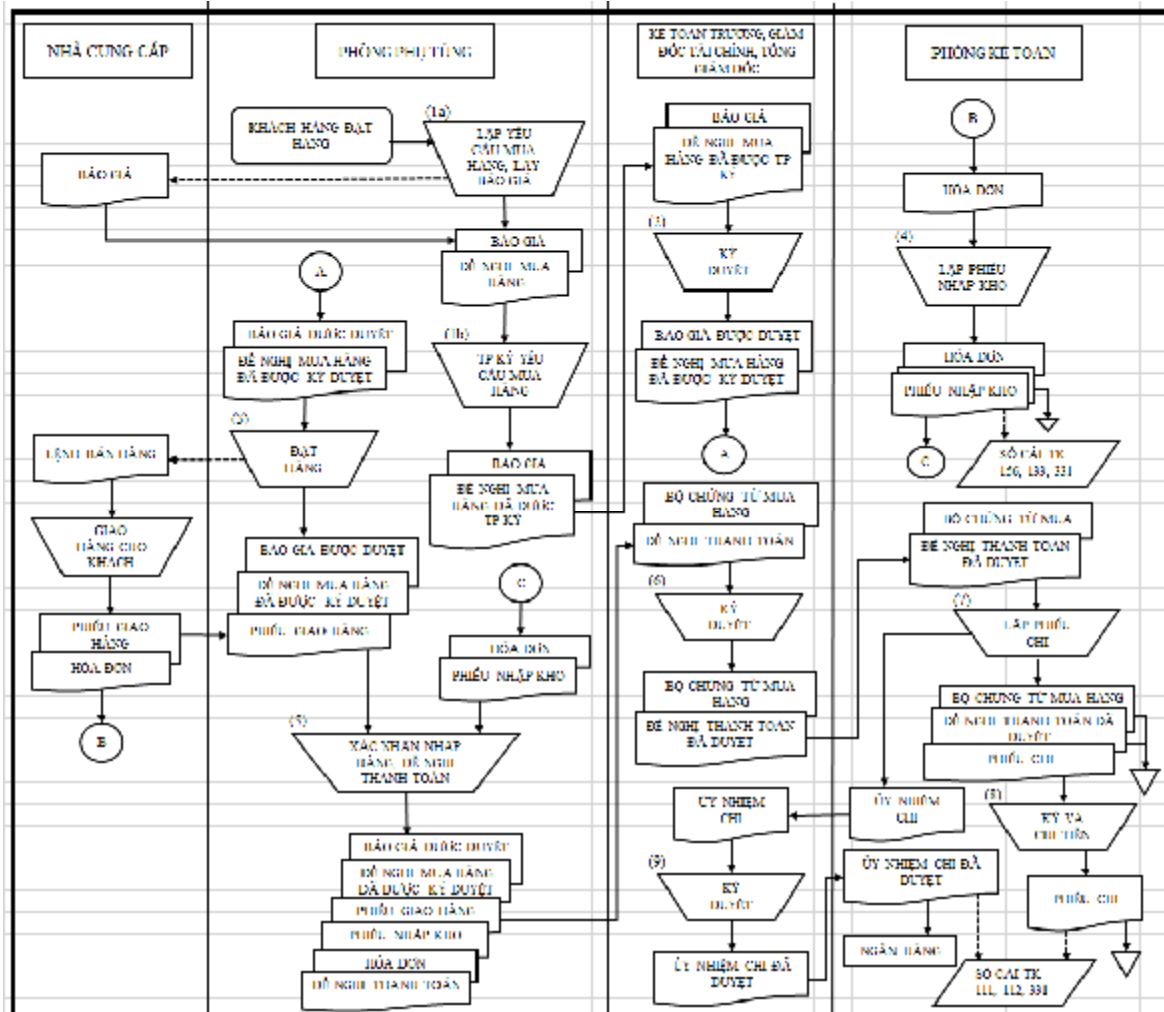
Bên cạnh quy trình nhập phụ tùng của Honda Việt Nam, đối với phụ tùng nhập của các nhà cung cấp khác, quy trình mua hàng diễn ra như sau:



- (1) Xuất phát từ yêu cầu đặt phụ tùng của khách hàng, bộ phận phụ trách mua hàng phòng phụ tùng lập đề nghị mua hàng (một liên) và lấy báo giá của các nhà cung cấp. Đề nghị mua hàng sau khi được trưởng phòng phụ tùng ký, trình kế toán trưởng, giám đốc tài chính và tổng giám đốc ký duyệt.
- (2) Kế toán trưởng, giám đốc tài chính và tổng giám đốc ký duyệt báo giá của nhà cung cấp và đề nghị mua hàng.
- (3) Phòng phụ tùng căn cứ báo giá đã được duyệt tiến hành đặt phụ tùng.
- (4) Nhà cung cấp giao hàng cùng với phiếu giao hàng (một liên) cho kho phụ tùng, hóa đơn liên hai cho kế toán phụ tùng. Căn cứ hóa đơn, kế toán kiểm hàng và lập phiếu nhập kho phụ tùng hai liên. Phiếu nhập kho là căn cứ ghi sổ tài khoản hàng hóa (TK 156), tài khoản thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (TK 133), tài khoản phải trả người bán (TK 331). Một liên phiếu nhập kho và hóa đơn chuyển lại cho bộ phận mua hàng kho phụ tùng để làm đề nghị thanh toán.
- (5) Căn cứ phiếu giao hàng của nhà cung cấp đã được kế toán kiểm tra xác nhận đủ hàng cùng các chứng từ mua hàng: hóa đơn liên hai, phiếu nhập kho liên hai, báo giá, đề nghị mua hàng đã được duyệt, bộ phận mua hàng của kho phụ tùng làm đề nghị thanh toán (một liên) trình kế toán trưởng, giám đốc tài chính và tổng giám đốc ký duyệt.
- (6) Kế toán trưởng, giám đốc tài chính và tổng giám đốc ký duyệt đề nghị thanh toán, chuyển sang bộ phận kế toán để chi tiền.
- (7) Kế toán căn cứ đề nghị thanh toán được ký duyệt, lập phiếu chi (hai liên) nếu thanh toán tiền mặt hoặc ủy nhiệm chi (ba liên) nếu thanh toán qua tiền gửi ngân hàng. Phiếu chi là căn cứ ghi sổ cái tài khoản tiền mặt (TK111), tài khoản phải trả người bán (TK 331). Chuyển phiếu chi cho thủ quỹ để chi tiền.
- (8) Thủ quỹ ký và chi tiền cho người bán hoặc nhân viên mua hàng.

(9) Ủy nhiệm chi sau khi được lập trình kế toán trưởng và giám đốc ký duyệt.  
 Ủy nhiệm chi là chứng từ ghi sổ tài khoản tiền gửi ngân hàng (TK 112), tài khoản phải trả người bán (TK 331).

Chu trình chi tiêu cho mua phụ tùng khai thác (không phải nhà cung cấp là Công ty Honda Việt Nam) được khái quát qua lưu đồ chứng từ sau:



Hình 3.4: Lưu đồ chứng từ chu trình chi tiêu- mua phụ tùng khai thác nhập kho

AIS chu trình mua phụ tùng khai thác nhập kho cung cấp thông tin cho kế toán tài chính về giá trị hàng hóa và thanh toán. Đây là thông tin được đưa lên báo cáo tài chính: Mục tài sản ngắn hạn: chỉ tiêu tiền và các khoản tương đương

tiền, thuế giá trị gia tăng được khấu trừ, hàng hóa; Mục nợ phải trả: chi tiêu phải trả cho người bán.

AIS cũng cung cấp thông tin cho kế toán quản trị về quản lý phụ tùng khai thác, lập dự toán chi phí. Quy trình đặt mua phụ tùng có nhiều điểm giống quy trình mua hàng không qua kho ở khâu lập đề nghị mua hàng và duyệt báo giá. Tất cả các đề nghị mua hàng đều được kiểm soát qua nhiều cấp: duyệt giá, lựa chọn nhà cung cấp. Điều đó cho thấy sự chặt chẽ trong khâu mua hàng, khác hẳn với quy trình đặt hàng là phụ tùng Honda, nhân viên kho đặt hàng không qua kiểm soát. Vì vậy, giảm thiểu các tiêu cực của bộ phận mua hàng. Bên cạnh đó, qua theo dõi chi phí nhập hàng, kế toán quản trị phân tích được hiệu quả của hoạt động khai thác phụ tùng, lựa chọn nhà cung cấp để đảm bảo chất lượng và tiết kiệm chi phí, tăng hiệu quả kinh doanh.

Trên đây là các hoạt động chính của chu trình chi tiêu được tác giả khái quát lại qua lưu đồ chứng từ, hình ảnh hóa các quy trình. Tác giả cũng đã có các đánh giá về thông tin được AIS cung cấp cho kế toán tài chính và kế toán quản trị. Từ đó, nhà quản lý đưa ra các quyết định cần thiết thay đổi hay giữ nguyên AIS chu trình chi tiêu hiện tại nhằm giảm thiểu gian lận và tăng sự kiểm soát, tăng hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

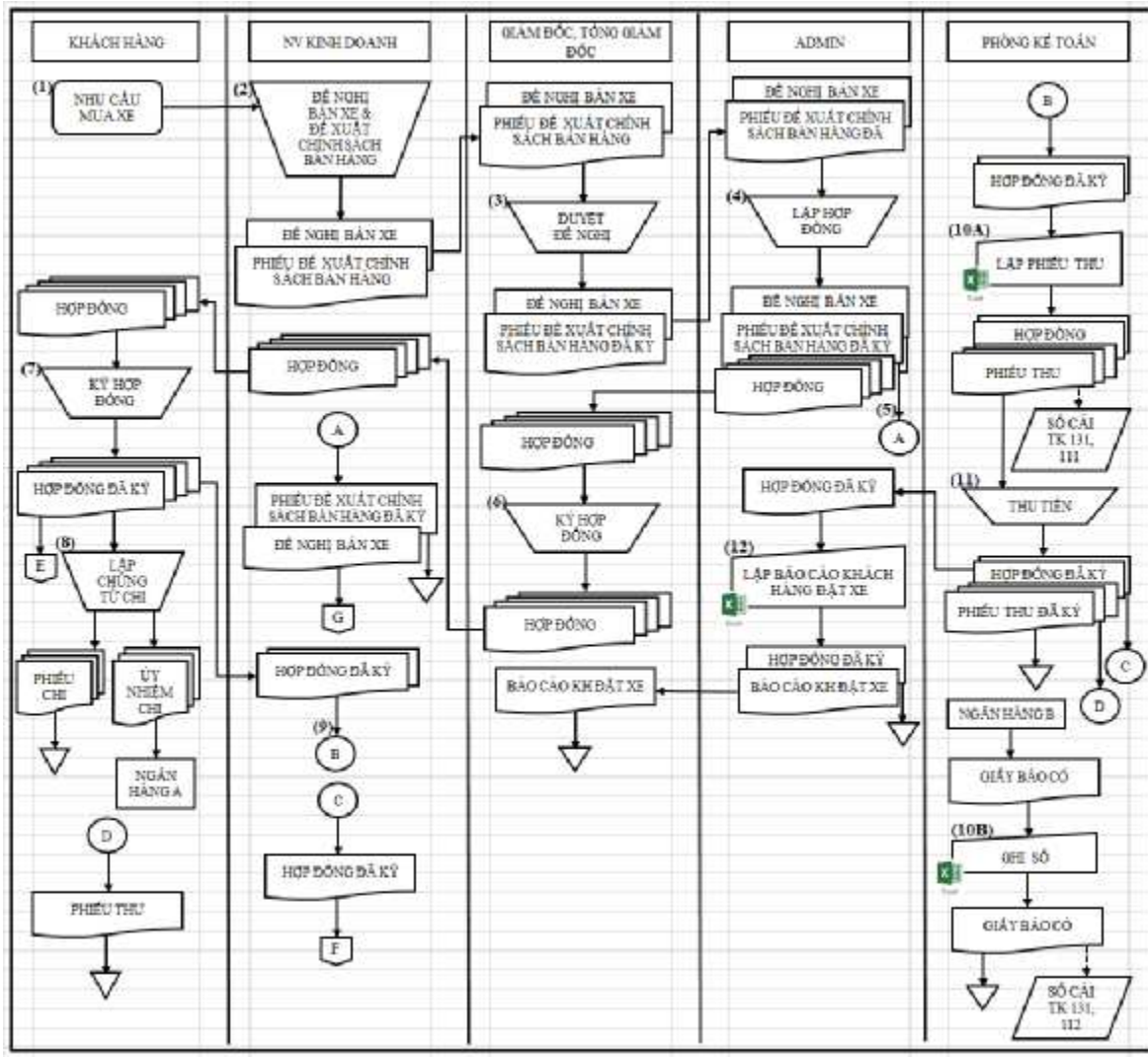
### *3.3.1.2 Chu trình bán hàng tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C*

Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C có ba mảng kinh doanh chính là kinh doanh xe ô tô, kinh doanh dịch vụ sửa chữa và kinh doanh phụ tùng. Hoạt động kinh doanh xe do phòng kinh doanh phụ trách. Hoạt động kinh doanh dịch vụ sửa chữa và kinh doanh phụ tùng do phòng dịch vụ phụ trách. Do mặt hàng và tính chất công việc khác nhau nên chu trình bán hàng ở hai bộ phận này cũng khác nhau.

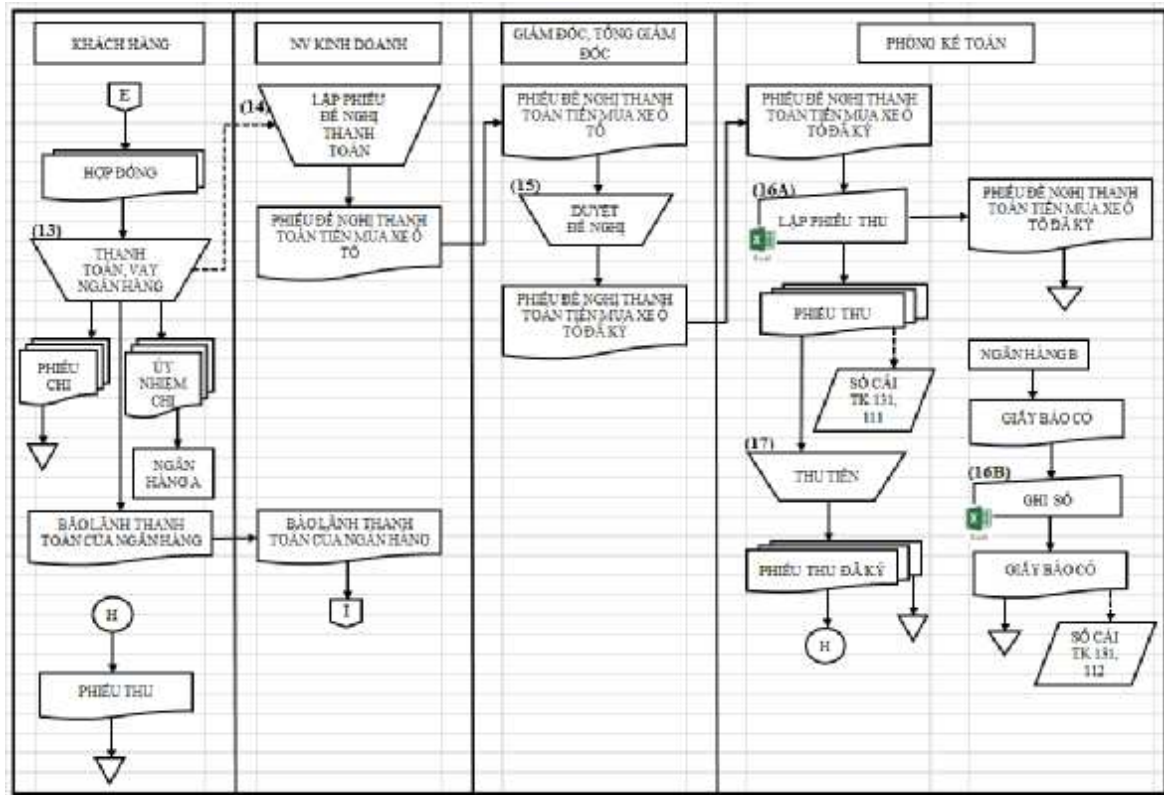
**a. Chu trình bán xe tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C**

Chu trình kinh doanh xe ô tô ở Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C bắt đầu từ khâu tiếp xúc, đàm phán hợp đồng với khách hàng. Với từng loại xe chính sách bán hàng (mức hỗ trợ khuyến mại, giảm giá...) có một mức chung. Tuy nhiên, do tình hình thị trường, yếu tố cạnh tranh, đặc thù của khách hàng... mà mỗi khách hàng có các chính sách thêm như tặng phụ kiện, bảo hiểm, hỗ trợ chi phí giao xe tận nơi, chi phí hoa hồng.... Chính vì vậy, nhân viên kinh doanh phải đề xuất chính sách bán hàng, đề nghị bán xe để giám đốc kinh doanh và tổng giám đốc duyệt. Khâu tiếp theo là ký hợp đồng và khách hàng thực hiện nghĩa vụ thanh toán, đại lý chuẩn bị xe để sẵn sàng giao xe cho khách đúng thời gian giao xe đã thỏa thuận trong hợp đồng. Nếu khách hàng mua xe trả góp thì tiến hành làm thủ tục vay ngân hàng. Khi đại lý nhận đủ tiền xe hoặc đủ tiền đối ứng (phần nghĩa vụ thanh toán của khách hàng trong hợp đồng vay mua xe trả góp), kế toán xuất hóa đơn và xuất xe. Khâu cuối cùng là bàn giao xe cho khách, kết thúc hợp đồng mua bán.

Chu trình bán xe được khái quát qua lưu đồ chứng từ:

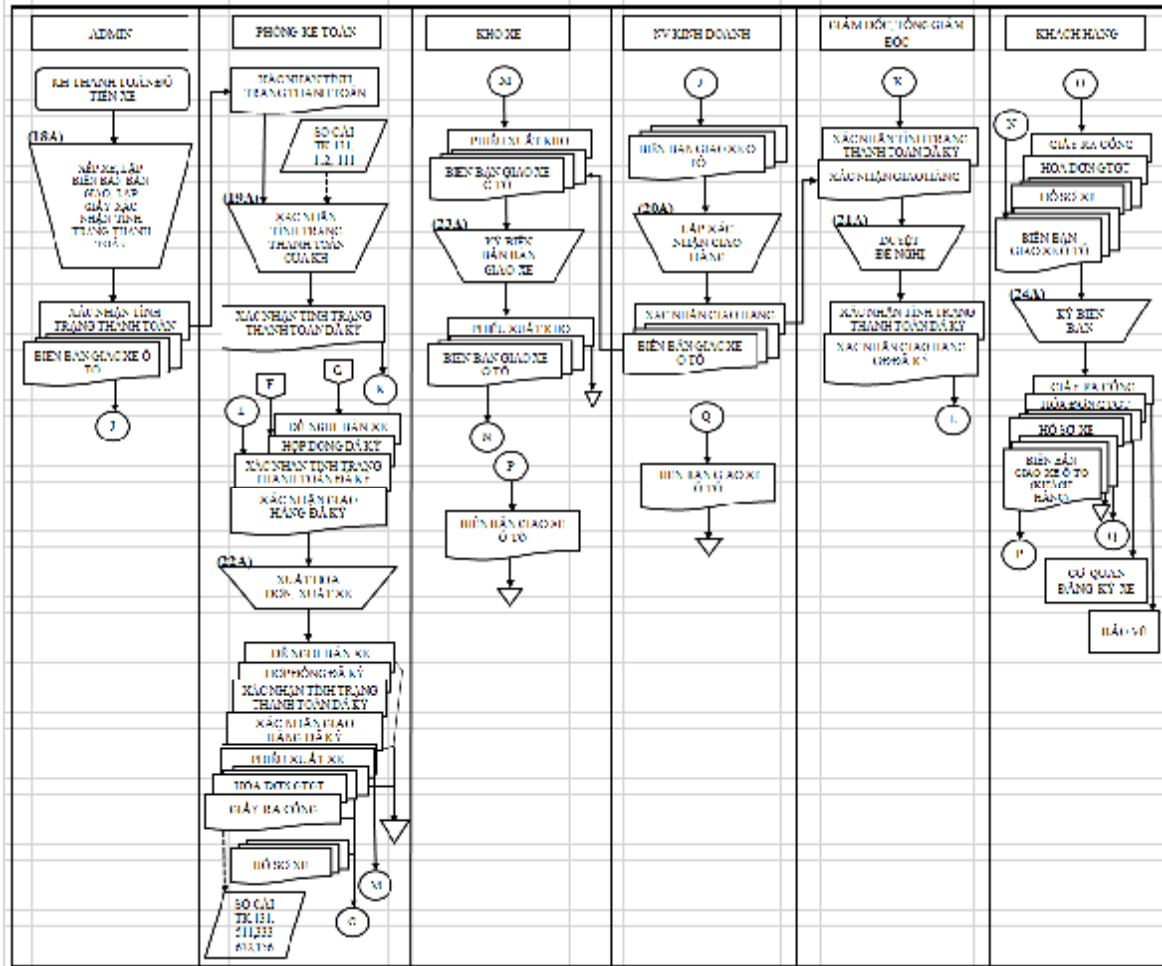


Hình 3.5: Lưu đồ chứng từ chu trình kinh doanh xe (1/5)



Hình 3.5: Lưu đồ chứng từ chu trình kinh doanh xe (2/5)

Trường hợp khách hàng thanh toán ngay (không vay ngân hàng):

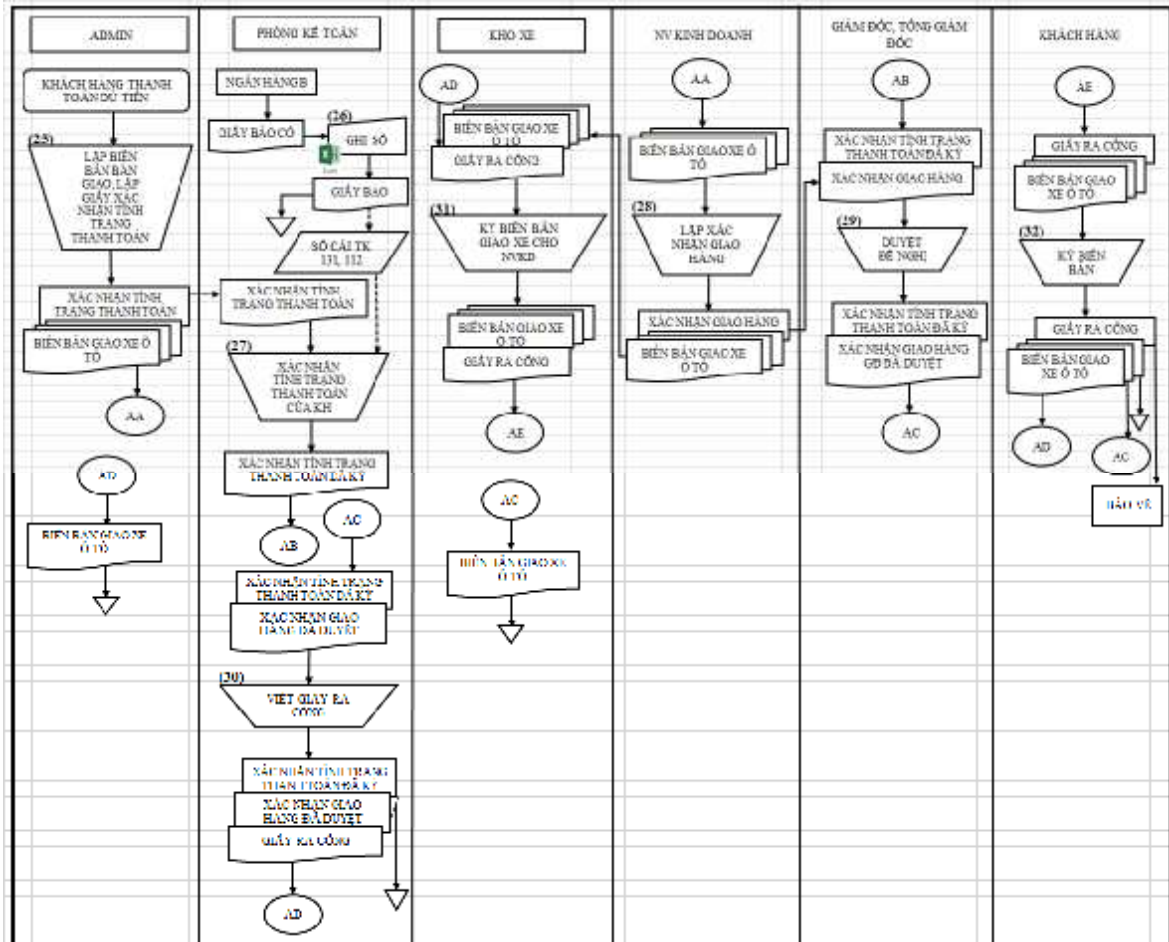


Hình 3.5: Lưu đồ chứng từ chu trình kinh doanh xe (3/5)





Khi ngân hàng giải ngân cho khoản vay của khách hàng:



Hình 3.5: Lưu đồ chứng từ chu trình kinh doanh xe (5/5)

Chu trình kinh doanh xe ô tô tại Công ty D&C có thể mô tả như sau:

- (1) Nhân viên kinh doanh tiếp xúc khách hàng, đàm phán hợp đồng.
- (2) Nhân viên kinh doanh lập đề nghị bán xe (một liên), Phiếu đề xuất chính sách bán hàng (một liên) trình giám đốc bán hàng và tổng giám đốc.
- (3) Giám đốc bán hàng & Tổng giám đốc duyệt chính sách bán hàng (đề nghị bán xe và phiếu đề xuất chính sách bán hàng).
- (4) Nhân viên admin căn cứ vào thông tin khách hàng và chính sách bán hàng đã được duyệt để lập hợp đồng thành ba bản.

- (5) Nhân viên admin đưa hợp đồng ba bản đã được lập cùng Đề nghị bán xe và Phiếu đề xuất chính sách bán hàng cho nhân viên kinh doanh. Nhân viên kinh doanh sẽ lưu Phiếu đề xuất chính sách bán hàng và giữ lại Đề nghị bán xe trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng, trình tổng giám đốc ký hợp đồng.
- (6) Tổng giám đốc đại diện công ty ký hợp đồng kinh tế. Hợp đồng sau khi được ký, nhân viên kinh doanh chuyển cho khách hàng để hoàn tất việc ký hợp đồng.
- (7) Khách hàng ký hợp đồng. Hợp đồng sau khi đã được ký đủ chữ ký của các bên, khách hàng giữ lại một bản, trả lại cho nhân viên kinh doanh hai bản.
- (8) Khách hàng đặt cọc mua xe. Khách hàng có thể đến nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản cho công ty.
- (9) Nhân viên kinh doanh chuyển một bản hợp đồng cho kế toán để làm căn cứ viết phiếu thu, sau đó nhận lại.
- (10A) Trường hợp khách hàng nộp tiền mặt, kế toán tiền mặt lập phiếu thu (ba liên). Phiếu thu là chứng từ ghi sổ nhật ký chung và sổ cái tài khoản 111, 131.
- (10B) Trường hợp khách hàng chuyển khoản, kế toán tiền mặt kiểm tra tài khoản ngân hàng, khi có tiền, kế toán ghi sổ nhật ký chung và sổ cái tài khoản 112, 131.
- (11) Thủ quỹ thu tiền đặt mua xe và ký phiếu thu. Phiếu thu có ba liên: một liên khách hàng giữ, một liên thủ quỹ lưu, một liên chuyển cho kế toán tiền mặt để lưu.

(12) Nhân viên kinh doanh chuyển một bản hợp đồng cho nhân viên Admin để nhập dữ liệu vào máy tính dưới dạng file excel: báo cáo khách hàng đặt mua xe theo ngày. Báo cáo này được gửi cho Giám đốc kinh doanh và Tổng giám đốc vào cuối ngày.

(13) Khách hàng thanh toán tiền xe bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng hoặc làm thủ tục vay ngân hàng. Trường hợp khách hàng vay ngân hàng, khách hàng sẽ nhận được Bảo lãnh thanh toán của ngân hàng (một bản). Khách hàng chuyển bảo lãnh cho nhân viên kinh doanh để làm căn cứ cam kết nghĩa vụ thanh toán của ngân hàng.

(14) Với các lần thanh toán tiếp theo của khách hàng, nhân viên kinh doanh lập Phiếu đề nghị thanh toán tiền mua xe ô tô (một liên), trình giám đốc kinh doanh, tổng giám đốc.

(15) Giám đốc kinh doanh, tổng giám đốc ký duyệt đề nghị thanh toán tiền xe của khách hàng.

(16a) Kế toán lập phiếu thu ba liên, là chứng từ để ghi sổ nhật ký chung và sổ cái TK 111, 131. Phiếu đề nghị thanh toán sau đó được lưu tại phòng kế toán.

(16b) Trường hợp khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản, sau khi có Giấy báo có của ngân hàng, kế toán hạch toán sổ nhật ký chung và sổ cái tài khoản 112, 131.

(17) Thủ quỹ căn cứ vào phiếu thu để thu tiền. Sau khi thu tiền và ký phiếu thu, một liên của phiếu thu trả cho khách hàng, một liên thủ quỹ lưu và một liên trả cho kế toán tiền mặt lưu.

A- Trường hợp khách hàng mua xe trả thẳng (không vay ngân hàng)

(18A) Sau khi khách hàng thanh toán đủ tiền xe, nhân viên admin xin chỉ đạo của tổng giám đốc và giám đốc bán hàng để xếp xe cho hợp đồng, lập Biên bản giao xe ô tô gồm ba liên, ghi rõ số khung, số máy của xe lên biên bản, lập Giấy xác nhận tình trạng thanh toán một liên. Trong trường hợp giao xe tận nơi cho khách hàng, trên Biên bản giao xe có bên thứ ba là bên vận chuyển. Biên bản này được nhân viên kinh doanh giữ đến khi giao xe. Xác nhận tình trạng thanh toán được chuyển cho phòng kế toán.

(19A) Kế toán kiểm tra số tiền phải thu và tiến trình thanh toán của khách hàng, nếu đã thanh toán đủ tiền, kế toán ký giấy Xác nhận tình trạng thanh toán.

(20A) Căn cứ vào số khung, số máy ghi trên Biên bản giao xe ô tô, nhân viên kinh doanh lập giấy Xác nhận giao hàng (một liên). Trên chứng từ này thể hiện đầy đủ các thông tin về khách hàng, giá trị hợp đồng, chính sách bán hàng và thông tin số khung, số máy của xe. Đây là các thông tin sau này kế toán căn cứ để xuất hóa đơn.

(21A) Nhân viên kinh doanh đem Xác nhận tình trạng thanh toán đã có chữ ký của kế toán cùng với giấy Xác nhận giao hàng trình giám đốc bán hàng và tổng giám đốc ký duyệt.

(22A) Nhân viên kinh doanh tập hợp bộ chứng từ gồm có: Đề nghị bán xe, Hợp đồng, Xác nhận tình trạng thanh toán, Xác nhận giao hàng đã được tổng giám đốc ký duyệt sang phòng kế toán để làm thủ tục xuất hóa đơn. Kế toán kiểm tra bộ chứng từ trên đã đầy đủ chữ ký của các bộ phận, lập Hóa đơn GTGT ba liên, Phiếu xuất xe hai liên và Giấy ra cổng một liên. Hồ sơ xe cùng với Hóa đơn liên hai, Phiếu xuất xe liên hai và Giấy ra cổng giao cho nhân viên kinh doanh. Các chứng từ còn lại lưu tại phòng kế toán. Hóa đơn và phiếu xuất kho là chứng từ làm căn cứ ghi sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 131, 511, 333, 632 và 156.

(23A) Để nhận xe, nhân viên kinh doanh phôi lại Xác nhận giao hàng đã có đầy đủ chữ ký của kế toán, chuyển Phiếu xuất kho một liên và Biên bản giao xe ô tô đến bộ phận kho xe. Thủ kho và nhân viên kinh doanh tiến hành thủ tục bàn giao xe, hai bên ký Biên bản giao xe ô tô. Biên bản này nhân viên kinh doanh giữ một liên, Phiếu xuất kho do thủ kho lưu.

(24A) Khách hàng nhận bàn giao xe và giấy tờ (Hóa đơn GTGT, Hồ sơ xe (Sao y hóa đơn đầu vào, Giấy chứng nhận xuất xưởng, bộ còi số khung số máy), Giấy ra công). Khách hàng ký Biên bản giao xe ô tô ba liên, một liên giữ lại và hai liên trả cho nhân viên kinh doanh để chuyển về lưu ở bộ phận admin và bộ phận kho xe. Giấy ra công đưa cho bảo vệ khi đưa xe ra khỏi đại lý. Hóa đơn và hồ sơ xe đem đi nộp thuế trước bạ và đăng ký xe.

**B- Trường hợp khách hàng mua xe trả góp (vay ngân hàng):**

(18B) Sau khi khách hàng thanh toán đủ tiền đối ứng, nhân viên admin xin chỉ đạo của tổng giám đốc và giám đốc bán hàng để xếp xe cho hợp đồng, lập “Biên bản giao tạm thời và cam kết về trách nhiệm quản lý xe ô tô giữa đại lý và khách hàng” gồm ba liên, ghi rõ số khung, số máy của xe lên biên bản, lập Giấy xác nhận tình trạng thanh toán một liên. Biên bản bàn giao được nhân viên kinh doanh giữ đến khi giao xe. Xác nhận tình trạng thanh toán được chuyển cho phòng kế toán.

(19B) Kế toán kiểm tra tiến trình thanh toán của khách hàng, ghi cụ thể từng lần thanh toán và tổng tiền đã thanh toán lên giấy Xác nhận tình trạng thanh toán và ký xác nhận.

(20B) Căn cứ vào số khung, số máy ghi trên “Biên bản giao tạm thời và cam kết về trách nhiệm quản lý xe ô tô”, Bảo lãnh thanh toán, nhân viên kinh doanh lập Giấy mượn xe đi đăng ký (một liên). Trên chứng từ này thể hiện đầy đủ các thông tin về khách hàng, giá trị hợp đồng, chính sách bán hàng và thông

tin số khung, số máy của xe. Đây là các thông tin sau này kế toán căn cứ để xuất hóa đơn.

(21B) Nhân viên kinh doanh đem Xác nhận tình trạng thanh toán đã có chữ ký của kế toán, giấy Bảo lãnh thanh toán cùng với giấy Mượn xe đi đăng ký trình giám đốc bán hàng và tổng giám đốc ký duyệt.

(22B) Nhân viên kinh doanh tập hợp bộ chứng từ gồm có: Đề nghị bán xe, Hợp đồng, Xác nhận tình trạng thanh toán, Bảo lãnh ngân hàng, Giấy mượn xe đi đăng ký đã được tổng giám đốc ký duyệt sang phòng kế toán để làm thủ tục xuất hóa đơn. Kế toán kiểm tra bộ chứng từ trên đã đầy đủ chữ ký của các bộ phận, lập Hóa đơn GTGT ba liên, Phiếu xuất xe hai liên và Giấy ra cổng một liên. Hồ sơ xe cùng với Hóa đơn liên hai, Phiếu xuất xe liên hai và Giấy ra cổng giao cho nhân viên kinh doanh. Các chứng từ còn lại lưu tại phòng kế toán. Hóa đơn và phiếu xuất kho là chứng từ làm căn cứ ghi sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 131, 511, 333, 632 và 156.

(23B) Nhân viên kinh doanh phô tô Giấy mượn xe đi đăng ký, chuyển Phiếu xuất kho, Biên bản giao tạm thời và cam kết về trách nhiệm quản lý xe ô tô đến bộ phận kho xe làm thủ tục bàn giao xe. Thủ kho và nhân viên kinh doanh ký biên bản bàn giao. Phiếu xuất kho lưu lại bộ phận kho. Biên bản bàn giao nhân viên kinh doanh giữ.

(24B) Khách hàng nhận bàn giao xe và giấy tờ (Hóa đơn GTGT, Hồ sơ xe (Sao y hóa đơn đầu vào, Giấy chứng nhận xuất xưởng, bộ cà số khung số máy), Giấy ra cổng). Khách hàng ký “Biên bản giao tạm thời và cam kết về trách nhiệm quản lý xe ô tô”, một liên khách hàng giữ lại và hai liên trả cho nhân viên kinh doanh. Nhân viên kinh doanh chuyển một liên cho admin lưu, một liên cho thủ kho xe lưu. Giấy ra cổng đưa cho bảo vệ khi đưa xe ra khỏi đại lý. Hóa đơn và hồ sơ xe đem đi nộp thuế trước bạ và đăng ký xe. Sau khi có đăng ký xe, khách hàng chuyển đăng ký về cho ngân hàng nơi cho vay để ngân

hàng làm thủ tục giải ngân cho đại lý. Đồng thời, xe ô tô được mang trả lại đại lý để quản lý.

\* Khi ngân hàng giải ngân:

(25) Khi công ty nhận được đủ tiền xe, nhân viên admin lập Biên bản giao xe ô tô gồm ba liên và Giấy xác nhận tình trạng thanh toán một liên. Trong trường hợp giao xe tận nơi cho khách hàng, trên Biên bản giao xe có bên thứ ba là bên vận chuyển. Biên bản bàn giao được nhân viên kinh doanh giữ đến khi giao xe. Xác nhận tình trạng thanh toán được chuyển sang phòng kế toán.

(26) Khi ngân hàng giải ngân, đại lý nhận được Giấy báo có của ngân hàng, kế toán hạch toán sổ nhật ký chung và sổ cái tài khoản 112, 131.

(27) Kế toán kiểm tra công nợ của khách hàng, nếu đã hết công nợ thì ký giấy Xác nhận tình trạng thanh toán.

(28) Căn cứ Biên bản giao xe ô tô, nhân viên kinh doanh lập giấy Xác nhận giao hàng một liên.

(29) Nhân viên kinh doanh đem Xác nhận tình trạng thanh toán đã có chữ ký của kế toán cùng với giấy Xác nhận giao hàng trình giám đốc bán hàng và tổng giám đốc ký duyệt.

(30) Kế toán căn cứ vào Xác nhận giao hàng đã có chữ ký của giám đốc, tổng giám đốc và kiểm tra khách hàng đã hết công nợ sẽ lập và ký Giấy ra công một liên. Xác nhận tình trạng thanh toán và Xác nhận giao hàng lưu tại phòng kế toán. Giấy ra công giao cho nhân viên kinh doanh.

(31) Nhân viên kinh doanh phô tô xác nhận giao hàng đã được duyệt, chuyển giấy ra công và Biên bản giao xe ô tô sang bộ phận kho xe. Sau khi nhân viên kho bàn giao xe cho nhân viên kinh doanh, hai bên ký biên bản bàn

giao xe. Biên bản và giấy ra công nhân viên kinh doanh giữ để bàn giao xe cho khách.

(32) Khách hàng nhận bàn giao xe và ký Biên bản giao xe ô tô ba liên, một liên khách hàng lưu, một liên chuyển về lưu ở bộ phận admin, một liên trả cho thủ kho xe lưu. Giấy ra công khách hàng đưa cho bảo vệ khi đưa xe ra khỏi đại lý.

Với chu trình kinh doanh xe ở trên, AIS cung cấp thông tin cho kế toán tài chính về doanh thu, giá vốn, công nợ và thanh toán. Trên Bảng cân đối kế toán: Mục tài sản ngắn hạn, chỉ tiêu tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, hàng hóa; Mục nợ phải trả: chỉ tiêu thuế phải nộp nhà nước; Mục nguồn vốn: chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối.

Trên Báo cáo kết quả kinh doanh: chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn, lợi nhuận.

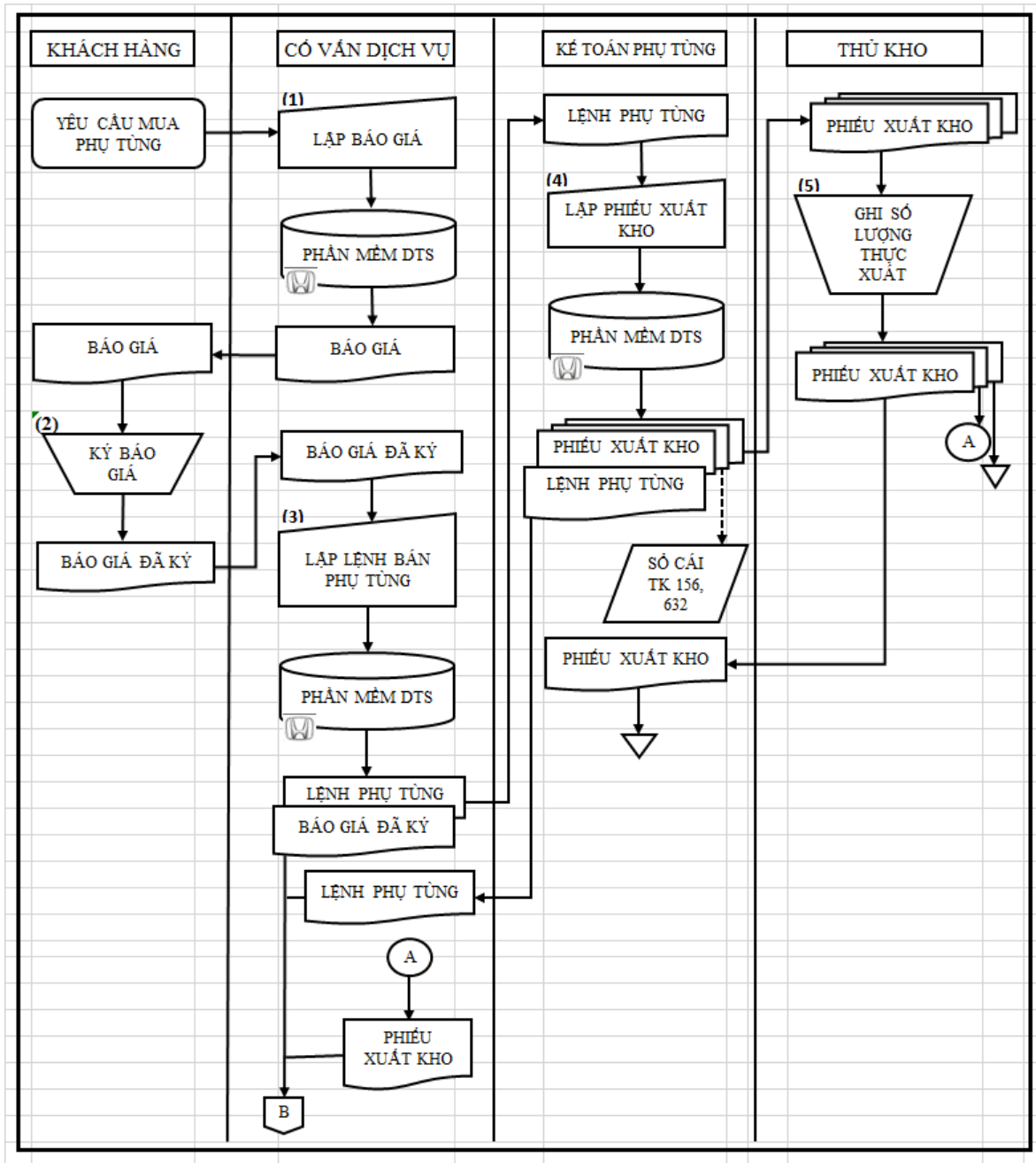
AIS cung cấp thông tin cho kế toán quản trị về quản lý hoạt động kinh doanh xe, phân tích các chỉ tiêu tài chính: điểm hòa vốn, mối quan hệ doanh thu- chi phí- lợi nhuận..., lập kế hoạch tài chính, quyết định chính sách bán hàng... Về mặt quy trình, giá trị ô tô rất lớn nên đòi hỏi cần có sự kiểm soát chặt chẽ và mỗi khi giám đốc ký một quyết định (duyệt chính sách, đồng ý thu tiền của khách hàng, duyệt giao xe cho khách hàng...) đều cần rất thận trọng. Cũng chính vì vậy, lượng chứng từ sử dụng trong AIS chu trình kinh doanh xe khá nhiều, và trình tự luân chuyển chứng từ khá phức tạp. Khi nhân viên phòng kinh doanh được phỏng vấn về trình tự luân chuyển chứng từ, cả năm nhân viên đều nói không hài lòng về quy trình của công ty. Với những nhân viên lâu năm, nhiều kinh nghiệm và tính tình cẩn thận, họ có thể thực hiện toàn bộ các khâu một cách thuận lợi. Tuy nhiên, với những nhân viên thiếu kinh nghiệm, đặc biệt là những nhân viên mới thì khá là lúng túng để thực hiện theo đúng quy trình và mất thời gian trong mỗi lần trình ký do không đủ giấy tờ.



Mặt khác, một hạn chế khá là nghiêm trọng trong AIS là thông tin không kịp thời. Phòng kinh doanh rất cần thông tin của phòng kế toán về tình hình thanh toán của khách hàng để lập kế hoạch kinh doanh cũng như ra quyết định. Tuy nhiên, phòng kinh doanh không thể truy cập và xem thông tin sổ của kế toán nên khi cần thông tin, phòng kinh doanh phải sử dụng phiếu “Xác nhận tình trạng thanh toán của khách hàng”. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến ra quyết định của nhà quản lý.

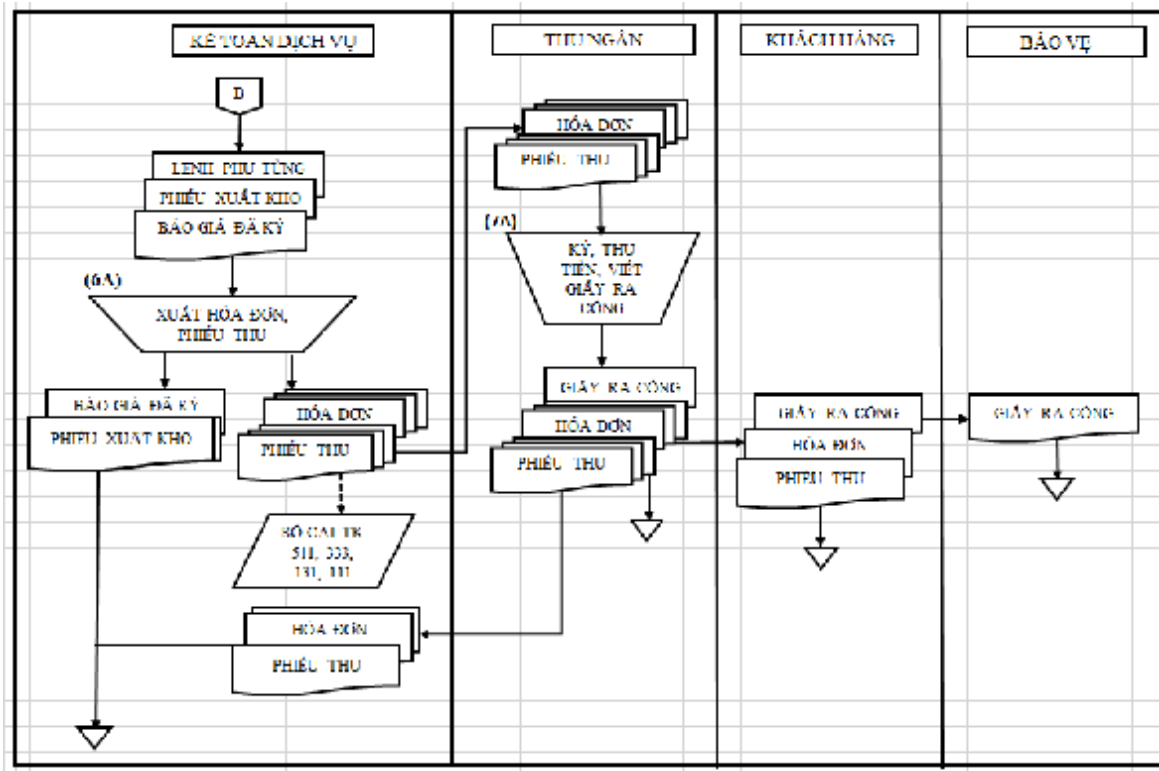
**b. Chu trình bán phụ tùng tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C**

Đi kèm với hoạt động kinh doanh dịch vụ là kinh doanh phụ tùng. Lưu đồ chứng từ hoạt động kinh doanh phụ tùng ở Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C được khái quát như sau:



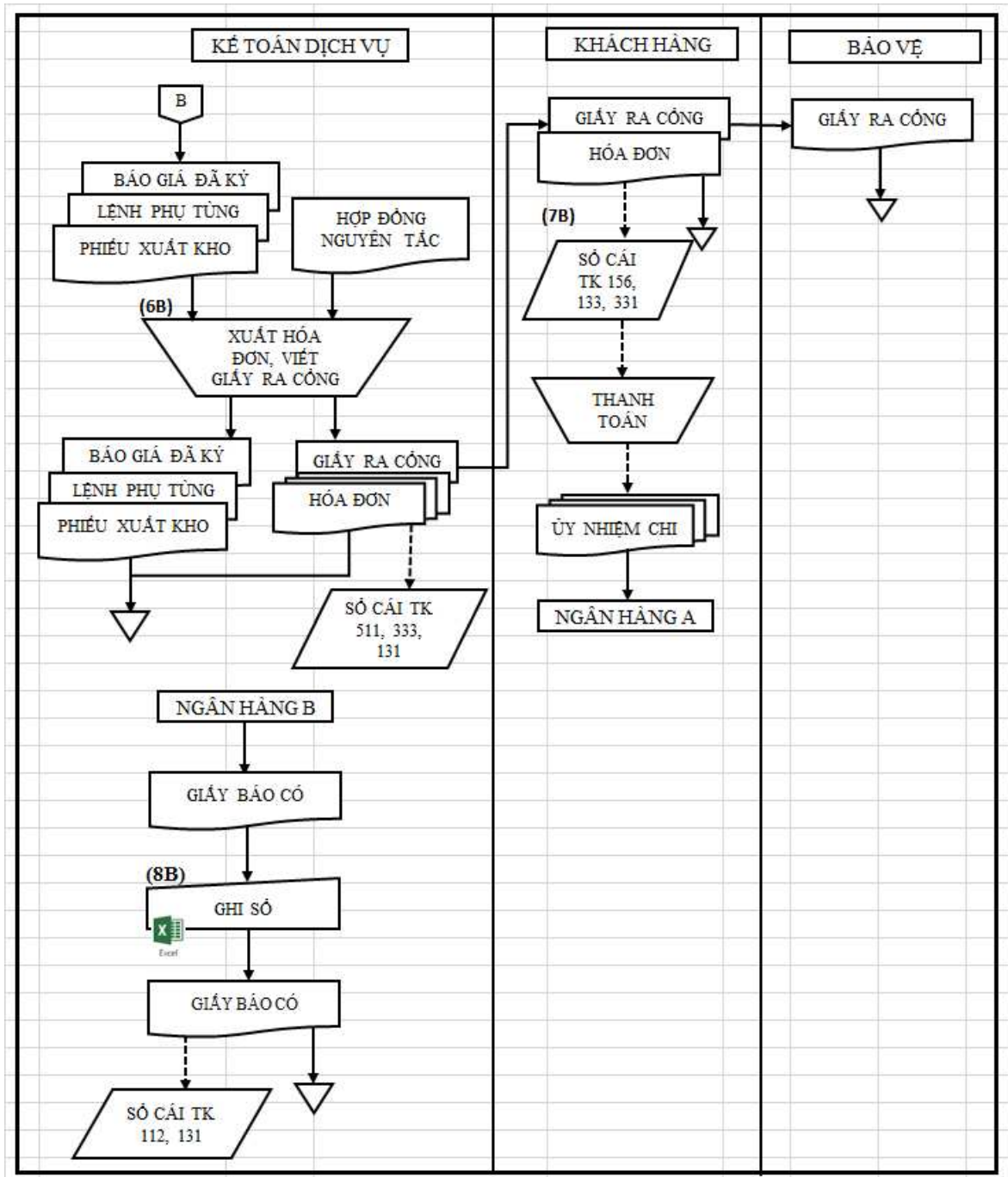
Hình 3.6: Lưu đồ chứng từ chu trình kinh doanh phụ tùng (1/3)

Trường hợp khách hàng thanh toán ngay:



Hình 3.6: Lưu đồ chứng từ chu trình kinh doanh phụ tùng (2/3)

Trường hợp khách hàng đã ký hợp đồng nguyên tắc: mua bán phụ tùng, thanh toán sau:



Hình 3.6: Lưu đồ chứng từ chu trình kinh doanh phụ tùng (3/3)

Chu trình kinh doanh phụ tùng tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C được mô tả :

- (1) Khi khách hàng có yêu cầu mua phụ tùng, cố vấn dịch vụ lập báo giá trên phần mềm DTS. Phần giá bán của phụ tùng được phần mềm hỗ trợ hiển thị khi nhập đúng mã phụ tùng.
- (2) Khách hàng kiểm tra báo giá. Nếu chấp nhận mua hàng, khách hàng ký xác nhận vào báo giá.
- (3) Căn cứ vào báo giá đã được chấp thuận của khách hàng, cố vấn dịch vụ lập lệnh bán phụ tùng và đi lấy phụ tùng cho khách.
- (4) Kế toán phụ tùng lập phiếu xuất kho trên phần mềm DTS. Thông tin về phụ tùng được chuyển tự động từ phân hệ lập lệnh phụ tùng của cố vấn dịch vụ sang phân hệ quản lý hàng tồn kho của kho phụ tùng. Phiếu xuất kho là chứng từ để ghi sổ cái tài khoản 632, 156.
- (5) Phiếu xuất kho được chuyển cho thủ kho để xuất phụ tùng. Thủ kho và cố vấn dịch vụ ký nhận số lượng thực xuất. 1 liên phiếu xuất kho thủ kho lưu, 1 liên trả lại kế toán phụ tùng, 1 liên cố vấn dịch vụ giữ cùng hàng hóa, báo giá và lệnh phụ tùng để chuyển sang kế toán dịch vụ thanh toán.

A- Trường hợp khách hàng thanh toán ngay:

- (6A) Kế toán dịch vụ kiểm tra hồ sơ thanh toán gồm Báo giá. Lệnh phụ tùng, Phiếu xuất kho. Nếu đủ hồ sơ, kế toán dịch vụ xuất hóa đơn và lập phiếu thu gồm 3 liên, chuyển cho thu ngân để thu tiền, lưu lại hồ sơ bán phụ tùng. Hóa đơn và phiếu thu là chứng từ để ghi sổ cái tài khoản 131, 511, 333, 111.
- (7A) Thu ngân căn cứ phiếu thu để thu tiền, ký phiếu thu và viết giấy ra công cho phụ tùng. Liên 2 của hóa đơn, liên 2 của phiếu thu và giấy ra công giao cho khách hàng. Giấy ra công khách hàng sẽ giao cho bảo vệ khi đưa phụ tùng ra khỏi đại lý. 1 liên phiếu thu thu ngân lưu. 2 liên còn lại của hóa đơn cùng 1 liên của phiếu thu trả lại cho kế toán dịch vụ để lưu cùng hồ sơ bán phụ tùng.

B- Trường hợp khách hàng có hợp đồng nguyên tắc mua phụ tùng thanh toán sau:

(6B) Kế toán dịch vụ kiểm tra hồ sơ thanh toán gồm Báo giá. Lệnh phụ tùng, Phiếu xuất kho và hợp đồng nguyên tắc (mua phụ tùng thanh toán sau). Nếu đủ hồ sơ, kế toán dịch vụ xuất hóa đơn và viết giấy ra công cho phụ tùng. Khách hàng sẽ đưa giấy ra công cho bảo vệ khi mang phụ tùng ra khỏi đại lý. Hóa đơn là chứng từ để ghi sổ cái tài khoản 131, 511, 333. Liên 2 hóa đơn và giấy ra công giao cho khách hàng. Các liên còn lại của hóa đơn lưu cùng hồ sơ bán phụ tùng.

(7B) Căn cứ vào các hóa đơn phụ tùng và công nợ phải trả, định kỳ khách hàng thanh toán công nợ cho đại lý qua tiền gửi ngân hàng.

(8B) Khi ngân hàng báo có tiền về, kế toán dịch vụ căn cứ vào giấy báo có để ghi sổ nhật ký chung và sổ cái TK 112, 131.

AIS chu trình kinh doanh phụ tùng cung cấp thông tin cho kế toán tài chính về doanh thu, giá vốn, công nợ và thu tiền. Đây là thông tin để lập báo cáo tài chính:

Trên Bảng cân đối kế toán: Mục tài sản ngắn hạn, chỉ tiêu tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, hàng hóa; Mục nợ phải trả: chỉ tiêu thuế phải nộp nhà nước; Mục nguồn vốn: chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối.

Trên Báo cáo kết quả kinh doanh: chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn, lợi nhuận.

Với kế toán quản trị, AIS cung cấp thông tin về hoạt động quản lý phụ tùng, phân tích các chỉ tiêu tài chính như: mức sản lượng tiêu thụ cần thiết để đạt mức lợi nhuận mong muốn, điểm hòa vốn..., lập kế hoạch tài chính, kế hoạch nguồn tiền....

Ngoài các ưu điểm trên, nhược điểm của AIS chu trình kinh doanh phụ tùng là kế toán không ghi nhận doanh thu chi tiết theo mã phụ tùng. Bên cạnh đó, việc xuất kho được theo dõi trên excel, không gắn với ghi nhận doanh thu nên dễ dẫn tới gian lận trong việc xuất kho. Số lượng xuất kho theo dõi trên bảng kê xuất kho có thể nhiều hơn số lượng phụ tùng ghi nhận doanh thu nhưng vì AIS không có công cụ để đối chiếu hai bảng theo dõi này nên không thể phát hiện. Đây chính là lỗ hổng trong AIS, tạo điều kiện cho gian lận, gây thất thoát tài sản công ty.

### **c. Chu trình cung cấp dịch vụ tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C**

Chu trình cung cấp dịch vụ đối với hoạt động sửa chữa, bảo hành, bảo dưỡng xe ở phòng dịch vụ gồm các công việc: bắt đầu từ khi xe vào cổng, cố vấn dịch vụ kiểm tra xe, báo giá, lập lệnh sửa chữa, kỹ thuật viên tiến hành sửa xe, kho xuất phụ tùng, kiểm tra cuối và cuối cùng kế toán xuất hóa đơn, thu tiền và cho xe ra cổng. Các công việc diễn ra ở phòng dịch vụ được thực hiện với sự hỗ trợ của phần mềm DTS- phần mềm quản lý hoạt động sửa chữa- phụ tùng của Honda Việt Nam. Thông tin về xe, khách hàng và lịch sử sửa chữa được lưu trữ theo số khung, số máy hoặc biển số. Vì vậy, cố vấn dịch vụ chỉ cần lấy thông tin của khách hàng trong lần đầu khách hàng vào xưởng sửa chữa. Từ lần tiếp theo, phần mềm tự động hiển thị thông tin khi cố vấn dịch vụ nhập biển số. Lịch sử sửa chữa giúp cho cố vấn dịch vụ biết được xe đã được sửa chữa và bảo dưỡng của các lần trước như thế nào để tư vấn cho khách hàng được tốt hơn. Hệ thống phần mềm DTS cũng hỗ trợ cố vấn dịch vụ lập báo giá, dự toán, lệnh sửa chữa ở công đoạn lấy giá tự động. Với hàng trăm nghìn mã phụ tùng, cố vấn dịch vụ không thể nhớ được giá của từng phụ tùng. Vì vậy, phần mềm DTS giúp tiết kiệm thời gian cho quá trình lập lệnh. Thông tin về phụ tùng thay thế, tổng số tiền phải thu trên dự toán được chuyển tự động đến các bộ phận liên quan. Bộ phận kho phụ tùng khi nhập số lệnh, phần mềm sẽ tự động hiển thị các

phụ tùng được yêu cầu xuất kho cho lệnh. Bộ phận kế toán dịch vụ và thu ngân dịch vụ cũng biết được số tiền phải xuất hóa đơn và thu tiền khách hàng ngay cả khi chưa nhận được hồ sơ sửa xe.

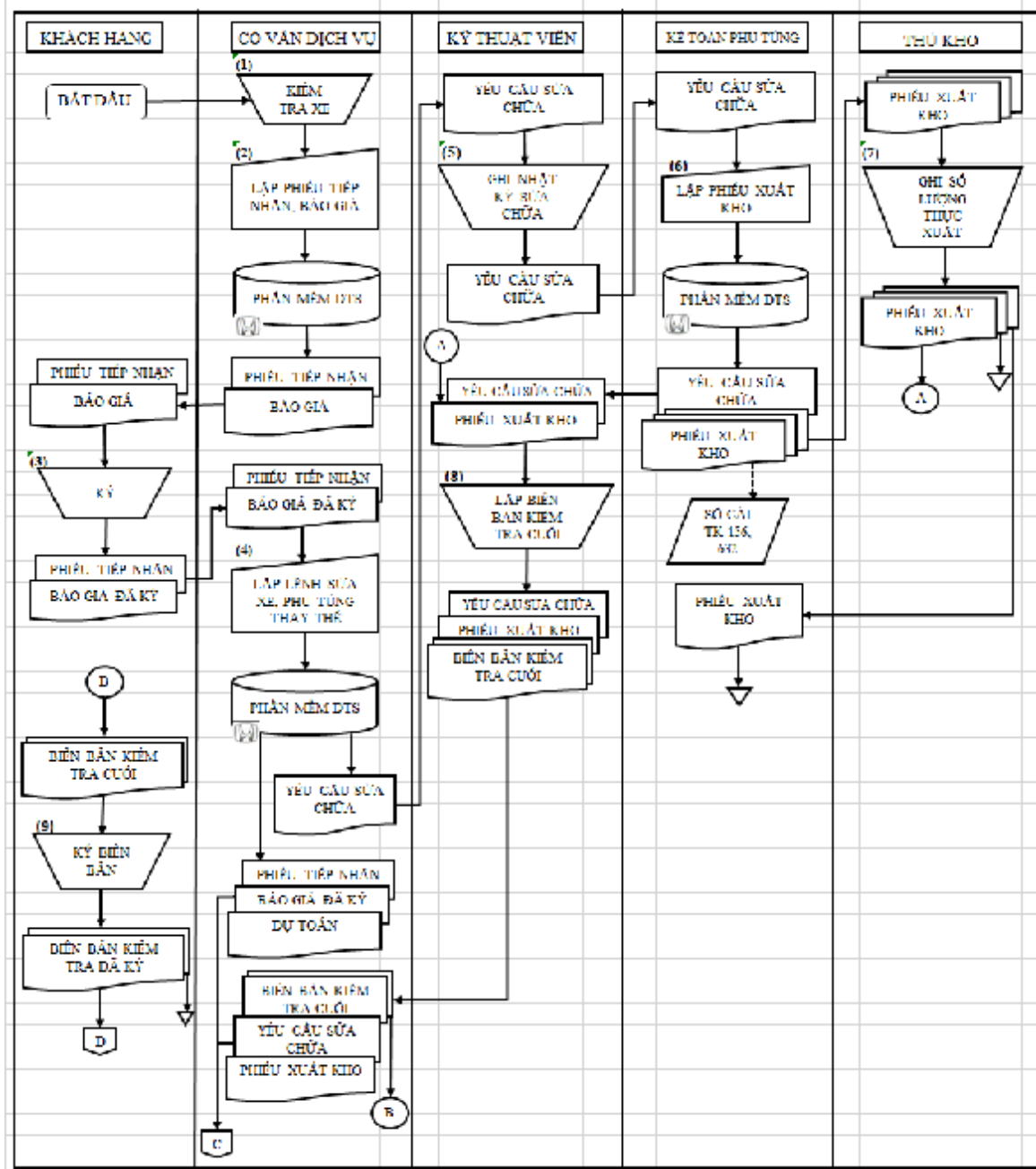
Phần mềm DTS rất ưu việt trong chu trình bán hàng ở phòng dịch vụ. Tuy nhiên, phần mềm DTS không liên thông dữ liệu với phần mềm kế toán được nên toàn bộ công việc và số liệu của kế toán phụ tùng, kế toán dịch vụ và thu ngân được tiến hành trên excel. Phiếu xuất kho được kế toán phụ tùng in từ phần mềm DTS ra, sau đó phải cập nhật thủ công vào file Bảng kê phiếu xuất kho trên excel. Dữ liệu từ file Bảng kê phiếu xuất kho được excel xử lý và tính toán trên bảng Tổng hợp nhập- xuất- tồn phụ tùng, tính đơn giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả tháng. Tổng giá vốn phụ tùng trong tháng là tổng giá trị xuất kho. Số tổng này mới là số liệu được kế toán tổng hợp định khoản trên sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản giá vốn (TK 632), sổ cái tài khoản hàng hóa (TK 156).

Tương tự như vậy, dữ liệu doanh thu trên lệnh sửa chữa không liên thông từ phần mềm DTS tới phần mềm kế toán nên kế toán dịch vụ phải cập nhật lại số liệu doanh thu, công nợ, thu tiền vào phần mềm kế toán Fast và theo dõi tổng hợp trên file excel để phục vụ yêu cầu quản trị.

Chu trình bán hàng tại phòng dịch vụ được khái quát bằng Lưu đồ chứng từ như sau:

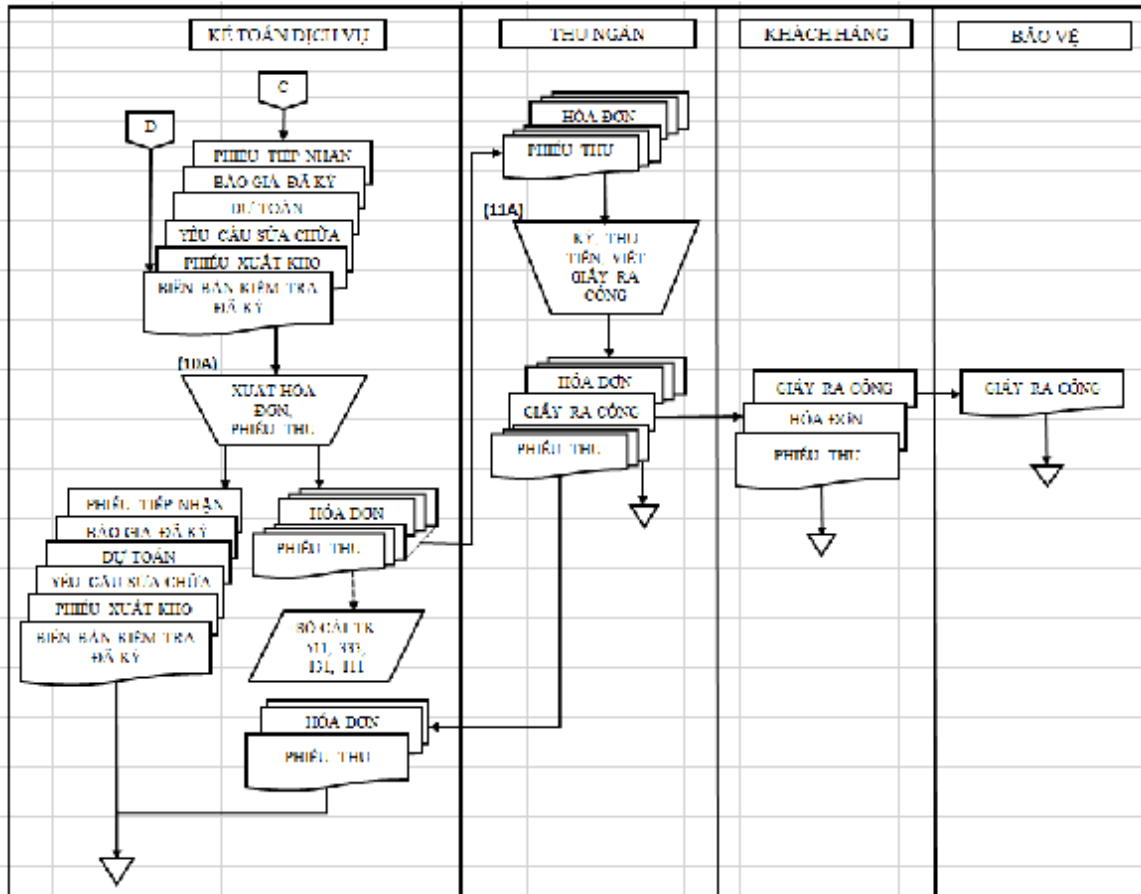
Đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô:





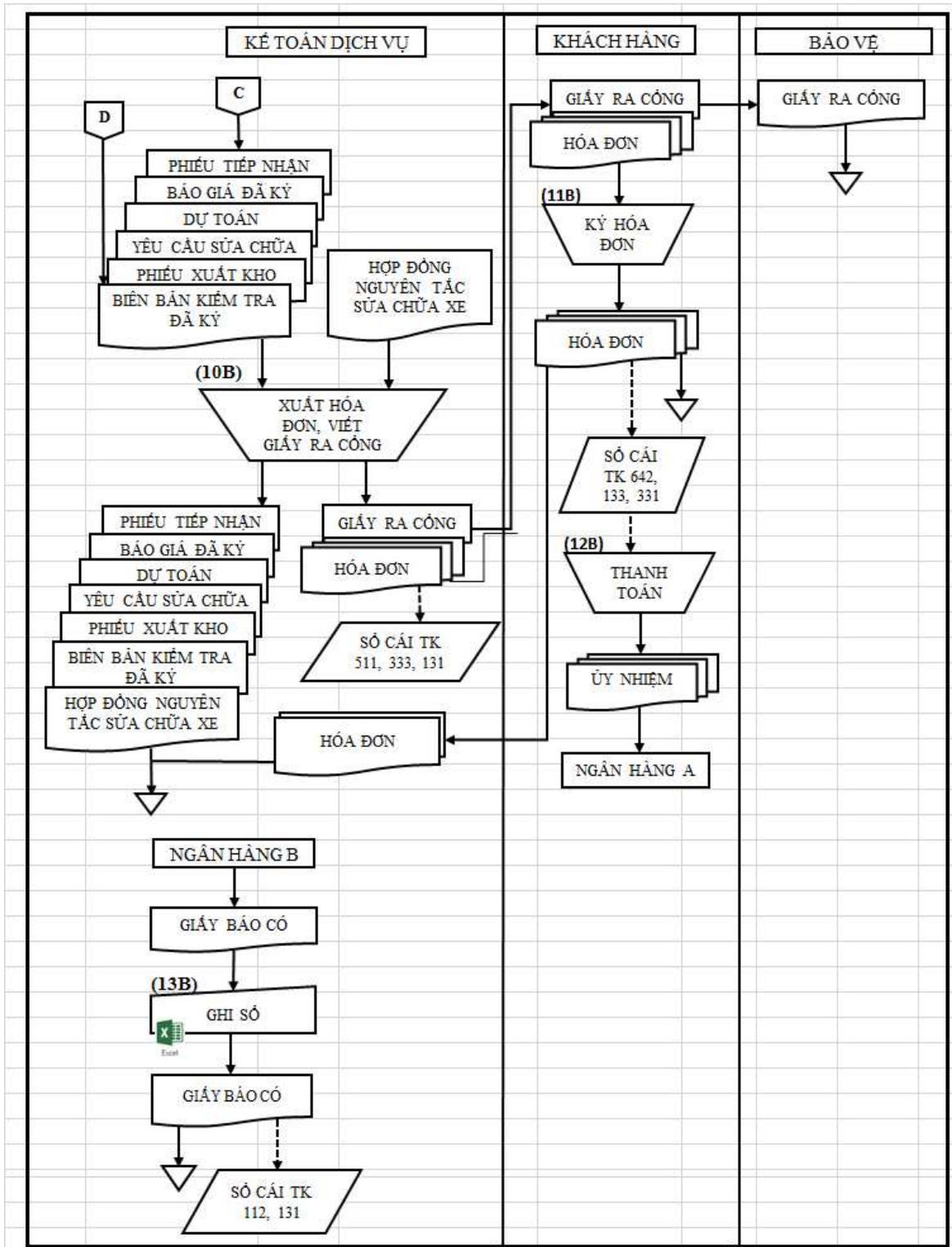
Hình 3.7: Lưu đồ chứng từ chu trình kinh doanh dịch vụ (1/4)

Khi khách hàng thanh toán ngay:



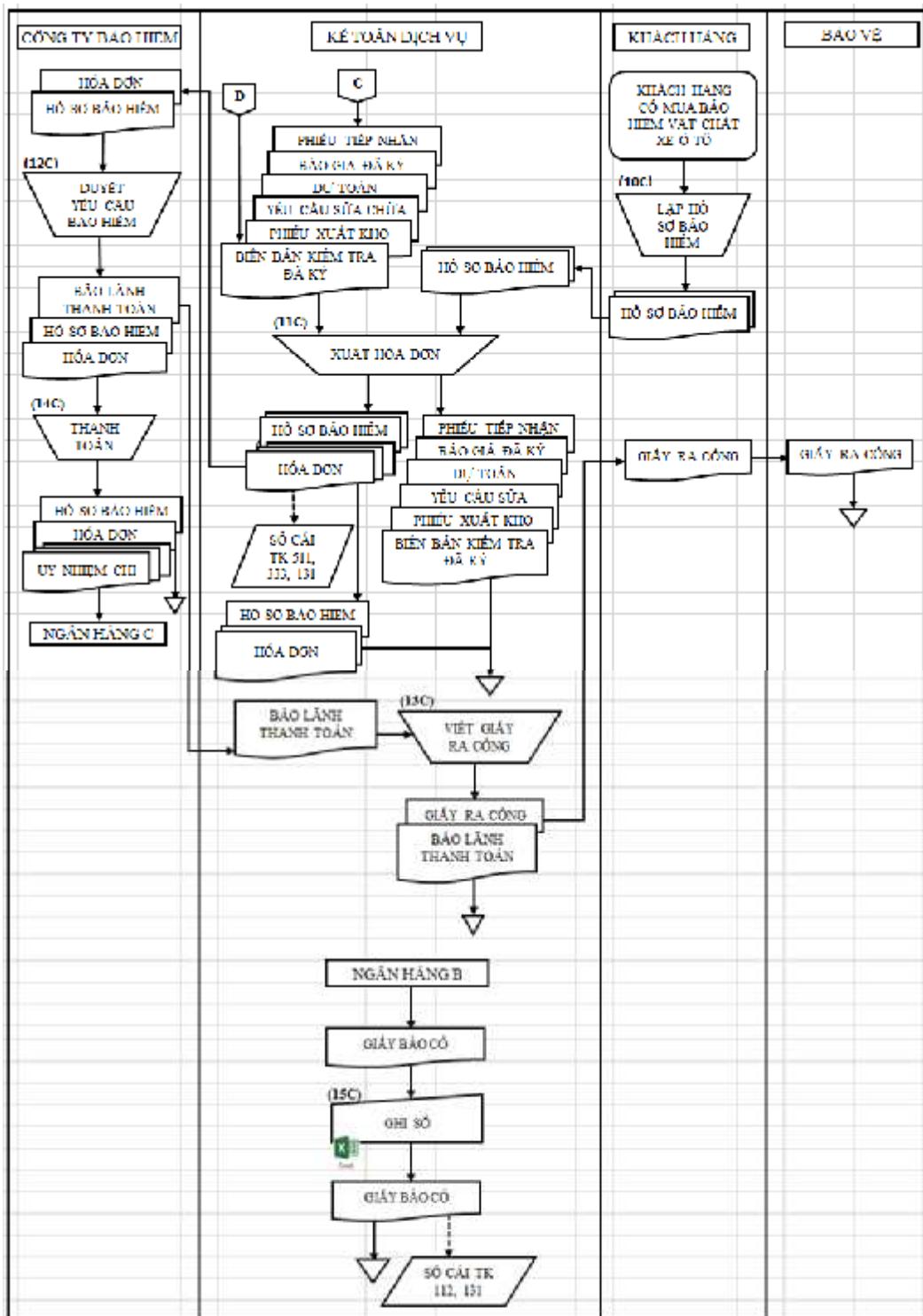
Hình 3.7: Lưu đồ chứng từ chu trình kinh doanh dịch vụ (2/4)

Khi khách hàng có hợp đồng nguyên tắc (sửa chữa trước, thanh toán sau):



Hình 3.7: Lưu đồ chứng từ chu trình kinh doanh dịch vụ (3/4)

Khi bảo hiểm thanh toán thay khách hàng:



Hình 3.7: Lưu đồ chứng từ chu trình kinh doanh dịch vụ (4/4)

Chu trình doanh thu dịch vụ ở Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C được mô tả như sau:

- (1) Khách hàng đưa xe vào khu vực tiếp nhận xe của xưởng dịch vụ, cố vấn dịch vụ làm công việc tiếp đón, tiến hành kiểm tra xe.
- (2) Cố vấn dịch vụ lập phiếu tiếp nhận (một liên), báo giá (một liên). Nếu là khách hàng mới, cố vấn dịch vụ lấy thông tin khách hàng và xe, cập nhật trên phần mềm DTS. Nếu khách hàng đã từng vào đại lý làm dịch vụ, cố vấn dịch vụ kết xuất thông tin tự động trên phần mềm. Trên báo giá liệt kê rõ từng loại chi phí sửa chữa, mã và giá phụ tùng thay thế...
- (3) Cố vấn dịch vụ chuyển phiếu tiếp nhận và báo giá cho khách hàng. Cố vấn dịch vụ giải thích rõ từng hạng mục trên báo giá. Nếu khách hàng đồng ý sửa chữa, khách hàng ký xác nhận trên phiếu tiếp nhận và báo giá, trả lại cố vấn dịch vụ.
- (4) Cố vấn dịch vụ nhận lại phiếu tiếp nhận và báo giá có chữ ký của khách hàng; chuyển trạng thái lệnh trên phần mềm DTS sang công đoạn sửa chữa; in dự toán (một liên, thay cho hợp đồng sửa chữa) và lưu suốt quá trình sửa chữa; in phiếu yêu cầu sửa chữa (một liên) chuyển cho bộ phận kỹ thuật viên để tiến hành sửa xe.
- (5) Xe được đưa vào khu vực sửa chữa. Kỹ thuật viên căn cứ nội dung trên phiếu yêu cầu sửa chữa để thực hiện công việc, ghi lại nhật ký sửa chữa.
- (6) Trường hợp sửa xe có phụ tùng thay thế, kỹ thuật viên mang phiếu yêu cầu sửa chữa vào kho phụ tùng để nhận phụ tùng mới. Kế toán phụ tùng lập phiếu xuất kho 3 liên trên phần mềm DTS. Thông tin về phụ tùng được chuyển tự động từ phân hệ lập lệnh sửa chữa của cố vấn dịch vụ sang phân hệ quản lý hàng tồn kho của kho phụ tùng. Phiếu xuất kho là chứng từ để ghi sổ cái tài khoản 632, 156.

- (7) Phiếu xuất kho được chuyển cho thủ kho để xuất phụ tùng. Thủ kho và kỹ thuật viên ký nhận số lượng thực xuất. 1 liên phiếu xuất kho thủ kho lưu, 1 liên trả lại kế toán phụ tùng, 1 liên kỹ thuật viên giữ cùng phiếu yêu cầu sửa chữa.
- (8) Sau khi xe được sửa xong, nhân viên kiểm tra cuối kiểm tra chất lượng sửa chữa, lập biên bản kiểm tra chất lượng sửa chữa kèm biên bản bàn giao xe thành 2 liên, ký và chuyển toàn bộ hồ sơ gồm phiếu yêu cầu sửa chữa, phiếu xuất kho, biên bản kiểm tra cuối cho cố vấn dịch vụ để nghiệm thu. Xe ô tô được đưa vào khu vực rửa xe để rửa xe trước khi giao cho khách hàng.
- (9) Cố vấn dịch vụ mời khách hàng kiểm tra xe, ký biên bản kiểm tra chất lượng sửa chữa kèm biên bản bàn giao xe. 1 liên của biên bản khách hàng giữ, 1 liên cố vấn giữ cùng hồ sơ sửa chữa xe, chuyển sang bộ phận kế toán để thanh toán.

A- Trường hợp khách hàng thanh toán ngay:

- (10A) Kế toán dịch vụ kiểm tra hồ sơ thanh toán gồm Phiếu tiếp nhận, Báo giá sửa chữa, Dự toán, Phiếu yêu cầu sửa chữa, Phiếu xuất kho, Biên bản kiểm tra chất lượng sửa chữa kèm biên bản bàn giao xe. Nếu đủ hồ sơ, kế toán dịch vụ xuất hóa đơn và lập phiếu thu gồm 3 liên, chuyển cho thu ngân để thu tiền, lưu lại hồ sơ xe. Hóa đơn và phiếu thu là chứng từ để ghi sổ tài khoản 131, 511, 333, 111.
- (11A) Thu ngân căn cứ phiếu thu để thu tiền, ký phiếu thu và viết giấy ra công cho xe. Liên 2 của hóa đơn, liên 2 của phiếu thu và giấy ra công giao cho khách hàng. Giấy ra công khách hàng sẽ giao cho bảo vệ khi đưa xe ra khỏi đại lý. 1 liên phiếu thu thu ngân lưu. 2 liên còn lại của hóa đơn cùng 1 liên của phiếu thu trả lại cho kế toán dịch vụ để lưu cùng hồ sơ sửa xe.

B- Trường hợp khách hàng có hợp đồng nguyên tắc sửa xe, thanh toán sau:

(10B) Kế toán dịch vụ kiểm tra hồ sơ thanh toán gồm Phiếu tiếp nhận, Báo giá sửa chữa, Dự toán, Phiếu yêu cầu sửa chữa, Phiếu xuất kho, Biên bản kiểm tra chất lượng sửa chữa kèm biên bản bàn giao xe. Nếu khách hàng đã có hợp đồng nguyên tắc (sửa chữa trước, thanh toán sau), kế toán dịch vụ xuất hóa đơn và viết giấy ra công, lưu lại hồ sơ xe. Hóa đơn là chứng từ để ghi sổ cái tài khoản 131, 511, 333. Liên 2 hóa đơn và giấy ra công giao cho khách hàng.

(11B) Khách hàng kiểm tra và ký hóa đơn, giữ lại liên 2, các liên còn lại trả lại kế toán để lưu cùng hồ sơ xe. Khách hàng đưa giấy ra công cho bảo vệ khi đưa xe ra khỏi đại lý.

(12B) Căn cứ vào các hóa đơn sửa xe và công nợ phải trả, định kỳ khách hàng thanh toán công nợ cho đại lý qua tiền gửi ngân hàng.

(13B) Khi ngân hàng báo có tiền về, kế toán dịch vụ căn cứ vào giấy báo có để ghi sổ nhật ký chung và sổ cái TK 112, 131.

C- Trường hợp đơn vị bảo hiểm thanh toán thay khách hàng (khách hàng đã mua bảo hiểm vật chất cho xe)

(10C) Khách hàng có bảo hiểm vật chất xe ô tô, lập hồ sơ bảo hiểm thành 2 bản, chuyển cho kế toán dịch vụ.

(11C) Kế toán dịch vụ kiểm tra hồ sơ thanh toán gồm Phiếu tiếp nhận, Báo giá sửa chữa, Dự toán, Phiếu yêu cầu sửa chữa, Phiếu xuất kho, Biên bản kiểm tra chất lượng sửa chữa kèm biên bản bàn giao xe và hồ sơ bảo hiểm của khách hàng. Nếu hồ sơ hợp lệ, kế toán dịch vụ xuất hóa đơn về đơn vị bảo hiểm. Hóa đơn là chứng từ để ghi sổ cái tài khoản 131, 511, 333. Liên

2 hóa đơn và 1 bộ hồ sơ bảo hiểm chuyển đến công ty bảo hiểm. Các liên còn lại của hóa đơn lưu lại cùng 1 bản hồ sơ bảo hiểm và hồ sơ sửa chữa xe.

(12C) Công ty bảo hiểm khi nhận được hồ sơ yêu cầu bảo hiểm, hóa đơn của đơn vị sửa chữa sẽ tiến hành duyệt yêu cầu bảo hiểm, lập bảo lãnh thanh toán và gửi đến cho đơn vị đang tiến hành sửa xe cho khách hàng.

(13C) Khi kế toán dịch vụ nhận được bảo lãnh thanh toán của đơn vị bảo hiểm, viết giấy ra công giao cho khách hàng. Bảo lãnh thanh toán kế toán lưu cùng hồ sơ sửa xe.

(14C) Công ty bảo hiểm tiến hành thanh toán cho đại lý qua tiền gửi ngân hàng.

(15C) Khi ngân hàng báo có tiền về, kế toán dịch vụ căn cứ vào giấy báo có để ghi sổ nhật ký chung và sổ cái TK 112, 131.

Với quy trình trên, AIS chu trình kinh doanh dịch vụ cung cấp thông tin cho kế toán tài chính về doanh thu, giá vốn, công nợ và thu tiền dịch vụ. Đây là thông tin để lập báo cáo tài chính:

Trên Bảng cân đối kế toán: Mục tài sản ngắn hạn, chỉ tiêu tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, hàng hóa; Mục nợ phải trả: chỉ tiêu thuế phải nộp nhà nước; Mục nguồn vốn: chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối.

Trên Báo cáo kết quả kinh doanh: chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn, lợi nhuận.

Bên cạnh đó, AIS cung cấp thông tin cho kế toán quản trị về quản lý và kiểm soát doanh thu, phân tích doanh thu- chi phí- lợi nhuận, tính các chỉ tiêu tài chính như tính điểm hòa vốn, số dư đảm phí, tỷ lệ số dư đảm phí, đòn bẩy hoạt động..., lập kế hoạch tài chính. Ngoài ra, quy trình trong AIS cho thấy nhiều bất cập trong hoạt động quản lý kinh doanh dịch vụ. Thông tin giữa



phòng dịch vụ và phòng kế toán không có sự kế thừa. Quá trình bán hàng diễn ra tại phòng dịch vụ. Phòng dịch vụ sử dụng phần mềm DTS trong vận hành hoạt động, từ khâu tiếp nhận, báo giá, lập lệnh, xuất kho đến nghiệm thu. Trên phần mềm DTS đã có đầy đủ và chi tiết thông tin về khách hàng, doanh thu từng công việc, từng mã phụ tùng... Tuy nhiên, phần mềm DTS không kết nối được với phần mềm Fast của kế toán nên các thông tin này không được ghi nhận dưới dạng số liệu kế toán và kế toán không thể sử dụng được. Kế toán chỉ ghi nhận doanh thu tổng của từng lệnh dịch vụ. Chính điều đó dẫn tới nguy cơ mất kiểm soát trong AIS. Quá trình lập lệnh của cố vấn dịch vụ không được kiểm soát, việc thêm bớt các hạng mục trong quá trình sửa chữa không được ghi nhận lại nên việc sửa ngoài dự toán vẫn có khả năng xảy ra. Bên cạnh việc không ghi nhận doanh thu theo từng mã phụ tùng là giá vốn được ghi nhận độc lập dưới dạng file excel. Điều đó dẫn tới khả năng phụ tùng xuất kho nhiều hơn số lượng trên hóa đơn, gây thất thoát cho công ty mà không thể kiểm tra, đối chiếu. Ngoài ra, AIS còn cho thấy điểm yếu của chu trình kinh doanh dịch vụ là không có đối chiếu công nợ giữa doanh nghiệp và khách hàng. Đây là những bất cập của AIS chu trình kinh doanh dịch vụ cấp thiết cần được khắc phục.

### *3.3.1.3 Chu trình ghi sổ kế toán và báo cáo kế toán tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C*

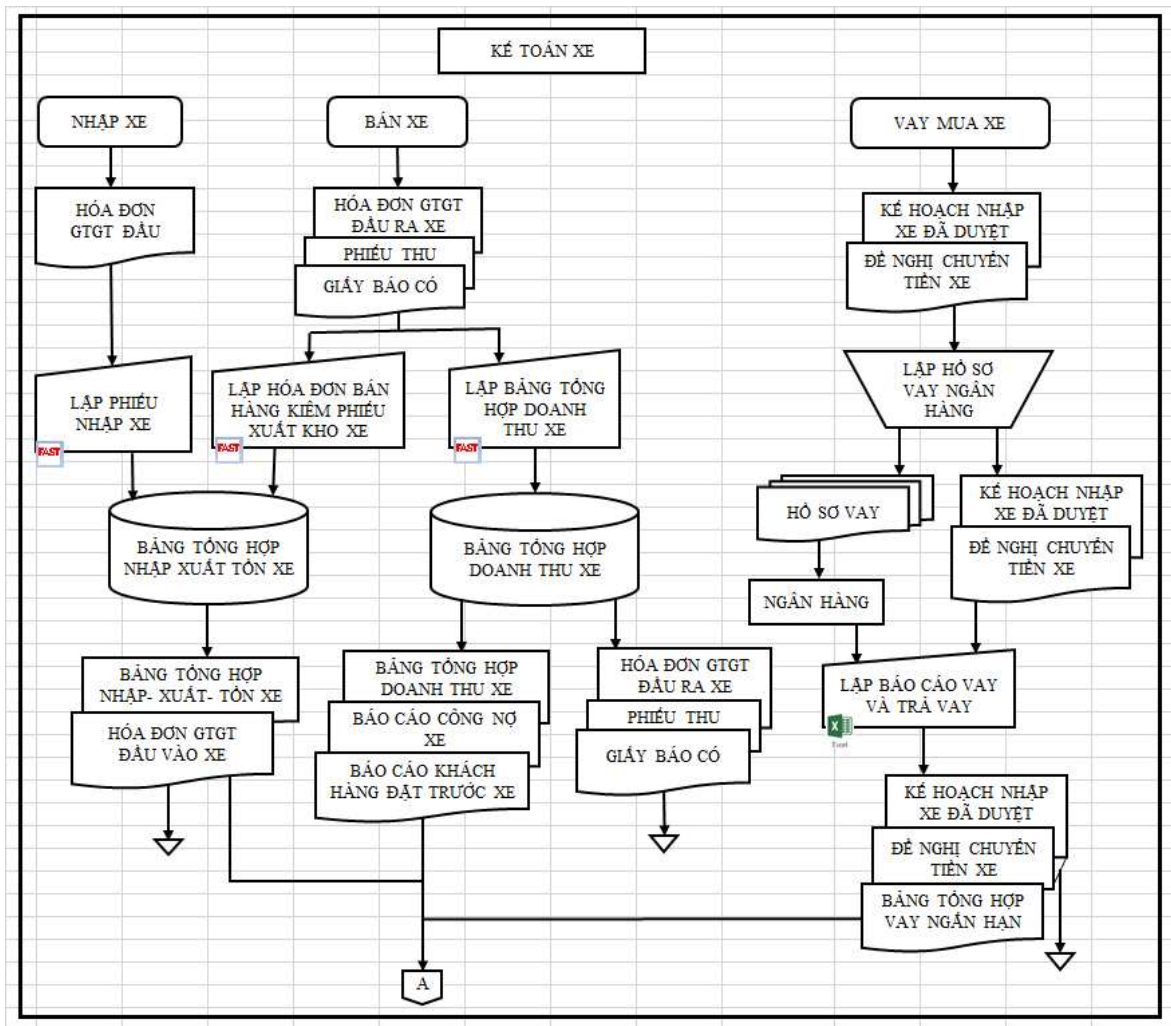
Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C sử dụng phần mềm kế toán Fast accounting. Tuy nhiên, do đặc thù ở khối kinh doanh dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng xe, sự phức tạp của lệnh sửa chữa, phần mềm Fast không thể đáp ứng được công việc ghi nhận doanh thu, giá vốn chi tiết theo từng mã phụ tùng. Vì vậy, kế toán dịch vụ, kế toán phụ tùng vẫn theo dõi và báo cáo trên file excel.

Sổ kế toán công ty đang áp dụng theo hình thức nhật ký chung, báo cáo tài chính theo kỳ kế toán năm. Tuy nhiên, hàng tháng kế toán tổng hợp phải lập

báo cáo quản trị. Báo cáo quản trị bao gồm các báo cáo: Báo cáo kết quả kinh doanh, Bảng cân đối kế toán và Bảng cân đối số phát sinh. Đây là bộ báo cáo chính phải báo cáo hội đồng quản trị. Ngoài bộ báo cáo trên, ở phòng tài chính kế toán, kế toán chi tiết lập báo cáo tổng hợp theo tháng, nộp báo cáo cho kế toán tổng hợp, kế toán trưởng và giám đốc tài chính.

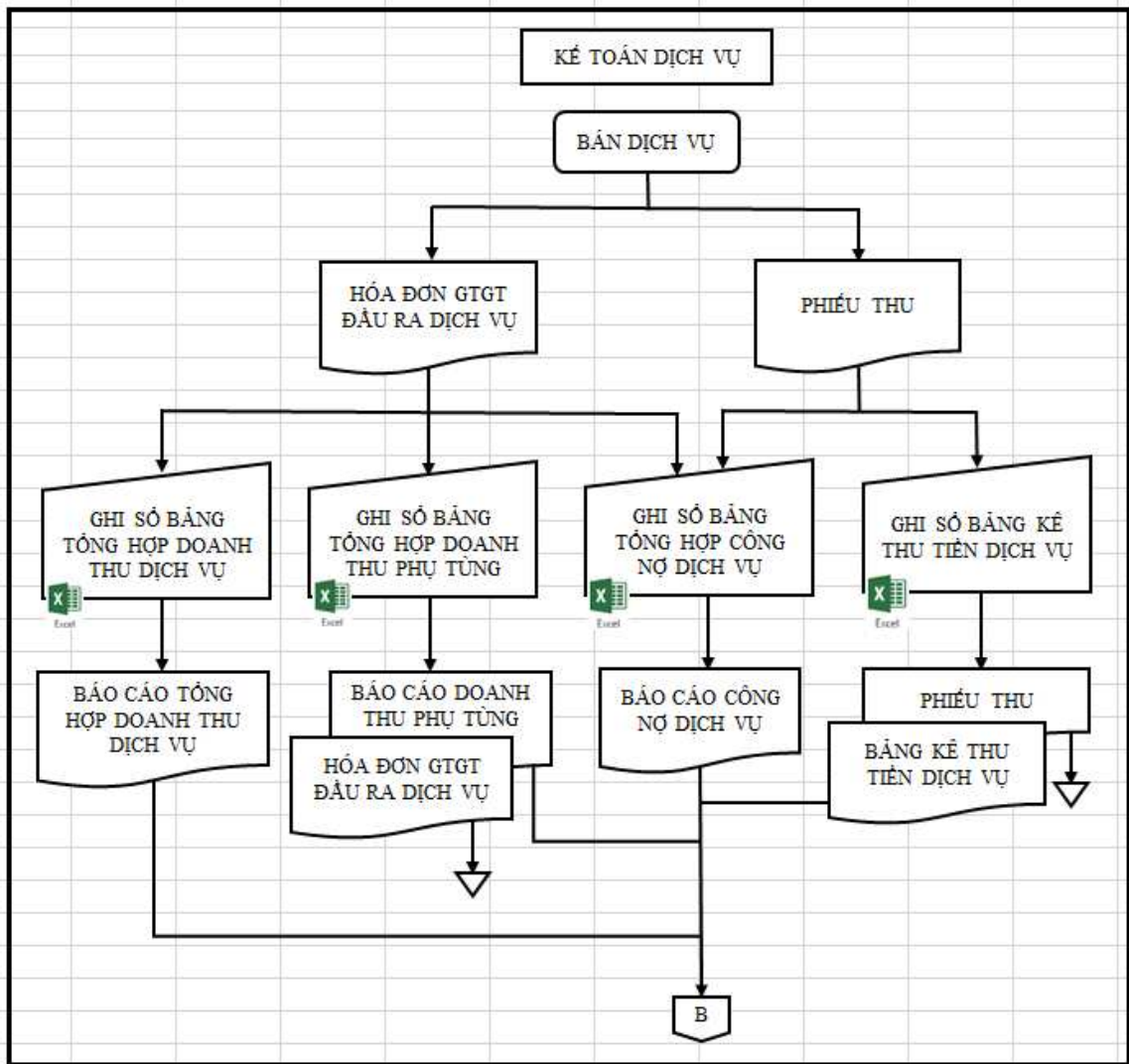
Báo cáo của kế toán tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C có thể mô tả qua lưu đồ chứng từ như sau:

Báo cáo của kế toán xe:



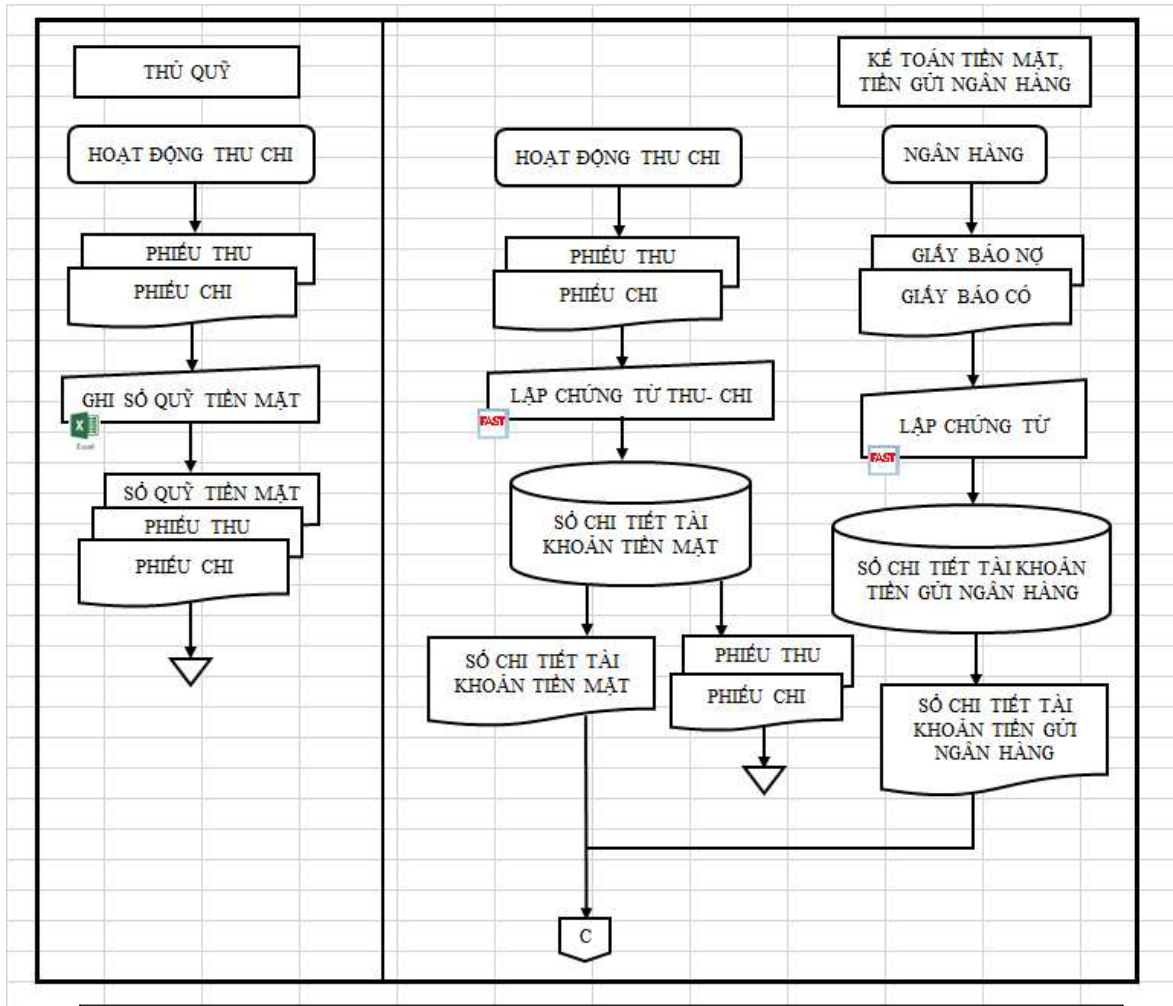
Hình 3.8: Lưu đồ chứng từ chu trình báo cáo của kế toán xe

Báo cáo của kế toán dịch vụ:



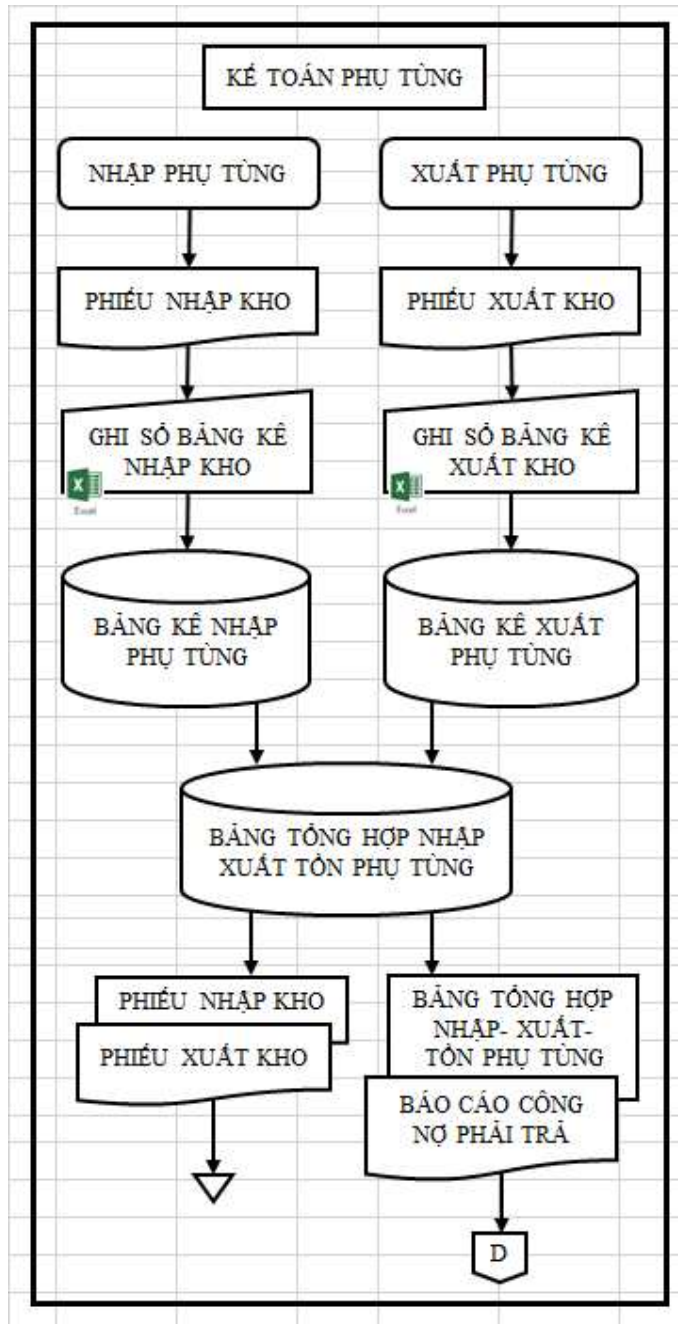
Hình 3.9: Lưu đồ chứng từ chu trình báo cáo của kế toán dịch vụ

Báo cáo của kế toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng:



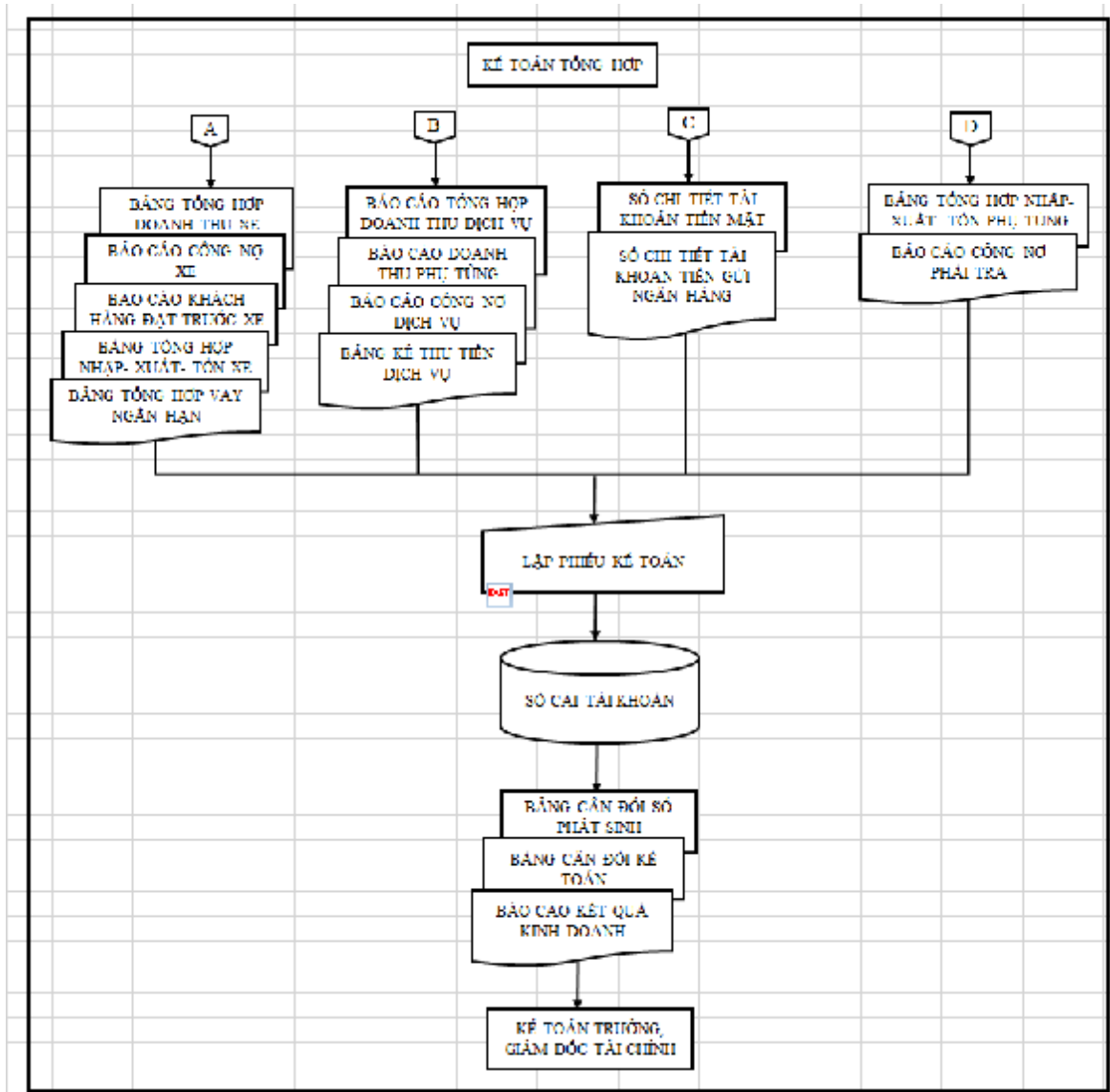
Hình 3.10: Lưu đồ chứng từ chu trình báo cáo của kế toán tiền mặt- tiền gửi ngân hàng

Báo cáo của kế toán phụ tùng:



Hình 3.11: Lưu đồ chứng từ chu trình báo cáo của kế toán phụ tùng

Báo cáo của kế toán tổng hợp:



Hình 3.12: Lưu đồ chứng từ chu trình báo cáo của kế toán tổng hợp

Cuối tháng, kế toán chi tiết nộp các báo cáo chi tiết cho kế toán tổng hợp. Kế toán tổng hợp kiểm tra, đối chiếu số liệu, kiểm tra nội dung nghiệp vụ và kiểm tra tính chính xác của định khoản kế toán. Kế toán tổng hợp lập báo cáo tài chính, phân tích tình hình tài chính của đơn vị, từ đó đưa ra kế hoạch tài chính cho kỳ kinh doanh tiếp theo.

### ***3.3.2 Dữ liệu và phần mềm xử lý dữ liệu***

Trong AIS ở Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C không có một phần mềm quản lý bao trùm tất cả các phòng chức năng mà mỗi phòng sử dụng một phần mềm khác nhau phục vụ cho công việc của mình. Phòng dịch vụ sử dụng hệ thống DTS, là hệ thống hỗ trợ chung cho đại lý ô tô Honda. Phòng kế toán sử dụng phần mềm kế toán Fast Accounting và excel để phục vụ công việc kế toán. Các phòng khác chỉ sử dụng word và excel để làm việc.

DTS là phần mềm kết nối giữa các đại lý ô tô Honda và Honda Việt Nam. Hiện nay, Honda oto Mỹ Đình đang sử dụng trong vận hành hoạt động dịch vụ, phụ tùng như báo giá, lập lệnh, tra cứu phụ tùng, đặt hàng phụ tùng, lập đơn bảo hành... và trợ giúp đưa ra các báo cáo như báo cáo lượng xe vào xưởng, doanh thu chi tiết từng bộ phận: bảo dưỡng, sửa chữa, sơn, phụ tùng..., hỗ trợ kế toán xuất hóa đơn. Toàn bộ quy trình dịch vụ được kiện toàn trong phần mềm DTS, tuy nhiên chưa sử dụng được cho công tác kế toán do chỉ mang tính liệt kê chứng từ mà không lập được sổ kế toán chi tiết.

Giao diện phần mềm DTS:



Hình 3.13: Giao diện phần mềm DTS

Cũng như các phần mềm khác, phần mềm DTS lưu trữ thông tin dưới dạng các tệp tin và dễ dàng giúp cho người sử dụng tra cứu cũng như kết xuất thông tin. Các báo cáo phục vụ cho công tác quản trị dịch vụ, phụ tùng rất chi tiết và mang tính tức thời.

Tuy nhiên, báo cáo quản trị trên phần mềm DTS không thể chính xác như số liệu kế toán do chênh lệch về thời điểm ghi nhận doanh thu: phần mềm DTS ghi nhận doanh thu khi cố vấn dịch vụ đóng lệnh, kế toán ghi nhận doanh thu khi xuất hóa đơn. Hay về tính toán lợi nhuận, phần mềm DTS tính giá vốn trên cơ sở giá trị xuất kho theo phương pháp nhập sau xuất trước, kế toán tính giá vốn trên cơ sở giá trị xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền... Dù vậy, báo cáo trên DTS đã phần nào đáp ứng được yêu cầu quản trị.

Công tác quản lý phụ tùng trở nên đơn giản hơn. Để đặt hàng phụ tùng, nhân viên kho lập lệnh trên phần mềm DTS và ngay lập tức, Honda Việt Nam nhận được đơn hàng và tiến hành đóng gói, giao hàng. Điều đó đã khắc phục được nhược điểm về vị trí địa lý do nhà máy Honda Việt Nam đặt tại Vĩnh Phúc, cách xa các đại lý ô tô. Hơn nữa, với hàng triệu mã phụ tùng, không ai có



thể nhớ được tất cả các mã và giá. Phần mềm DTS đã khắc phục được hoàn toàn vấn đề này.

Phần mềm DTS giúp cho việc lập phiếu xuất kho dễ dàng do ngay khi có vấn dịch vụ lập lệnh, phần mềm đã tự kết chuyển thông tin trên lệnh đến phân hệ quản lý phụ tùng, kế toán phụ tùng chỉ cần lựa chọn phụ tùng xuất kho từng lần và in phiếu xuất kho. Nhân viên kho cũng nhìn được vị trí của phụ tùng để đi lấy hàng. Tuy nhiên, kế toán phụ tùng không thể sử dụng phần mềm DTS để lập các báo cáo kế toán do phần mềm không hỗ trợ. Việc quản lý phụ tùng đã xuất kho thực tế và số lượng phụ tùng trên dự toán cuối cùng được đưa cho kế toán dịch vụ xuất hóa đơn có chính xác hay không không thực hiện được. Đây là nhược điểm chưa thể khắc phục của phần mềm DTS do không có sự liên kết giữa số liệu dịch vụ và kế toán.

Bên cạnh việc hỗ trợ kế toán ở khâu in phiếu xuất kho, phần mềm DTS hỗ trợ kế toán dịch vụ ở khâu in hóa đơn. Mẫu biểu hóa đơn trên DTS được thống nhất tất cả các đại lý ô tô Honda. Kế toán có thể in hóa đơn từ phần mềm DTS, giúp tiết kiệm thời gian do hệ thống tự động lấy thông tin khách hàng và doanh thu trên dự toán.

Như vậy, phần mềm DTS rất ưu việt trong hoạt động kinh doanh dịch vụ, phụ tùng nhưng chưa sử dụng được cho công tác kế toán. Để thực hiện công tác hạch toán kế toán, công ty hiện đang sử dụng phần mềm kế toán Fast Accounting.

Phần mềm Fast có giao diện đơn giản, dễ sử dụng. Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C là đơn vị kinh doanh thương mại nên để phục vụ cho công tác hạch toán kế toán thì phần mềm Fast khá phù hợp. Bên cạnh đó, phần mềm không yêu cầu máy tính phải có cấu hình cao và không cần máy chủ nên tiết kiệm được chi phí. Tuy nhiên, phần mềm mới chỉ hỗ trợ được công tác hạch toán kế toán còn các yêu cầu về quản trị chưa thực hiện được.

Kế toán xe thực hiện công việc nhập, xuất xe trên phần mềm, lập được bảng tổng hợp nhật xuất tồn xe và ghi sổ kế toán chi tiết. Với doanh thu xe, phần mềm có thể liệt kê doanh thu từng loại xe, ghi sổ kế toán chi tiết. Tuy nhiên, với chính sách bán hàng phức tạp, để tổng hợp được một xe bán được công ty phải bỏ ra chi phí bao nhiêu ngoài giá vốn thì không tổng hợp được. Các báo cáo quản trị kế toán xe vẫn phải làm trên excel.

Kế toán phụ tùng quản lý phụ tùng qua các bảng biểu excel. Thao tác trên phần mềm Fast mới dừng ở ghi sổ chi tiết tài khoản, quản lý về mặt giá trị mà không quản lý được mặt số lượng.

Kế toán dịch vụ cũng chỉ sử dụng được phần mềm Fast trong ghi sổ chi tiết doanh thu dịch vụ theo tổng doanh thu trên hóa đơn. Do một lệnh sửa chữa thường rất dài và có nhiều hạng mục, yêu cầu quản trị cần theo dõi doanh thu chi tiết hơn, như: doanh thu công sửa chữa, doanh thu phụ tùng, doanh thu sơn, doanh thu bảo dưỡng, doanh thu sửa chữa chung.... doanh thu theo lệnh sửa chữa, doanh thu theo biển số, doanh thu theo khách hàng, doanh thu theo cố vấn dịch vụ.... Mặt khác, một lệnh sửa chữa có thể có một, hai hoặc ba đối tượng ghi nhận công nợ : khách hàng, bảo hiểm, Honda Việt Nam. Việc quản lý doanh thu, công nợ dịch vụ khá phức tạp mà phần mềm Fast không đáp ứng được. Vì vậy, các báo cáo quản trị về doanh thu và theo dõi chi tiết công nợ kế toán dịch vụ vẫn phải sử dụng excel.

Kế toán tiền mặt và tiền gửi ngân hàng sử dụng phần mềm Fast để ghi sổ chi tiết tài khoản. Tuy nhiên, với hoạt động thu tiền dịch vụ, thu ngân dịch vụ thu tiền trong ngày, lập bảng kê và cuối ngày nộp về quỹ chính. Khi đó, kế toán mới ghi sổ chi tiết thu tiền dịch vụ theo số tổng tiền thu dịch vụ.

Kế toán tổng hợp ghi sổ các bút toán kế toán tổng hợp và lập báo cáo tài chính trên phần mềm Fast Accounting. Tuy nhiên, để lập các bút toán tổng hợp,

kế toán tổng hợp vẫn phải lập các bảng chi tiết trên excel như: Bảng tính và thanh toán lương, Bảng tính khấu hao tài sản cố định...

Do rất nhiều bất cập của hệ thống DTS và phần mềm Fast Accounting, phần mềm Microsoft Office vẫn được sử dụng phổ biến trong AIS ở Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C. Phần mềm Microsoft Office thân thiện, phổ biến mà bất kỳ ai cũng phải học khi làm văn phòng. Các bảng biểu được liên kết với nhau qua các hàm công thức và trình bày được những bảng tính phức tạp nhất mà ít có phần mềm nào có thể đáp ứng được. Trong một trang excel, người sử dụng có thể tạo nhiều bảng với nhiều sự liên kết số liệu để dễ dàng tra cứu được nhiều thông tin mà không phải mở từng trang báo cáo như khi sử dụng phần mềm.

Báo cáo của phòng kinh doanh được theo dõi chi tiết từng loại xe tồn bao nhiêu, có bao nhiêu xe đã có đặt cọc, bao nhiêu xe còn nhập trong tháng, khả năng nhận thêm khách hàng, kế hoạch đặt xe trong các tháng tiếp, kế hoạch tồn kho các tháng tiếp....

Các báo cáo quản trị của kế toán được thực hiện dễ dàng và chi tiết.

Báo cáo doanh thu của kế toán xe thể hiện được thông tin khách hàng, thông tin xe như số khung, số máy, màu xe, loại xe, số hóa đơn, tổng doanh thu, tổng hợp chính sách bán hàng (khuyến mại phụ kiện, bảo hiểm, chi phí giao xe, chi hoa hồng...), chi tiết thanh toán, công nợ...

Báo cáo doanh thu của kế toán dịch vụ chi tiết theo số lệnh, thông tin khách hàng, biển số xe, nội dung sửa chữa ( sơn, lắp phụ kiện, bảo dưỡng, bảo hành, sửa chữa chung, kiểm tra 1000km....), doanh thu phân loại theo phụ tùng, tiền công, khác, chi tiết thanh toán (tiền mặt, chuyên khoản), công nợ ghi nhận cho khách hàng, bảo hiểm, Honda Việt Nam, số tiền khuyến mại, số hóa đơn, tên cổ vấn dịch vụ....

Báo cáo nhập xuất tồn phụ tùng của kế toán phụ tùng chi tiết cho từng mã phụ tùng cả về số lượng và giá trị, tính đơn giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cho từng phụ tùng.

Như vậy, ta có thể thấy trong AIS ở Công ty D&C sử dụng đồng thời ba phần mềm: phần mềm DTS, phần mềm Fast và phần mềm Excel. Do đó, dữ liệu và phần mềm xử lý dữ liệu trong AIS ở Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C thiếu sự liên kết, dẫn đến nhiều chỗ hỏng trong quản lý, yêu cầu cần có một phần mềm thống nhất để đảm bảo tính kiểm soát trong công tác quản trị.

### ***3.3.3 Hệ thống phần cứng sử dụng trong tổ chức AIS tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C***

Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C trang bị hệ thống máy tính khá đầy đủ. Các vị trí cần sử dụng máy vi tính đều đảm bảo mỗi người một máy. Công ty có riêng một nhân viên phụ trách mảng công nghệ thông tin đảm bảo cho hệ thống máy tính và mạng máy tính hoạt động bình thường và được sửa chữa kịp thời, không bị gián đoạn công việc.

Công ty trang bị mạng internet tốc độ cao của FPT gói cho doanh nghiệp, sử dụng mạng dây và mạng wifi bao trùm toàn bộ công ty. Ở các tầng và rải rác các vị trí khắp công ty đều có switch phát wifi đảm bảo cho đường truyền internet được ổn định với tốc độ nhanh. Bên cạnh đó, mạng nội bộ có cấu hình mạng LAN theo hình sao, kết nối các máy tính trong nội bộ công ty để đảm bảo tính bảo mật của thông tin.

### ***3.3.4 Hệ thống kiểm soát nội bộ tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C***

Công ty CP Đầu tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C không xây dựng ban kiểm soát riêng mà các giám đốc, trưởng các bộ phận chịu trách nhiệm kiểm soát hoạt động trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình. Công cụ sử

dụng trong hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty là AIS với các chu trình kinh doanh khép kín cùng với nội quy của công ty. Đây là các công cụ hữu hiệu trong hoạt động kiểm soát nội bộ.

Chu trình kinh doanh của công ty khá phức tạp. Chính vì vậy, trách nhiệm kiểm soát hoạt động tài chính của phòng kế toán khá nặng nề. Kế toán tham gia vào công tác kiểm soát nội bộ của công ty qua kiểm soát chứng từ kế toán và tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Khi kiểm tra chứng từ, kế toán phải kiểm tra tính rõ ràng, trung thực, đầy đủ của các chỉ tiêu, các yếu tố ghi chép trên chứng từ kế toán. Kiểm tra tính hợp pháp và tính cho phép của nghiệp vụ kinh tế (phải có đề nghị mua hàng, đề xuất, tờ trình của các phòng ban được các cấp có thẩm quyền phê duyệt...). Đối chiếu chứng từ kế toán với các tài liệu khác liên quan (giá trên hóa đơn phải khớp với báo giá đã được phê duyệt, mặt hàng trên phiếu nhập phải khớp với mặt hàng trên phiếu giao hàng...). Kiểm tra tính chính xác của số liệu, thông tin trên chứng từ kế toán.

Công việc kiểm soát tại phòng kế toán thể hiện rất rõ qua việc lập chứng từ kế toán. Các yêu cầu bắt buộc tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C khi lập các chứng từ thu, chi, hóa đơn, phiếu nhập- xuất kho hàng hóa và phiếu kế toán tổng hợp như sau:

Đối với chứng từ thu: tại doanh nghiệp có 3 loại chứng từ thu: chứng từ thu xe, chứng từ thu dịch vụ và chứng từ thu khác. Mỗi loại chứng từ thu có các yêu cầu riêng:

Với chứng từ thu xe, kế toán chỉ lập phiếu thu xe trong các trường hợp: viết phiếu thu cho khách hàng đặt cọc mua xe chỉ khách hàng đã ký hợp đồng kinh tế, các lần thu tiền xe các lần tiếp theo: căn cứ số tiền ghi trên Đề nghị thanh toán tiền mua xe. Trường hợp khách hàng không đến công ty để nộp tiền,

nhân viên kinh doanh mang phiếu thu đi thu tiền tận nơi cho khách, không có thủ quỹ đi thu: phải có Giấy xin bảo lãnh đi thu tiền đặt cọc. Mục đích kiểm soát phiếu thu xe này là để tránh trường hợp nhân viên kinh doanh tự ý thương thảo hợp đồng với khách khi chưa được sự chấp thuận của giám đốc và đặt công ty vào trạng thái đã thu tiền đặt cọc và bắt buộc phải thực hiện hợp đồng (khi không đủ xe giao cho khách). Hoặc khi nhân viên kinh doanh đi thu tiền của khách, giữ tiền của khách mà không nộp về công ty.

Với chứng từ thu dịch vụ (sửa xe, bán phụ tùng, phụ kiện), kế toán lập phiếu thu khi có Dự toán (Lệnh sửa chữa), Lệnh phụ tùng, Lệnh phụ kiện hoặc khi có Báo giá đã có chữ ký của khách hàng. Mục đích của kiểm soát chứng từ thu dịch vụ là để tránh trường hợp khách hàng không biết về giá trị thực của hợp đồng.

Với các chứng từ thu khác như thu hộ tiền bán bảo hiểm, gia hạn bảo hành: kế toán lập phiếu thu khi có Giấy chứng nhận bảo hiểm hay Giấy chứng nhận gia hạn bảo hành; thu tiền bồi thường, thu tiền bán phế liệu, thu hoàn ứng.... ghi theo thực thu hoặc có chứng từ liên quan. Đảm bảo mọi hoạt động thu của công ty đều có chứng từ đầy đủ, rõ ràng.

Đối với chứng từ chi, kế toán chỉ lập phiếu chi khi có đủ bộ chứng từ kèm theo: Đề nghị thanh toán đã được duyệt, Đề nghị mua hàng hóa, Báo giá, Hóa đơn, Hợp đồng (nếu có), Phiếu giao hàng, Phiếu nhập kho... Việc kiểm soát hoạt động thanh toán ở Công ty khá chặt chẽ. Mục đích kiểm soát chứng từ chi là để tiền của công ty không bị thất thoát, sử dụng đúng mục đích và đã có sự kiểm soát từ khâu lấy báo giá, lựa chọn nhà cung cấp.

Đối với hóa đơn giá trị gia tăng là hóa đơn đặt in, có các quy định sau:

Với hóa đơn xe: nếu là xe trả thẳng (khách hàng không làm trả góp): kế toán xuất hóa đơn khi đủ bộ chứng từ: Xác nhận giao hàng, Đề nghị bán xe.

Nếu là xe trả góp (khách hàng vay ngân hàng): kế toán xuất hóa đơn khi có đủ các chứng từ: Giấy mượn xe đi đăng ký, Đề nghị bán xe, Thông báo cho vay để thanh toán tiền mua xe ô tô. Giá trị xe ô tô rất lớn. Vì vậy, việc kiểm soát hóa đơn xe rất quan trọng. Khi xuất hóa đơn là việc giao xe cho khách hàng đã được sự chấp thuận của giám đốc và xe đã được thanh toán hết hoặc có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng.

Với hóa đơn dịch vụ: kế toán xuất hóa đơn khi có đủ bộ hồ sơ gồm: Phiếu tiếp nhận, Báo giá, Lệnh sửa chữa, Phiếu yêu cầu sửa chữa, Phiếu xuất kho (nếu có), Biên bản kiểm tra cuối. Với hóa đơn phụ tùng, phụ kiện: kế toán xuất hóa đơn khi có Lệnh phụ tùng, phụ kiện, Phiếu xuất kho. Việc kiểm soát này nhằm mục đích đảm bảo số lượng xuất kho phụ tùng và công việc sửa chữa được tiến hành đúng với nội dung ghi trên lệnh.

Đối với chứng từ nhập xuất kho hàng hóa, kế toán lập ngay khi phát sinh việc nhập, xuất hàng hóa. Đi cùng phiếu nhập xuất cần thu thập đủ các chứng từ sau:

Với phiếu nhập kho xe: bộ chứng từ kèm theo gồm Hóa đơn giá trị gia tăng, Hóa đơn nội (hóa đơn GTGT sao y của Honda Việt Nam), Phiếu giao hàng, Giấy kiểm tra chất lượng xuất xưởng (xe trong nước), Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu, Tờ khai nguồn gốc xe ô tô nhập khẩu (xe nhập khẩu).

Với phiếu nhập kho phụ tùng, phụ kiện: bộ chứng từ kèm theo gồm Hóa đơn giá trị gia tăng, Phiếu vận chuyển.

Với phiếu xuất kho xe: bộ chứng từ kèm theo gồm: Hóa đơn giá trị gia tăng, Xác nhận giao hàng, Giấy xác nhận tình trạng thanh toán.

Với phiếu xuất kho phụ tùng: kế toán lập phiếu xuất kho khi có phiếu yêu cầu sửa chữa hoặc Lệnh bán phụ tùng.

Với phiếu xuất kho phụ kiện: kế toán lập phiếu xuất kho khi có xác nhận thanh toán hoặc xác nhận ghi nhận công nợ của kế toán trên Lệnh phụ kiện.

Tất cả việc kiểm soát xuất nhập xe, phụ tùng trên nhằm mục đích kiểm soát hàng hóa của công ty, tránh thất thoát và gian lận.

Đối với phiếu kế toán tổng hợp: phiếu kế toán tổng hợp phải được ghi nhận một cách cẩn thận, chính xác và có chứng từ kèm theo. Ví dụ: Phiếu hạch toán lương kèm theo phải có Bảng chấm công, Bảng tính lương, Bảng tính thưởng, Bảng tính phạt, Bảng tính các khoản trích theo lương... Phiếu hạch toán khấu hao phải kèm theo bảng tính và phân bổ khấu hao. Phiếu hạch toán giảm trừ doanh thu phải kèm theo bộ chứng từ trước và sau khi giảm doanh thu....

Ngoài việc kiểm soát qua chứng từ kế toán như trên, kế toán lập các báo cáo quản trị để phân tích hoạt động của các phòng ban, các vị trí. Cụ thể, kế toán dịch vụ lập báo cáo doanh thu theo cố vấn dịch vụ, báo cáo doanh thu theo kỹ thuật viên. Kế toán xe lập báo cáo doanh thu theo nhân viên kinh doanh. Kế toán phụ tùng lập báo cáo kiểm kê hàng tồn kho.... Các số liệu sẽ cho thấy chất lượng hoạt động của các nhân viên.

Như vậy, ta có thể thấy hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C hoạt động khá hiệu quả. Duy nhất nhược điểm của AIS là thiếu sự liên kết của các phần mềm trong các chu trình kinh doanh dẫn đến có các nguy cơ tiềm tàng mà hệ thống không kiểm soát được.

### **3.4 Đánh giá hệ thống thông tin kế toán tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C**

#### **3.4.1 Ưu điểm**

Với một doanh nghiệp kinh doanh mặt hàng có giá trị cao là ô tô và cung cấp dịch vụ sửa chữa xe ô tô, AIS được xây dựng rất phù hợp với đặc điểm và



đặc thù của đơn vị. Trong những năm đầu công ty mới hoạt động, AIS bộc lộ rất nhiều ưu điểm trong xây dựng quy trình làm việc và tạo nề nếp trong công việc.

AIS đã cung cấp thông tin cho kế toán tài chính để lập các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính cũng như cung cấp thông tin cho kế toán quản trị để lập báo cáo quản trị, phân tích tình hình tài chính, lập kế hoạch tài chính, giúp nhà lãnh đạo đưa ra quyết định và góp phần không nhỏ giúp kiểm soát hoạt động nội bộ.

Trong các chu trình của AIS ở Công ty D&C, một số quy trình được kiểm soát khá chặt chẽ. Ở quy trình chi tiêu mua hàng hóa không qua kho hay mua phụ tùng khai thác, là những mặt hàng không thường xuyên phát sinh, việc mua hàng được kiểm soát chặt từ khâu lựa chọn nhà cung cấp, báo giá, nhập hàng tới khâu thanh toán. Bộ phận phụ trách mua hàng lấy báo giá của các nhà cung cấp, bộ phận kế toán kiểm tra, đối chiếu giá trên thị trường, tổng giám đốc xét duyệt, kế toán kiểm tra hàng nhập về... Điều đó đã hạn chế các tiêu cực thường gặp trong khâu mua hàng.

Trong chu trình chi tiêu mua phụ tùng Honda hay chu trình kinh doanh dịch vụ, phần mềm DTS- phần mềm hỗ trợ đại lý của Honda Việt Nam- đã cho thấy sự hiện đại hóa của quy trình. Phần mềm DTS giúp thời gian tiếp nhận xe, báo giá và tiến hành sửa chữa, xuất kho phụ tùng... được thực hiện nhanh chóng. Cố vấn dịch vụ cũng như nhân viên phụ tùng không phải nhớ từng mã phụ tùng hay phải tra cứu vất vả. Thông tin từ lệnh sửa chữa liên kết tới kho nên không mất thời gian lập phiếu.

Bên cạnh các ưu điểm trên, trong AIS ở Công ty D&C cũng tồn tại khá nhiều hạn chế.

### **3.4.2 Hạn chế**

Thứ nhất, trong AIS, thông tin không có sự liên kết chặt chẽ do sử dụng nhiều hệ thống phần mềm: phần mềm hỗ trợ đại lý ô tô Honda DTS, phần mềm

kế toán Fast Accounting và báo cáo quản trị dựa trên file excel. Vì vậy, cùng một cơ sở dữ liệu, người nhập liệu phải nhập đi nhập lại nhiều lần ở các phần mềm khác nhau. Điều đó vừa gây mất thời gian, vừa làm giảm mức độ chính xác của thông tin và tạo khó khăn trong kiểm soát của doanh nghiệp.

Với một xe ô tô vào đại lý để sửa chữa, thông tin về khách hàng, xe và chi tiết của lệnh sửa chữa được theo dõi trên phần mềm DTS. Tuy nhiên, các thông tin này không được liên kết tới phần mềm Fast của kế toán mà kế toán phải nhập lại dữ liệu của lệnh. Việc nhập lại này vừa gây mất thời gian, vừa không đảm bảo sự chính xác của số liệu. Hơn thế nữa, tại công ty D&C, việc xuất kho phụ tùng được thực hiện trước khi kế toán ghi nhận doanh thu, công nợ, và được theo dõi thủ công trên phần mềm excel. Do đó, việc theo dõi phụ tùng đã xuất kho có thu được tiền hay không rất khó khăn. Phụ tùng ô tô thường có giá trị không nhỏ. Vì vậy, việc không theo dõi chi tiết giá vốn, doanh thu theo từng mã phụ tùng rất có thể sẽ dẫn tới thất thoát tài sản của công ty.

Thứ hai, hạn chế của AIS ở Công ty D&C hiện nay là số liệu kế toán không kịp thời. Thông thường, thời gian ghi sổ của kế toán thường trễ hơn thời gian nghiệp vụ phát sinh, các báo cáo kế toán thường chỉ làm được vào cuối tháng, khi đã khóa sổ. Các báo cáo nhanh của kế toán quản trị độ chính xác không cao. Do đó, thông tin về kế toán thường ít hỗ trợ cho các quyết định nhanh của nhà quản trị.

Thị trường ô tô cạnh tranh khá khốc liệt. Nhà quản lý phải thường xuyên đưa ra quyết định về chính sách bán hàng để phù hợp với thị trường và tăng sản lượng tiêu thụ. Các quyết định này phải căn cứ vào biên lợi nhuận của từng xe, là số liệu trên báo cáo của kế toán. Ô tô là mặt hàng có giá trị lớn. Vì vậy, chi phí trực tiếp cho một chiếc xe ô tô không chỉ giá vốn của nó mà còn có chi phí tài chính (chi phí lãi vay tính trên số ngày lưu kho), chi phí quản lý (lương, thưởng của nhân viên kinh doanh, chi phí thuê kho...). Các chi phí này thường

khá lớn. Bên cạnh đó, để tính ra biên lợi nhuận của một chiếc xe, kế toán phải phân bổ các chi phí quản lý chung cho nó. Phần mềm kế toán Fast hiện nay đang sử dụng chưa thể đáp ứng được việc tính toán và đưa ra báo cáo tức thời cho nhà quản lý về biên lợi nhuận này. Do đó, các báo cáo nhanh của kế toán quản trị thường độ chính xác không cao và không giúp được nhà quản lý đưa ra quyết định. Đây chính là hạn chế không nhỏ của AIS.

Thứ ba, xuất phát từ sự thiếu luân chuyển của thông tin trong AIS dẫn tới một số quy trình khá rắc rối và phát sinh nhiều giấy tờ, gây khó khăn cho nhân viên khi thực hiện. Thông tin về tình trạng thanh toán của khách hàng không được cập nhật ngay lập tức tới phòng kinh doanh dẫn đến việc khi nhân viên kinh doanh trình ký các giấy tờ liên quan đến việc bán xe phải xin giấy xác nhận tình trạng thanh toán nhiều lần của phòng kế toán. Điều này gây bất cập cho việc quản lý và hợp tác của cả hai phòng kế toán, kinh doanh và gây mất thời gian cho nhân viên kinh doanh cũng như của khách hàng. Cũng từ sự phức tạp của giấy tờ dẫn tới bức xúc của nhân viên và gây khó khăn trong hoạt động quản lý nhân sự.

Thứ tư, trong quy trình kinh doanh phụ tùng, hoạt động đặt mua phụ tùng Honda Việt Nam đang bị mất kiểm soát. Nhân viên kho đặt phụ tùng trực tiếp tới nhà máy, không qua các cấp phê duyệt như trưởng phòng, giám đốc. Tổng giá trị đặt và nhập phụ tùng hàng tháng lớn. Phụ tùng đặt về có thời gian tồn kho lâu ngày giá trị lên tới cả trăm triệu đồng. Đây là do ý chí chủ quan của người đặt và có thể do sơ sót khi đặt sai mã hàng đã dẫn tới tình trạng tồn kho. Bên cạnh đó, việc đặt và nhập phụ tùng không qua bộ phận tài chính kế toán kiểm soát, dễ dẫn tới tình trạng mất cân đối tài chính do vốn lưu động nằm trong hàng tồn kho. Đây là hậu quả khá nghiêm trọng đối với bất cứ công ty nào.

Các hạn chế trên ngày càng bộc lộ rõ khi công ty mở rộng về quy mô, các tiêu cực có thể xảy ra như: cố vấn dịch vụ có thể lập lệnh sửa chữa trên phần

mềm DTS, thu tiền riêng của khách không qua công ty; Nhân viên kho xuất phụ tùng không cần lệnh mà kế toán không kiểm soát được; thiếu vốn lưu động do giá trị phụ tùng tồn kho cao; công nợ khách hàng không chính xác, công nợ quá hạn tăng cao... Đây là những hậu quả rất nghiêm trọng, có thể đe dọa tới sự tồn tại của công ty. Vì vậy, để công ty phát triển an toàn và bền vững, những tiêu cực này cần được ngăn chặn và giải quyết triệt để.

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

Luận văn đã đánh giá được thực trạng hệ thống thông tin kế toán tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C. Luận văn đã cho người đọc có cái nhìn toàn cảnh về tổ chức của công ty, cách thức hoạt động và kinh doanh của công ty. Qua mô tả và sử dụng lưu đồ chứng từ để hình ảnh hóa các chu trình kinh doanh, luận văn đã hệ thống lại các quy trình cho Công ty D&C để nhân viên trong công ty dễ tiếp cận và thực hiện. Cũng qua đó, người viết đã có những đánh giá về những ưu điểm và hạn chế của AIS ở Công ty D&C. Bên cạnh đó, luận văn đã giới thiệu các phần mềm và hệ thống phần cứng đang sử dụng ở Công ty D&C. Luận văn cũng đã mô tả chi tiết cách thức hệ thống kiểm soát nội bộ đang hoạt động. Qua phân tích các hạn chế của AIS, người viết chỉ ra các hạn chế có thể dẫn tới hậu quả nghiêm trọng tới sự tồn tại và phát triển của công ty. Do đó, với đà tăng trưởng và phát triển nhanh chóng của doanh nghiệp, yêu cầu cần thay đổi và hoàn thiện AIS là rất cấp thiết.

## **CHƯƠNG 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CP ĐẦU TƯ KINH DOANH TỔNG HỢP D&C**

### **4.1. Phương hướng hoàn thiện tổ chức hệ thống thông tin kế toán tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C**

Với những thực trạng của AIS ở Công ty D&C ở trên, để khắc phục thì biện pháp tối ưu là xây dựng một hệ thống phần mềm ERP để quản trị toàn bộ các chu trình kinh doanh. Với ưu điểm của hệ thống ERP, toàn bộ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được thao tác trên một phần mềm nên giảm thiểu được tối đa sự trùng lặp công việc, tiết kiệm thời gian, chi phí. Bên cạnh đó, hệ thống ERP còn có ưu điểm là tăng tính kiểm soát do có sự liên kết số liệu, dễ dàng kiểm tra đối chiếu.

Tuy nhiên, khi ứng dụng hệ thống ERP, các bộ phận đều tác động vào hệ thống nên đòi hỏi các nhân viên phải có trình độ nhất định và phải hiểu về hệ thống. Một vị trí làm sai có thể kéo theo cả một dây truyền bị sai.

Mặt khác, chi phí là một yếu tố cần cân nhắc khi quyết định xây dựng và áp dụng hệ thống ERP bởi chi phí cho một hệ thống ERP thường cao hơn rất nhiều các phần mềm thông thường.

Lựa chọn nhà cung cấp giải pháp hệ thống ERP cũng đòi hỏi nhiều cân nhắc bởi doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh khá đặc thù. Hệ thống ERP mới phải bao trùm được toàn bộ hoạt động kinh doanh chính của doanh nghiệp. Đặc biệt, nó phải thay thế được phần mềm DTS (phần mềm hỗ trợ đại lý của Honda Việt Nam) vốn đang được sử dụng rất hiệu quả trong hoạt động dịch vụ.

Như vậy, phương hướng hoàn thiện AIS tại Công ty D&C mà người viết đưa ra là xây dựng và ứng dụng hệ thống quản trị ERP phù hợp với doanh

nghiệp. Để áp dụng thành công hệ thống ERP, luận văn đưa ra bộ giải pháp toàn diện các mặt của AIS tại Công ty D&C.

## **4.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức AIS tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C**

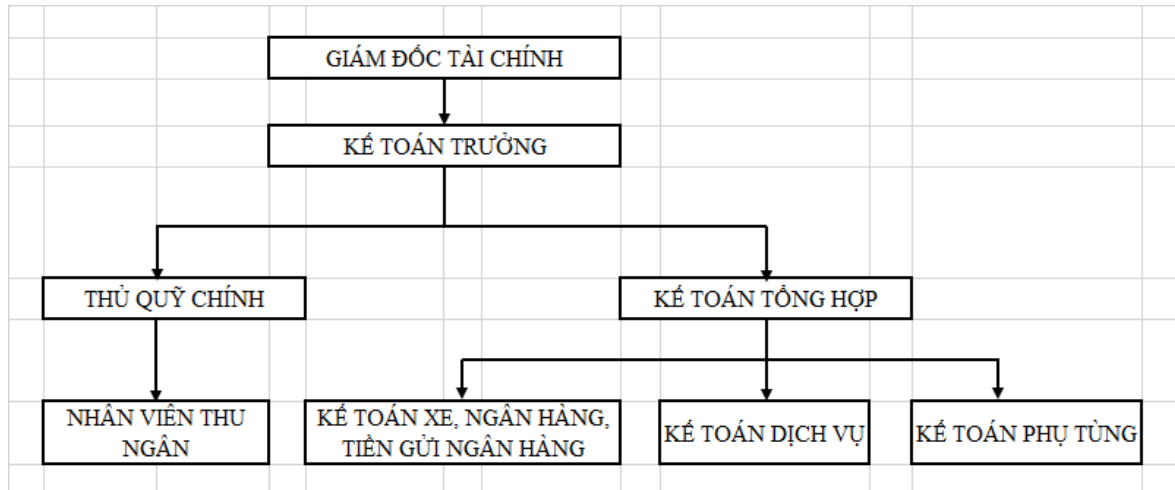
### ***4.2.1 Hoàn thiện về tổ chức bộ máy kế toán***

Phòng kế toán hiện có chín nhân viên gồm giám đốc tài chính, kế toán trưởng, kế toán tổng hợp, hai nhân viên quỹ và bốn nhân viên kế toán chi tiết. Khi áp dụng hệ thống quản trị ERP, nhân viên được giải phóng khỏi khâu cập nhật chứng từ, vì vậy có thể tăng cường các hoạt động kiểm soát và có thể kiêm nhiệm công việc cũng như giảm số lượng nhân sự.

Hiện nay đang phải sử dụng bốn nhân viên kế toán chi tiết cho các vị trí: kế toán xe kiêm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, kế toán dịch vụ, kế toán phụ tùng và kế toán ngân hàng (phụ trách hoạt động tín dụng của doanh nghiệp). Khi áp dụng hệ thống ERP, kế toán xe có thể kiêm nhiệm công việc kế toán ngân hàng và kế toán tiền gửi ngân hàng. Kế toán tổng hợp kiêm nhiệm công việc của kế toán tiền mặt. Kế toán dịch vụ và kế toán phụ tùng giữ nguyên do đặc thù công việc, bên cạnh đó tăng cường kiểm soát doanh thu, phụ tùng vốn đang có nhiều lỗ hổng trong quản lý. Có thể kiêm nhiệm được công việc do lượng công việc nhập liệu giảm đi đáng kể và việc kiểm soát công nợ trở nên dễ dàng và chính xác hơn. Với công việc của kế toán xe trước đây, khi cần xuất hóa đơn cho một xe, phải lấy thông tin khách hàng: tên, địa chỉ, mã số thuế; thông tin về xe: loại xe, màu xe, số khung, số máy, tiền hàng, tiền thuế... Khi áp dụng hệ thống ERP, tất cả các thông tin trên được lấy tự động qua số hợp đồng nên tiết kiệm thời gian và độ chính xác cao. Hơn thế nữa, sử dụng hệ thống ERP giúp kế toán kiểm soát công nợ tốt hơn do ngay khi lập hợp đồng, hệ thống đã giúp xác định số tiền phải thu. Mỗi lần khách hàng thanh toán, hệ thống sẽ tự động cập nhật tình trạng thanh toán và người dùng dễ dàng tìm hiểu chi tiết các lần thanh toán.

Do đó, công việc của kế toán xe được giảm tải và có thể kiêm nhiệm thêm phần việc khác có cùng tính chất như công việc của kế toán ngân hàng.

Như vậy, với việc áp dụng hệ thống ERP, công ty chỉ cần sử dụng ba kế toán chi tiết thay vì bốn người. Người viết đề xuất tổ chức bộ máy kế toán theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 4.1: Phương án hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty D&C

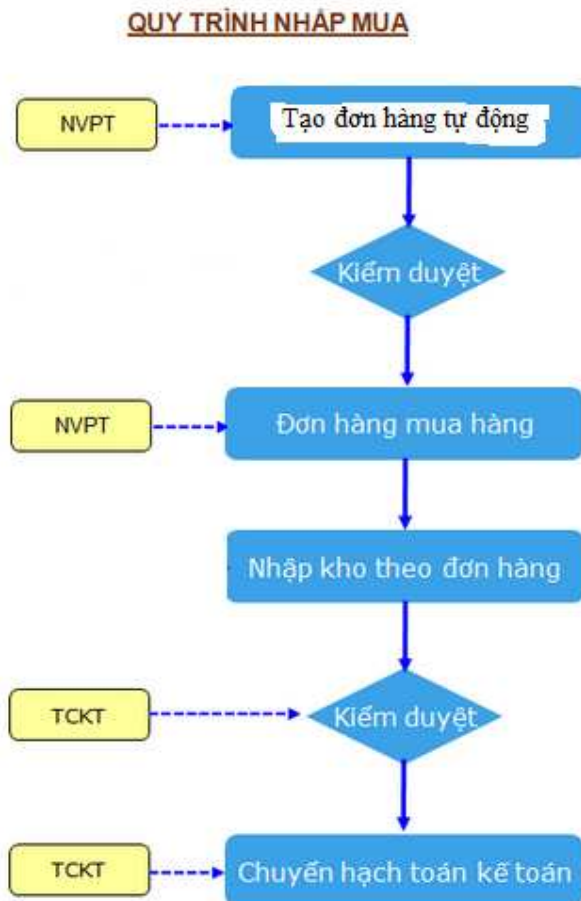
#### 4.2.2 Hoàn thiện về tổ chức các chu trình kinh doanh

Yêu cầu bức thiết để hoàn thiện AIS ở Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C là cần thiết có một hệ thống quản trị ERP để quản trị toàn bộ các chu trình kinh doanh theo một thể thống nhất. Với đặc thù của đơn vị kinh doanh ô tô có hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, việc lựa chọn một phần mềm có thể đáp ứng được yêu cầu quản lý, thay được cho cả phần mềm hỗ trợ đại lý DTS là không hề đơn giản. Qua tham khảo một số đại lý ô tô như Toyota Thăng Long, Nissan Long Biên, Chevrolet Thủ Đô, Mazda Nguyễn Trãi,... công ty lựa chọn Công ty CP Phần Mềm Quản Trị Doanh Nghiệp Cybersoft để xây dựng hệ thống ERP quản trị riêng cho doanh nghiệp.

##### 4.2.2.1 Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán chu trình chi tiêu

Nhược điểm chính của chu trình chi tiêu là việc đặt mua phụ tùng Honda không được kiểm soát. Vì vậy, trên phần mềm Cyber cần xây dựng quy trình quản lý đặt mua phụ tùng. Các đơn đặt hàng phải được lập trên phần mềm và có các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Quy trình quản lý mua phụ tùng trên phần mềm Cyber



Hình 4.1: Quy trình nhập mua phụ tùng - phần mềm Cyber

(Nguồn: Công ty CP Phần Mềm Quản Trị Doanh Nghiệp Cybersoft)

Trong quy trình quản lý mua phụ tùng, phụ kiện, mỗi đơn hàng mua hàng trên phần mềm Cyber đều được cấp có thẩm quyền (trưởng phòng phụ tùng, kế toán trưởng, tổng giám đốc) phê duyệt trước khi đặt mua. Làm được điều đó bởi khi lập đơn hàng trên phần mềm, nhân viên không phải in ra chứng từ và đi



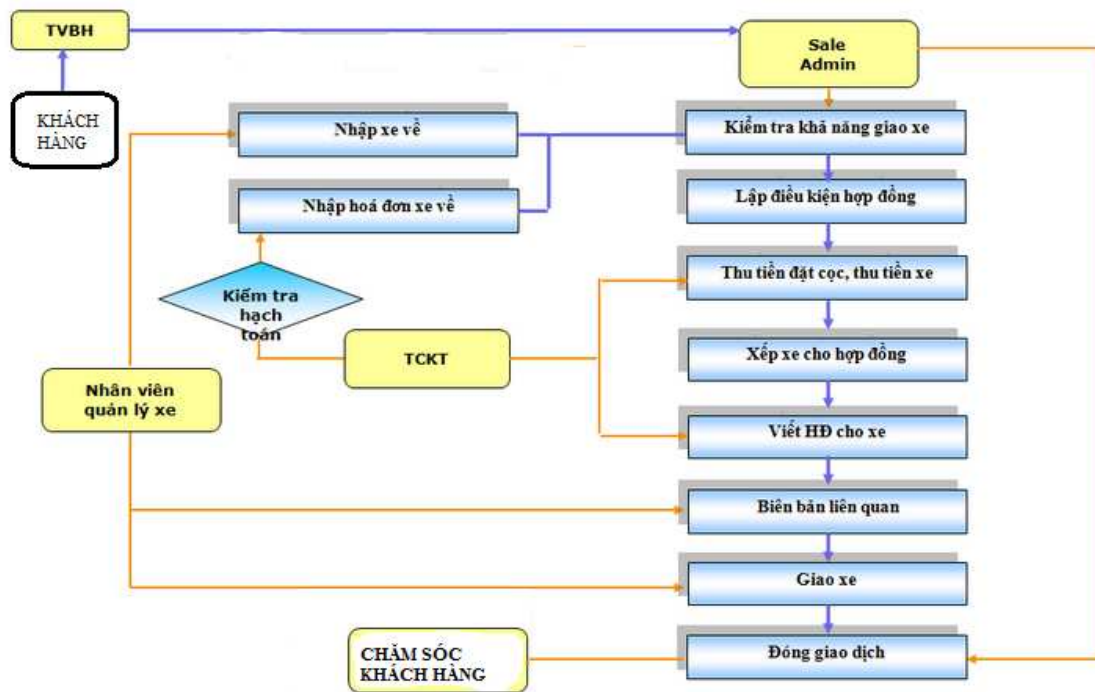
trình ký tất cả các cấp quản lý mà các nhà quản trị có thể duyệt ngay trên phần mềm, do đó đảm bảo được tiến độ đặt hàng và không ảnh hưởng đến thời gian mua hàng. Hơn thế nữa, phần mềm hỗ trợ tạo đơn hàng tự động là những phụ tùng đang có tồn kho thấp hơn mức tồn kho tối thiểu quy định và phụ tùng đang trong trạng thái khách hàng đặt hàng. Như vậy, sử dụng phần mềm Cybersoft đã loại bỏ được tình trạng mua hàng không qua kiểm soát và tiết kiệm thời gian đặt hàng, tiết kiệm chi phí lưu kho. Các hạn chế trong chu trình chi tiêu của AIS ở Công ty D&C được khắc phục.

#### 4.2.2.2 Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán chu trình bán hàng

Nhược điểm chính của chu trình bán hàng là trình tự luân chuyển chứng từ khá phức tạp, thông tin về hợp đồng, chính sách bán hàng, tình trạng thanh toán xe không được trao đổi kịp thời giữa phòng kế toán và phòng kinh doanh, cũng như cung cấp thông tin không kịp thời cho nhà quản lý; việc kiểm soát công nợ của kế toán chưa chặt chẽ. Vì vậy, khi xây dựng phần mềm Cyber, cần xây dựng quy trình quản lý bán xe sao cho ngay khi phòng kinh doanh tạo hợp đồng, phòng kế toán đã có các thông tin về hợp đồng; ngay khi phòng kế toán thu tiền của khách hàng, phòng kinh doanh đã biết thông tin về tình trạng thanh toán của khách... Không chỉ vậy, các thông tin về hợp đồng được cập nhật ngay tại thời điểm phát sinh giúp cung cấp thông tin cho việc ra quyết định của nhà quản lý. Việc theo dõi và kiểm soát công nợ được chặt chẽ, tránh thất thoát tài sản của công ty. Bên cạnh đó, quy trình quản lý bán xe cần được thiết kế khoa học, hợp lý, khiến cho trình tự luân chuyển chứng từ được khoa học, giảm bớt các thủ tục, giấy tờ không cần thiết, tạo thuận lợi cho người thực hiện.

Quy trình quản lý bán xe trong phần mềm Cybersoft:

## QUY TRÌNH QUẢN LÝ BÁN XE



Hình 4.2: Quy trình quản lý bán xe - phần mềm Cyber

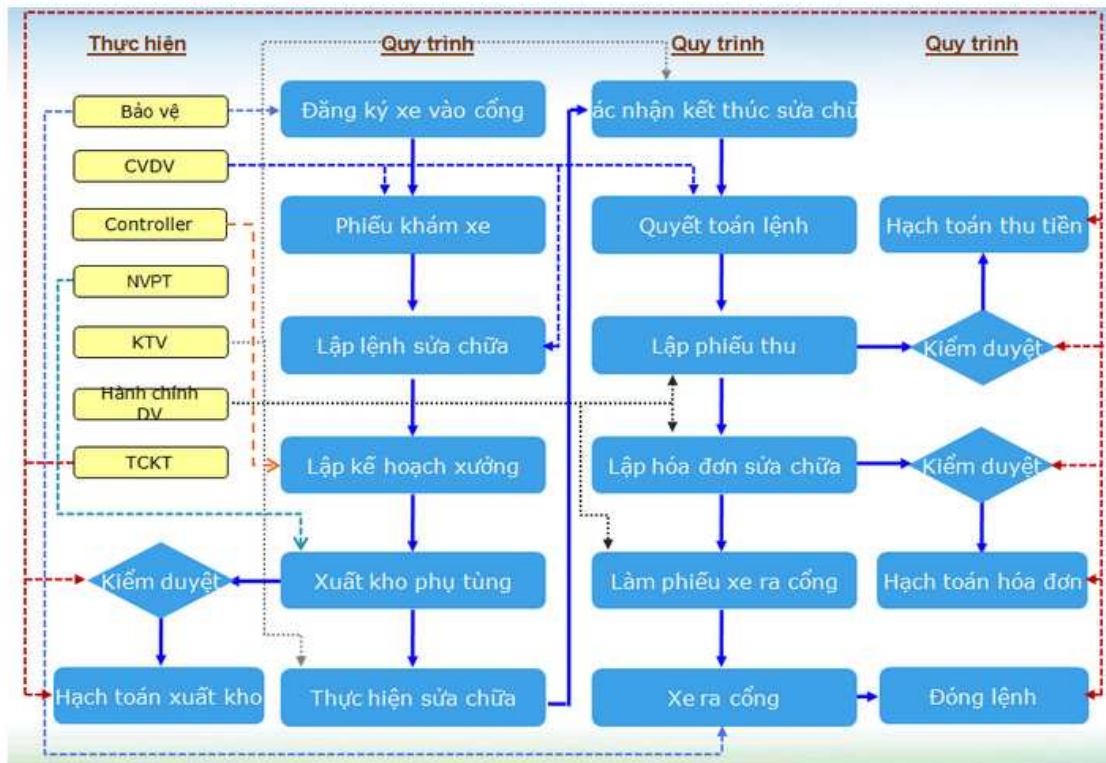
(Nguồn: Công ty CP Phần Mềm Quản Trị Doanh Nghiệp Cybersoft)

Với quy trình quản lý xe trên, khi nhân viên admin lập điều kiện hợp đồng trên phần mềm, thông tin về khách hàng, chính sách bán hàng tự động được truyền tới báo cáo của các phòng có liên quan. Khi khách hàng nộp tiền đặt xe, kế toán không phải lấy lại thông tin khách hàng mà chỉ cần số hợp đồng, toàn bộ thông tin khách hàng tự động hiển thị trên phiếu thu. Ngược lại, phòng kinh doanh có thể nắm được tình trạng thanh toán theo hợp đồng một cách chính xác nhất. Việc quản lý xe cũng trở nên dễ dàng, tránh tình trạng xếp trùng xe. Công việc xuất hóa đơn xe của kế toán cũng trở nên thuận tiện hơn trước. Thay vì phải dò lại sổ sách để kiểm tra từng lần thanh toán, xác nhận tình trạng công nợ, tính toán số tiền phải thu theo chính sách bán hàng, kiểm tra các khoản công nợ khác như phụ kiện, bảo hiểm... Phần mềm Cybersoft sẽ tự động cập nhật toàn bộ công nợ liên quan tới hợp đồng trên một báo cáo một cách chính

xác nhất. Vì vậy, giảm được áp lực cho kế toán và giảm thiểu những rủi ro liên quan đến công nợ bởi giá trị một chiếc xe không hề nhỏ. Hệ thống chứng từ trong chu trình kinh doanh cũng được giảm thiểu. Các thông tin liên quan đến hợp đồng, thông tin tài chính được liên kết giữa phòng kinh doanh, phòng kế toán và nhà quản trị có thể dễ dàng tra cứu, kiểm tra nên có thể bỏ bớt các chứng từ: phiếu đề nghị bán xe, phiếu đề nghị thu tiền bán xe, phiếu xác nhận tình trạng thanh toán. Như vậy, phần mềm Cybersoft đã khắc phục được các tồn tại trong AIS chu trình kinh doanh xe.

Với chu trình kinh doanh dịch vụ, quy trình quản lý sửa chữa và bán phụ tùng- phụ kiện, nhược điểm chính là thông tin không có sự kế thừa giữa phòng dịch vụ và phòng kế toán, doanh thu và giá vốn không được kiểm soát chặt chẽ, tạo nhiều lỗ hổng trong quản lý, dễ tạo điều kiện cho gian lận, gây thất thoát tài sản công ty. Vì vậy, khi xây dựng phần mềm Cybersoft, quy trình quản lý sửa chữa và bán phụ tùng- phụ kiện cần được thực hiện toàn bộ trên phần mềm. Cả cố vấn dịch vụ, nhân viên kho, nhân viên kho đều thao tác trên phần mềm, từ lập lệnh, xuất kho đến ghi sổ kế toán.

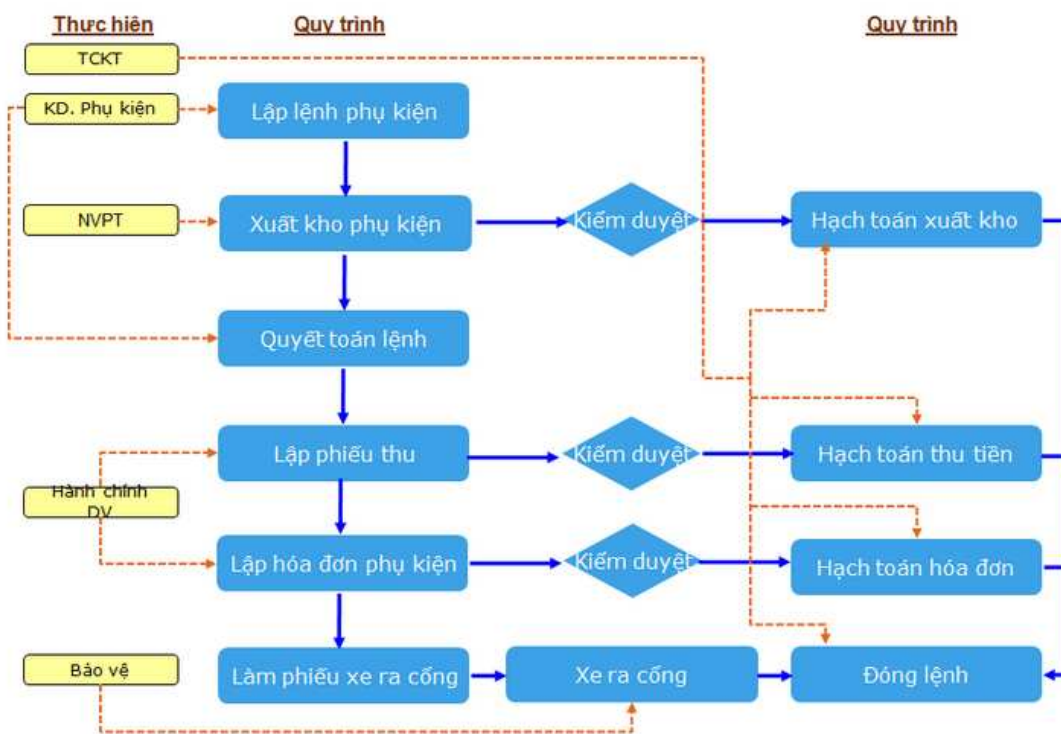
## QUY TRÌNH QUẢN LÝ SỬA CHỮA



Hình 4.3: Quy trình quản lý sửa chữa - phần mềm Cyber

(Theo: Công ty CP Phần Mềm Quản Trị Doanh Nghiệp Cybersoft)

### QUY TRÌNH QUẢN LÝ BÁN PHỤ TÙNG- PHỤ KIỆN



Hình 4.4: Quy trình quản lý bán phụ tùng/phụ kiện - phần mềm Cyber

(Theo: Công ty CP Phần Mềm Quản Trị Doanh Nghiệp Cybersoft)

Trong quy trình quản lý sửa chữa trên, toàn bộ quá trình từ khi xe vào xưởng đến khi xe ra xưởng được phần mềm Cybersoft quản lý theo một vòng khép kín.

Ngay từ khi xe vào xưởng, bảo vệ nhập biển số xe vào phần mềm, thông tin về xe đã được lưu nhằm mục đích quản lý xe trong xưởng.

Khi có vấn đề dịch vụ lập lệnh sửa chữa, thông tin về xe, khách hàng tự động hiển thị nếu xe đã từng vào xưởng hoặc khách hàng mua xe của đại lý. Quy trình dịch vụ trên Cybersoft giống như trên phần mềm DTS mà đơn vị đã và đang dùng. Tuy nhiên, phần mềm Cybersoft có ưu điểm hơn là ngay khi lập lệnh, có vấn đề dịch vụ đã biết tình trạng phụ tùng tồn kho, giảm thiểu việc chọn

phụ tùng phải đặt hàng và phải chờ đợi trong khi có sẵn phụ tùng thay thế với mã khác.

Khi kế toán lập phiếu xuất kho phụ tùng thì thông tin phụ tùng trên lệnh cũng được lấy tự động giống như sử dụng phần mềm DTS. Nhưng khác với DTS là không hạch toán kế toán, không liên kết vào dữ liệu quản lý hàng tồn kho, kế toán phải theo dõi riêng trên file excel và phải cập nhật lại toàn bộ phiếu xuất kho cũng như tự lập bảng tổng hợp nhập xuất tồn. Trên phần mềm Cybersoft, khi kế toán lập phiếu xuất kho phụ tùng, bút toán kế toán được lấy tự động theo như quy ước từ ban đầu khi tạo mới mã phụ tùng. Thông tin trên phiếu xuất kho sẽ tự động cập nhật vào báo cáo nhập xuất tồn phụ tùng, sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp và báo cáo tài chính.

Khi hồ sơ sửa chữa được đưa lên cho kế toán dịch vụ thu tiền, thông tin trên lệnh sửa chữa sẽ tự động hiển thị trên phân hệ hóa đơn, thu tiền của kế toán. Phần mềm tích hợp cả chức năng quản lý cấp giấy ra công cho xe dịch vụ như: xe còn công nợ phải có người bảo lãnh mới cho ra công được.

Khi xe rời xưởng, bảo vệ cập nhật biên số xe trên phần mềm, kết thúc một chu trình dịch vụ. Các tồn tại đã kể trên khi phòng dịch vụ sử dụng phần mềm DTS, kế toán sử dụng phần mềm Fast và bảng biểu excel như: không kiểm soát được phụ tùng xuất kho đã thu được tiền hay chưa, cố vấn dịch vụ có thêm-bớt công việc, phụ tùng trong quá trình sửa chữa không, có thu tiền riêng không... được khắc phục tối đa. Bởi phần mềm sẽ tự động tính toán và lập các bảng báo cáo quản trị như: phụ tùng đã xuất kho không thu được tiền, xe ra công không có doanh thu, báo cáo doanh thu theo cố vấn dịch vụ, theo kỹ thuật viên....

Như vậy, trong quy trình quản lý dịch vụ, phần mềm Cybersoft đã giúp nhà quản trị kiểm soát chặt chẽ hơn, giảm thiểu các tiêu cực.

#### *4.2.2.3. Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán chu trình báo cáo kế toán*

Với tồn tại trong AIS hiện nay là số liệu kế toán không kịp thời, khi sử dụng hệ thống ERP tồn tại đó không còn nữa. Phần mềm Cyber liên kết dữ liệu giữa tất cả các phòng ban tham gia vào chu trình kinh doanh. Các thông tin từ lệnh sửa chữa, lệnh bán phụ tùng phụ kiện của phòng dịch vụ, phòng phụ tùng; các thông tin từ hợp đồng bán xe của phòng kinh doanh được liên kết vào chứng từ kế toán: phiếu xuất kho, hóa đơn, phiếu thu, giấy báo có... Khi chứng từ kế toán được lập, phần mềm tự động cập nhật vào sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp, báo cáo tài chính, báo cáo thuế. Tại mọi thời điểm, nhà quản trị có thể biết được toàn bộ hoạt động của các bộ phận, hiệu quả kinh doanh... mà không phải đợi các báo cáo của bộ phận gửi lên, chủ động hơn trong quản trị doanh nghiệp, lập kế hoạch tài chính.

Phần mềm Cybersoft cũng giải quyết được thách thức số liệu kế toán báo cáo thời gian thực. Ngay khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã được ghi nhận vào hệ thống và lên các báo cáo quản trị cũng như báo cáo kế toán. AIS không chỉ cung cấp thông tin tài chính mà giờ đây cung cấp cả số liệu phi tài chính. Nhà quản trị có thể truy cập và xem báo cáo ngay lập tức. Vì vậy, thông tin từ AIS đã thực sự hỗ trợ và có vai trò quan trọng trong các quyết định nhanh của nhà quản trị. Sự rõ ràng và minh bạch của số liệu khiến nhà quản trị hoàn toàn yên tâm về các số liệu kế toán, tăng sự tin cậy và yên tâm về hệ thống kế toán.

Như vậy, với những tồn tại đang có trong AIS tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C, lựa chọn và sử dụng hệ thống ERP- phần mềm Cybersoft là lựa chọn hoàn hảo để hoàn thiện AIS tại doanh nghiệp.

#### *4.2.3 Hoàn thiện về tổ chức dữ liệu, phần mềm xử lý dữ liệu*

Với phương hướng hoàn thiện AIS tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C là áp dụng hệ thống ERP, người viết lựa chọn phần mềm Cybersoft bởi sự phù hợp với đặc thù của một đơn vị kinh doanh xe ô tô.

Giải pháp phần mềm quản trị tổng thể doanh nghiệp “Cyber ERP” bao gồm các phân hệ phần mềm sau: phân hệ phần mềm quản lý tài chính kế toán ; phân hệ phần mềm quản lý bán hàng ; phân hệ phần mềm quản lý mua hàng; phân hệ phần mềm quản lý kho.

Phân hệ phần mềm quản lý tài chính kế toán của Cyber soft:



Hình 4.5: Phân hệ phần mềm quản lý tài chính kế toán của Cybersoft

(Nguồn: Công ty CP Phần mềm quản trị doanh nghiệp Cybersoft)

Phần mềm Cyber giúp luân chuyển thông tin nghiệp vụ giữa các phòng ban kịp thời và chính xác, phối hợp các nghiệp vụ liên quan đến nhiều phòng ban một cách nhịp nhàng và hiệu quả, giảm thiểu sử dụng và luân chuyển thủ công các loại giấy tờ. Các dữ liệu chỉ cần nhập một lần và được chia sẻ cho tất cả các phòng ban chức năng của Công ty.



Ngoài ra, phần mềm Cyber có khả năng tạo ra các báo cáo tức thời và tin cậy về tình hình doanh nghiệp. Loại bỏ sự mâu thuẫn về số liệu thường tồn tại trong những hệ thống kế toán phân tán. Một tiện ích nữa của phần mềm là đảm bảo tính minh bạch và kiểm soát được, có sự phân quyền về quản lý và hạch toán, có sự kiểm soát và lưu lại dấu vết kiểm soát.

Như vậy, với các chức năng và tiện ích trên, ta có thể thấy phần mềm xử lý dữ liệu của Cybersoft khá thân thiện và có nhiều ưu điểm, phù hợp và đáp ứng được các yêu cầu hoàn thiện AIS tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C.

#### ***4.2.4 Hoàn thiện về tổ chức sử dụng phần cứng***

Để áp dụng phần mềm Cybersoft, công ty cần trang bị một máy chủ có cấu hình đủ mạnh và có tính toán đến lượng máy trạm sẽ sử dụng trong tương lai gần.

Bên cạnh đó, các máy trạm đã có thời gian sử dụng quá lâu, trên năm (5) năm nên thay mới để đảm bảo tốc độ xử lý cũng như màn hình đủ rộng để có thể xem toàn bộ giao diện.

#### ***4.2.5 Hoàn thiện về kiểm soát nội bộ***

Khi áp dụng hệ thống quản trị ERP, giải pháp phần mềm Cybersoft, hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C sẽ được nâng cao đáng kể.

Phần mềm Cybersoft giúp kiểm soát các lỗ hổng trong các chu trình kinh doanh dịch vụ, phụ tùng bằng các báo cáo quản trị như: Báo cáo xe ra xưởng chưa xuất hóa đơn; Báo cáo vật tư đã xuất kho nhưng chưa xuất hóa đơn; Báo cáo lãi lỗ theo lệnh sửa chữa; Báo cáo tồn kho chậm luân chuyển.

Báo cáo xe ra xưởng chưa xuất hóa đơn sẽ liệt kê được toàn bộ các thông tin về xe: ngày lập lệnh, số lệnh, biển số xe, thời gian xe ra xưởng, nhân viên lập lệnh cho xe ra, số tiền và đối tượng phải thanh toán. Như vậy, chỉ cần cố vấn dịch vụ lập lệnh trên phần mềm Cyber, dù không chuyển hồ sơ sửa xe cho kế toán để xuất hóa đơn, ghi nhận công nợ thì các nhà quản trị vẫn biết được thông tin, do đó kiểm soát được công nợ một cách chặt chẽ nhất.

Do đặc thù kinh doanh dịch vụ của Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C là thời gian sửa xe lâu, một lệnh sửa chữa có thể làm trong nhiều ngày, phụ tùng có thể được xuất kho từ tháng trước nhưng tháng sau xe mới sửa xong và mới xuất hóa đơn được. Vì vậy, việc theo dõi và kiểm soát được những phụ tùng nào đã xuất kho nhưng chưa có doanh thu rất quan trọng. Phần mềm Cybersoft đã giúp nhà quản trị trong kiểm soát nội bộ bằng báo cáo vật tư đã xuất kho chưa viết hóa đơn:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH TỔNG HỢP D&C					
SỐ 02 LÊ ĐỨC THỌ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI					
<b>BÁO CÁO PHỤ TÙNG ĐÃ XUẤT KHO NHƯNG CHƯA VIẾT HÓA ĐƠN</b>					
Số RO	Mã vật tư	Tên vật tư	ĐVT	Ngày xuất	Số lượng
		<b>Tổng cộng dở dang:</b>			
<b>B16000345</b>		<b>Tổng: B16000345</b>			
B16000345	08F01T9A7T0X	ÓP CÁN TRƯỚC CITY	Cái	4/29/2016	1.0
B16000345	08F03T9A7T0X	ÓP CÁN SAU CITY	Cái	4/29/2016	1.0
B16000345	08F04T9A7T0X	ÓP THÂN XE CITY	Cái	4/29/2016	1.0
B16000345	08F13T9A7T0X	CẢNH LƯỢT GIÓ THỂ THAO CITY	Cái	4/29/2016	1.0
B16000345	DKCITY	Dán phim toàn bộ xe city	Gói	4/27/2016	1.0
B16000345	KLS14CITYMT	Trái lót sàn City 2014	Cái	4/29/2016	1.0
B16000345	KNBCD14CITYNH	Nẹp bước chân có đèn City 2014	Cái	4/29/2016	1.0
B16000345	KNGD14CITYMT	Nệm ghế da City 2014	Cái	4/29/2016	1.0
B16000345	KOGM14CITYTL	Óp găm mây City 2014	Cái	4/29/2016	1.0
B16000345	KVM14CITYNH	Vẽ mưa City 2014	Cái	4/29/2016	1.0
B16000345	NNCITY	Phủ nano CITY	gói	4/29/2016	1.0

Hình 4.6: Ví dụ Báo cáo vật tư đã xuất kho nhưng chưa viết hóa đơn trên Cyber soft

Nguồn: Phòng kế toán- Công ty D&C

Như vậy, phần mềm Cybersoft đã giúp hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp thực hiện được dễ dàng và nhanh chóng nhờ các báo cáo tự động. AIS cung cấp thông tin cho hệ thống kiểm soát nội bộ đầy đủ hơn, đã giảm áp lực cho bộ phận này một cách đáng kể.

## KẾT LUẬN

Theo mục tiêu đặt ra, luận văn đã thực hiện được các nội dung sau: Luận văn đã hoàn thiện cơ sở lý luận về hệ thống thông tin kế toán. Tiếp đó, luận văn đã khái quát các chu trình chính trong AIS ở Công ty D&C: chu trình chi tiêu, chu trình bán hàng và chu trình cung cấp dịch vụ bằng công cụ lưu đồ chứng từ. Qua đó, chỉ ra các thông tin cung cấp cho kế toán tài chính, kế toán quản trị, phân tích những điểm yếu của quy trình trong AIS. Cuối cùng, luận văn đề xuất các giải pháp để hoàn thiện AIS tại Công ty D&C, nâng cao khả năng cung cấp thông tin của AIS, giúp ra quyết định và tăng tính kiểm soát của doanh nghiệp. Thông tin được cung cấp chi tiết, nhanh chóng, kịp thời. Các lỗi hỏng trong quản lý được khắc phục. Nhiều vấn đề tồn tại trước đây được giải quyết. Bên cạnh đó, các nhân viên cũng nhận được những giá trị mà hệ thống AIS mang lại: tiết kiệm thời gian nhập liệu, tra soát thông tin nhanh chóng, không phải lập báo cáo, dễ kiểm tra đối chiếu. Tuy nhiên, nhược điểm của phương án đưa ra là chi phí để mua và cài đặt phần mềm khá lớn. Doanh nghiệp gặp khá nhiều khó khăn trong giai đoạn triển khai, đào tạo.

Ngoài những thành công trên, luận văn còn hạn chế do thời gian nghiên cứu không dài nên tác giả mới chỉ sử dụng công cụ kỹ thuật của AIS là lưu đồ chứng từ mà chưa sử dụng các công cụ khác như sơ đồ dòng dữ liệu, lưu đồ chương trình, lưu đồ hệ thống. Mặt khác, thời gian Công ty D&C xây dựng và áp dụng giải pháp mà luận văn đưa ra với thời gian ngắn nên chưa đánh giá được hết những hạn chế của giải pháp. Bên cạnh đó, giải pháp về hệ thống ERP phù hợp với những doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn nên chưa phù hợp với những doanh nghiệp có quy mô nhỏ bởi chi phí khá lớn.

Như vậy, luận văn với đề tài “Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán tại Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh Tổng Hợp D&C” đã hoàn thành được mục tiêu

nghiên cứu, là nền tảng để nghiên cứu hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán tại các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực ô tô trong nước sau này.

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Tiếng Việt:

1. Bùi Quang Hùng- Bài giảng hệ thống thông tin kế toán
2. Đinh Công Trí (2013) “Tổ chức thông tin kế toán phục vụ kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất tại Công ty TNHH đồ gỗ Nghĩa Phát”
3. Đoàn Xuân Tiên và tập thể giảng viên Học Viện Tài Chính (2012) “Tổ chức thông tin kế toán quản trị tư vấn cho các tình huống quyết định ngắn hạn trong các doanh nghiệp”
4. Hồ Mỹ Hạnh (2014) “Tổ chức hệ thống thông tin kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp may Việt Nam”
5. Nguyễn Bích Liên- Bài giảng hệ thống thông tin kế toán
6. Nguyễn Đăng Huy (2011) “Tổ chức công tác kế toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin tại các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu Việt Nam”
7. Nguyễn Hữu Cường- Bài giảng hệ thống thông tin kế toán
8. Nguyễn Hữu Đồng (2012) “Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán trong các trường đại học công lập Việt Nam”
9. Nguyễn Mạnh Toàn, Huỳnh Thị Hồng Hạnh (2011)- Hệ thống thông tin kế toán- Nhà xuất bản Tài Chính
10. Nguyễn Thành Công- Bài giảng hệ thống thông tin kế toán
11. Nguyễn Thế Hưng (2008)- Hệ thống thông tin kế toán- Nhà xuất bản Thống Kê
12. Nguyễn Thị Nguyệt Thu (2015) “Tổ chức thông tin kế toán quản trị phục vụ ra quyết định ngắn hạn tại Công ty CP PYMEPHARCO”
13. Nguyễn Thị Thu Đến (2012) “Kế toán quản trị phục vụ ra quyết định ngắn hạn trong các doanh nghiệp thương mại- Trường hợp Công ty CP Ô Tô Trường Hải Đà Nẵng”

14. Phạm Đức Cường- Bài giảng hệ thống thông tin kế toán
15. Phạm Lê Hoài (2012) “Hoàn thiện tổ chức thông tin kế toán trong chu trình bán hàng và thu tiền tại Công ty CP PYMEPHARCO”
16. Phan Đức Dũng- Thiều Thị Tâm- Nguyễn Việt Hưng- Phạm Quang Huy (2008) – Hệ thống thông tin kế toán- Nhà xuất bản Thống Kê
17. Trần Mậu Thông (2010) “Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán tại Công ty CP Lâm đặc sản Quảng Nam”
18. Trần Thị Thanh Tâm (2013) “Hoàn thiện tổ chức thông tin kế toán trong chu trình cung ứng tại Công ty CP Cẩm Hà”
19. Trần Thị Thúy (2015) “Hoàn thiện tổ chức thông tin kế toán hàng tồn kho tại Tổng công ty CP Dệt may Hòa Thọ”

Tiếng Anh:

1. Amy Fontinelle “Introduction to accounting information systems”
2. António Trigo, Fernando Belfo, Raquel Pérez Estébanez (2014) “Accounting Information Systems: The Challenge of the Real-Time Reporting” - CENTERIS 2014 - Conference on ENTERprise Information Systems / ProjMAN 2014; - International Conference on Project MANagement/ HCIST 2014 - International Conference on Health and Social Care Information Systems and Technologies
3. Gilbert Manda “Accounting as an information system”
4. Leslie W. Weisenfeld and Larry N. Killough () “ One company’s experience with Accounting Information System changes- An analysis of managers’ satisfaction”
5. Mahdi Salehi (2010) “Usefulness of Accounting Information System in Emerging Economy: Empirical Evidence of Iran”
6. Mohamed H. Abdelazim (2005) “The role of Accounting Information in organizations’ Strategic management” - Journal of Economic and Administrative Sciences Vol 21, 1-41..

7. NZOMO SAMUEL (2013) “Impact of accounting information systems on organizational effectiveness of automobile companies in Kenya”
8. ZSUZSANNA TÓTH (2012) “The Current Role of accounting information systems” - 'Club of Economics in Miskolc' TMP Vol. 8., Nr. 1., pp. 91-95.

Internet:

1. Lã Thị Thu (2014)- Tapchitaichinh.vn - “Tổ chức thông tin kế toán trong các doanh nghiệp hiện nay”- <http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/tai-chinh-doanh-nghiep/to-chuc-thong-tin-ke-toan-trong-cac-doanh-nghiep-hien-nay-54082.html>
2. Trần Nhật Thiện – Voer.edu.vn - “Thông tin kế toán quản trị với việc ra quyết định” - <https://voer.edu.vn/m/thong-tin-ke-toan-quan-tri-voi-viec-ra-quyet-dinh/64ad9dd6>
3. <https://quizlet.com/17495189/chapter-7-accounting-information-systems-flash-cards>
4. <http://www.myaccountingcourse.com/accounting-dictionary/flexibility-principle>
5. <http://www.myaccountingcourse.com/accounting-dictionary/control-principle>
6. <http://www.myaccountingcourse.com/accounting-dictionary/relevance-principle>
7. <http://www.myaccountingcourse.com/accounting-dictionary/compatibility-principle>
8. <http://www.myaccountingcourse.com/accounting-dictionary/cost-benefit-principle>



## **BẢNG CÂU HỎI PHỎNG VẤN**

- 1- Xin cho biết chức vụ của anh/ chị trong công ty?
- 2- Chức năng và nhiệm vụ của bộ phận anh chị đang làm việc?
- 3- Đề nghị anh chị mô tả quy trình công việc của anh/chị hoặc quy trình làm việc của bộ phận mình?
- 4- Anh/chị có khái quát hóa chu trình làm việc của mình bằng các sơ đồ, hoặc bằng các văn bản hướng dẫn không?
- 5- Anh/chị có nhận xét gì về quy trình hiện tại?
- 6- Nếu anh/chị có quyền thay đổi quy trình hiện tại thì anh/chị có đề xuất gì?